

PHƯƠNG ĐÔNG

KỊCH-NGHỆ ♦ ĐIỀU-KHẮC ♦ Y-LÝ
HỘI-HOẠ ♦ VÕ-THUẬT ♦ ĐỊA-LÝ
CHIẾN-THUẬT ♦ KIẾN-TRÚC
THIÊN-VĂN ♦ NGÔN-NGỮ
PHONG-TỤC ♦ GIÁO-DỤC
TRIẾT-LÝ ♦ ĐẠO-ĐỨC ♦ TÔN-GIÁO
HUYỀN-LÝ ♦ HUYỀN-NHIỆM

VĂN HÓA ĐÔNG PHƯƠNG

**NGUYỆT - SAN
THÁNG 4
NĂM 1973**

Số 22

Nguyệt San

Số 22 tháng 4 năm 1973 — QUÝ-SỬU PHƯƠNG ĐÔNG

Chủ-nhiệm kiêm chủ bút : HOÀNG-SỸ-QUÝ — Phó chủ bút : LƯU-TRUNG-KHẢO

trong số này :

1. Chân trời huyền sử với chữ Nho KIM ĐỊNH — 213
2. Dịch kinh với Thiên văn học NGUYỄN VĂN THỌ — 218
3. Đạo giáo ở Việt nam. NHẤT THANH — 222
4. Hành hương Tây trúc mới (tt). HOÀNH SƠN — 230
5. Một lối chép phả đơn giản NGUYỄN ĐỨC DỤ — 237
6. Hát bội (tt) : Thời kỳ cực thịnh HỒ HỮU TƯỜNG — 244
7. Xông hơi TRẦN VĂN TÍCH — 252
8. Khảo cứu Đông dược bằng phương pháp thực
nghiệm ĐÀO SĨ CHU — 257
9. Giáo dục mới (tt) HOÀNG VĂN ĐỨC — 263
10. Thầy đồ và trường học BỔ BẢNG ĐOÀN và BỔ TRỌNG HUỀ — 268
11. Từ quyền... đến quyền nguồn gốc Mã lai (tt) NGUYỄN BẠT TỤY — 277

TIN TỨC VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO

HỢP THƠ

VIỆT NAM • PHƯƠNG ĐÔNG • THỜI ĐẠI • THẾ GIỚI • ĐẠO GIÁO

BẢO QUẢN : 161, Yên-Đồ, SAIGON — Đ.T. : 24.592 — H.T. : 2.094

Nguyệt san **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24592

GIÁ BẢO

Mỗi số	90đ
Công số	giá gấp đôi
Một năm	950đ
Một năm (độc giả sinh viên)	850đ
Một năm độc giả ân nhân	2500đ sắp lên

Cao nguyên và miền Trung : thêm 150đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 350đ cước phí đường thủy một năm.

AI tìm được 7 độc giả dài hạn 950đ, hoặc 10 độc giả dài hạn 850đ, sẽ được thưởng một năm báo.

Mỗi số báo mất, xin báo tin và trả một nửa tiền báo và tiền bưu phí, Tòa báo sẽ gửi bù.

CÁCH TRẢ TIỀN

1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2094

2) Đến ty bưu điện, trả qua Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

ghi địa chỉ và lý do

3) Công số, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân khố V.N. :

Saigon T/M 57070, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1	trang quảng cáo ân nhân	:	12.000 đ
1	trang quảng cáo thân hữu	:	7.000 đ
1/2	trang trong , mỗi kỳ	:	2.500 đ
1/4	trang trong , mỗi kỳ	:	1.300 đ
	Trang bìa mặt sau 2 màu (nhiều kỳ liên tiếp)	:	14.000 đ
	Trang bìa mặt sau 1 màu	:	10.000 đ
	6 kỳ liên tiếp sắp lên	:	bớt 20 phần trăm

Quản lý :

Đỗ-thị-Phương

Thư ký tòa soạn :

Lê-thành-Chung

Xuất-bản :

Phạm-ích-Anh

Độc ủy viên :

Nguyễn-ngọc-Lê

Chân trời huyền sử với chữ Nho

KIM-ĐÌNH

SỰ KỶ chú trọng tiểu tiết Huyền sử chú trọng toàn cảnh. Mà toàn cảnh tìm ở những cái tế vi. Tế vi cùng với tiểu tiết đều là nhỏ! Nhưng nhỏ của tiểu tiết cụ thể khách quan nên thu gọn. Còn nhỏ của tế vi tiềm ẩn u linh nên tỏa rộng. Vì muốn đặt nổi sự khác biệt trên nên một trong những phân biệt lớn lao của Việt nho là vòng trong và vòng ngoài. Tiểu tiết thuộc vòng ngoài, tế vi thuộc vòng trong. Chính vì đặt nặng vòng trong mà Việt nho đưa ra những đề quyết táo bạo làm sững sốt nhiều người, thí dụ nho sơ thủy là cửa Lạc Việt...

Đó là câu nói thoát nghe có vẻ quá khích, hay là đùa vô duyên hoặc vội vàng vì trong trăm giống Việt chẳng ai biết nho là gì cả. Việt nho trả lời rằng nói thế mới đúng có vòng ngoài, nhưng còn vòng trong thuộc huyền sử thì sao ? Như đã trình bày chương trước, huyền sử phải biết vượt vòng ngoài và những chi tiết để nhìn được vòng trong là cái toàn thể nó vượt lên trên chi tiết. Nói theo ngôn ngữ la-tinh là cần thực thể chứ không chữ nghĩa (res et non verba). Nói theo nay là phải dùng phê bình nội tại : xét đến những đức tính trường tồn bên ngoài chữ nghĩa, bên ngoài vấn đề nguồn gốc. Thí dụ khi nói Hoa là du mục, còn Việt là nông nghiệp thì không cần căn cứ trên nguồn gốc xem chủng nào đi vào nông nghiệp trước. Điều đó có th hay, không cũng chẳng sao, vì quan trọng là nội dung, hễ nội dung nào nhiều tính chất nông nghiệp hơn thì cho đó là nông nghiệp. Đó là đường lối chúng tôi đã cố gắng theo và kết quả là những câu nói trái với thường tình và làm cho sự đọc chúng tôi cũng phải đi theo lối trái thường tình. Thường tình đọc một lần là hiểu ngay, đây này phải đọc hai ba lần là ít. Có những đọc giả đọc rất nhiều lần mà mỗi lần mỗi thấy cái gì mới lạ khác lần đọc trước, đó là vì Việt-nho chú ý đến vòng trong vi tế. Trong chương này và chương sau chúng tôi đưa ra mấy thí dụ căn bản, nếu chỉ nhìn theo vòng ngoài thì chẳng thấy đâu là ẩn tích của Viêm Việt, nhưng nhìn sâu vào lại thấy đầy ắp. Vậy trước hết chúng ta bàn đến chữ nho.

Từ đời nhà Thanh người Tàu quen gọi Hán thay cho nho là cốt ý chống Tống nho đã bị coi là sa đọa. Còn khi nước ta nói chữ hán thì nó bao hàm cả chủ quyền của người Tàu. Điều này cũng đúng vì dù giả sử nho không do người Tàu khởi sáng ra nữa, thì cũng do họ định-chế và

thống-nhất nên chữ nho rõ rệt là của người Tàu, không ai chối cãi được ; nhưng đó mới là sự thật vòng ngoài không sai nhưng còn nông cạn vì chưa dừng đến những điểm quan trọng hơn nhiều. Để thấy điều đó thì cần hỏi chữ nho có những đặc điểm nào mà trên thế giới này không đâu có cả. Thừa là chữ tượng ý vậy mà đó cũng là đặc điểm của Viêm Việt, thế mà nét đó là nền tảng nền Việt hoa đều có một đất đứng chung rất quan trọng. Chính chữ tượng ý đem lại văn minh cho Việt Hoa đức tính bền vững nhất trong nhân loại như sẽ bàn dưới. Có được chữ tượng ý là nhờ tiếng đọc âm. Điểm này giúp cho chữ tượng ý đạt được mọi cái hay của chữ là bất biến, khách quan, gọn và phổ biến. Đó là những đức tính gắn liền với nhau, thiếu một là thiếu cả: thí dụ thiếu bất biến thì rồi cũng thiếu phổ-biến-tính, mà thiếu phổ-biến-tính là một sự khiếm khuyết trầm trọng về minh triết và triết-lý. Vậy mà các chữ trên thế giới đều trọng thanh, mà, thanh là yếu tố biến đổi rất nhiều cả trong thời gian (cứ trong vòng ba bốn thế kỷ là biến đổi) lẫn không gian. Cũng là tiếng Anh mà Mỹ nói khác giọng Anh, người Y-pha-Nho đọc Latinh khác người Pháp. Rồi sự biến đổi âm kéo theo biến đổi chữ viết. Nếu không thì chữ trở nên vô ích như phần lớn tiếng Anh, Pháp hiện nay viết là Haut, Eau mà đều đọc là ô cả, viết aout mà đọc u. Tiếng Anh viết I mà không rõ phải đọc là i hay ai... Càng ngày chữ viết càng xa giọng đọc nên càng trở thành vô ích, bắt phải đặt nặng việc âm tả, mất ba bốn năm viết chưa xuôi mà vẫn không được ơn chi khác như đọc được các cổ thư. Đang khi đó các trẻ con Trung-hoa không mất nhiều thì giờ hơn để nhận mặt chữ (tôi thấy trẻ em Đài-Loan 6,7 tuổi đọc truyện lâu lâu) rồi nhờ đó không bao lâu sẽ đọc được hết các tác phẩm từ ba ngàn năm trước để lại. Còn trẻ em Pháp không đọc nổi Rabelais thí dụ, trẻ em Anh không đọc nổi Shakespeare nếu không viết lại theo lối này. Và cứ thế ít thế kỷ phải thay chữ viết để theo kịp đà biến đổi của âm thanh (évolution phonétique). Tính ra thì dân bảo cò nhất như Espagne cũng chỉ giữ được 4 thế kỷ còn Pháp 3, Nga 2 (Marg. 107). Càng đổi nhiều càng thêm rắc rối dễ lẫn lộn nên càng phải thêm xác định bằng giống số của danh từ, ngôi vị của động từ... chông chất trùng điệp nhiều khi rất vô ích thí dụ câu : « Ba cái hoa (thì là) đỏ » tiếng Pháp sẽ viết « les trois fleurs sont rouges ». Một loạt 4 chữ S chỉ số nhiều khi đã có từ ba và động từ sont rồi tùy thì mà ra sera, auront, auraient été... chi chít cái khó toàn do ước định vô lối chẳng hạn hóa giống cái có nền tảng thật ở đâu. Đó chỉ là một thí dụ trong muôn vàn, nói ra tất cả thì vô cùng. Những cái vô ích đó gây rất nhiều bất tiện mà ông Margoullies kể ra như sau : — Rậm lời hơn chữ Việt-Hoa ít gì ba bốn lần. Việt-Hoa vì không phải chú ý đến những xác định về cú-pháp... nên chú tâm vào việc làm giàu từ, nên từ giàu hơn gấp năm. Thí

dụ ta nói vác thì Pháp nói : mang trên vai, còn gánh : mang trên vai bằng một đoạn tre hai đầu có treo thùng...

— Cùng với lối ẩn loát gọn một quyển sách Tàu nhỏ hơn được 10 lần, nên.

— Một sách Tàu lớn thì bằng cả một tủ sách Tây.

— Sự đọc của người trí thức trung bình Tây phương ít hơn nhiều và nhất là xoay quanh toàn tác giả mới, bỏ mất quá nhiều những tác giả sâu xa hơn... chỉ vì xưa, vì thích tìm độc đáo mà cuối cùng xét ra phần lớn là lặp lại điều người trước đã có nói mà không hay biết. (Chúng tôi không đi sâu vào chi tiết này, ai chú tâm có thể đọc thêm Margoulies). Điều trầm trọng hơn cả cho các tiếng Tây âu là nay không còn văn tự (langue écrite) nên không còn gì liên kết với xưa nữa, thành ra sự tan rã càng đi mạnh. Ở Trung cổ còn có văn tự là La-tinh tuy không tượng ý, nhưng còn là chữ trừu tượng gửi cho mắt, nay La-tinh mất thì không còn lối giải quyết. Xem Margoulies tr. 254 về vấn đề thể-giới-ngữ gặp quá nhiều khó khăn. Nhưng sự bất lợi không phải chỉ có thế mà còn trầm trọng hơn nhiều là dẫn đến sự thất bại của triết học. Sự thất bại này hiển nhiên, và người ta đã đưa ra rất nhiều lý do giải nghĩa nhưng ở đây tôi chỉ chú ý tới lý chứng thuộc ngôn ngữ do ông Margoulies đưa ra. Theo ông đó là do ngôn ngữ văn tự bị chi phối hay điều kiện hóa nên mất hẳn phổ biến tính, thí dụ, cũng là từ tôi, nhưng ở tiếng Mỹ nó phải mặc một hình thức nhất định tùy vị trí, nếu là chủ-từ thì I nếu là đối tượng thì me, nếu là số nhiều thì đôi dạng we, us chữ nào cũng bị đặc thù hóa, nghĩa là mất tính chất bất dịch và phổ biến. Trái lại chữ nho vì là trọng ý nên Tàu, Nhật, Việt đọc khác nhau mà hiểu như nhau y như đối với thể giới viết số 5 ai cũng hiểu mặc dầu có trăm ngàn lối đọc. Vậy tất cả chữ nho là tượng ý đang khi Tây Âu chỉ được có 10 con số là tượng ý, ngoại giả toàn là tượng thanh nên bị điều kiện hóa và thế là vô tình dẫn đến việc suy tư hỏng, bỏ suy tư chân thực thì phải đạt được cái gì phổ biến. Cho được thể điều kiện tiêu cực là tâm trí phải thoát vượt được những cái gì đặc thù hạn hẹp, đang này nền luận-lý của Tây Âu lại vận hành trọn vẹn trên những cái đặc thù được biểu thị rõ rệt trong những danh từ. Vì thế muốn dịch chữ logique đúng nhất thì không còn gì hơn là chữ danh lý tức là cái lý của danh hay là khoa lý-luận chỉ đạt được những cái lý bám sát cái danh. mà vì danh nào cũng bị xác định, tức tư riêng hóa, nên tư tưởng cũng trở nên tư riêng xác định vòng ngoài. Thế mà nhà suy luận không biết lại gán cho giá trị phổ biến, nói khác là nâng lên hàng tuyệt đối những cái tương đối, cho là chung những cái thực sự chỉ là riêng thì đó là đầu mối cho mọi bế tắc trong cõi suy tư.

Đã có nhiều người thông minh nhận ra điểm đó nên cố công phát triển mạnh toán học. Vì toán suy luận bằng những ký hiệu không bị tự riêng hóa: bao giờ 3 cũng là 3, nên sẽ giúp cho đạt phổ-biến-tính, là cái không thể tìm được trong ngôn ngữ. Những người đó xưa kia là Pythagore còn đời mới là những Leibniz, Descartes, Newton, Auguste Comte (Marg. 206) nhưng vì toán không liên hệ được với cụ thể nên không giúp triết học gia đạt mục tiêu và triết vẫn xoay quanh danh lý : « *raisonnement verbal* » : tức bị hạn cục nên làm sao thấy được xa. Vì thế Tây Âu phải mất 22 thế kỷ mới thêm được một sự xác định cần thiết cho câu phương ngôn thời danh của Aristote là « một sự vật không thể vừa có vừa không một trệt », Aristote quên không xác định mà các triết học gia sau cứ lấy làm nền, đề từ đó rút tĩa ra những nguyên lý tai hại khác như triết tam hay cấm mâu thuẫn... bóp nghẹt tư tưởng Tây Âu không cho vươn lên được vòng trong, đành phát phi ra hàng ngang : rậm lời, rậm ý-hệ mà rỗng một cách thảm hại. Phải chờ đến thế kỷ 20 mới có những toán gia nhìn ra và thêm vào câu « trong cùng một hệ thống ». Nghĩa là trong hệ thống khác thì câu nguyên lý trên hết xài. Nói khác là câu nguyên lý không có phổ biến tính. Các học giả đã lầm lỗi trầm trọng khi tôn nó lên bậc phổ biến, và kiến thiết triết thuyết trên đó, đến nay khi nhận ra thì tất nhiên biết bao lâu dài đồ sộ sụp đổ. Ngược lại vì chữ nho tượng ý không hề bị thay đổi do cú pháp hay âm thanh, nên đã trở thành một thứ văn tự (*langue écrite*) với danh từ bất biến và cú pháp cực đơn giản : vì căn cứ trên ngữ vị và một số nhỏ hư tự để xác định cú pháp : tất cả đều bất biến, nên cũng chờ theo những nguyên lý phổ biến thực sự như âm dương, tam tài, ngũ hành,... Đây là chỗ phải nói rõ về chữ tượng ý không nên lẫn với chữ tượng hình (*pictographique*) của người Mỹ-tây-cơ hay thổ dân Phi châu nó còn thô sơ vì chỉ gọi lên cho người xem một hình ảnh lơ mờ không thể xác định, ngược lại chữ tượng ý thì gọi lên một từ với ý xác định, nó chỉ khác tượng thanh, hơn không những vì vượt không gian : ai đọc sao cũng được mà vẫn hiểu như nhau. Nhưng ngoài ra còn nhiều cái lợi khác : trước hết là nó liên hệ với hội họa, nên viết cũng là vẽ, nhưng vì vẽ ý, nên lại liên hệ với thuyết giảng, tuy không đánh mạnh vào tai nhưng lại giải giảng thuyết phục bằng nắm dài lại đó trên tường, trên cột, trên bình sứ v.v... Cũng như liên hệ với nhạc, vì là chữ đa thanh, nên bài thơ viết trên tranh cũng chơi vai trò như bản nhạc, một thứ tính nhạc. Chính vì tính chất đa năng trên nên chữ nho tỏa ra một sức chinh phục huyền bí như có ma lực là vì nó tham dự vào cả hội họa, cả hiện thuyết, cả âm nhạc, và nhất là triết lý, nên rất xứng danh là linh tự, với nghĩa chữ linh là phổ biến, là tác động vào toàn thể các cơ năng.

Điều này còn được biểu lộ ngay trong lối viết đặc biệt của chữ nho bao gồm cả ngang dọc, tả hữu. Trong nhân loại chỉ có lối viết hàng ngang hầu hết từ tả qua hữu, hoặc từ hữu qua tả như Sémité. Riêng có nho thì kiêm cả hai : từng chữ thì tự tả qua hữu, từng dòng thì tự hữu qua tả. Nếu hỏi Việt tộc có phần đóng góp nào vào đây thì rõ rệt là lối « tả nhậm » này. Người Tàu cũng quý trọng bên Chiếu (tả) lắm, nhưng là thấu hóa về sau kiểu góc mái nhà cong, chứ còn ban đầu đời Thương, Chu, Tần đều thờ bên mục. Nhưng dầu vấn đề nguồn gốc có sao đi nữa thì tả nhậm vẫn được kể là nét đặc thù của Viêm Việt. Và việc viết từ hữu sang tả nếu không là con dấu của Lạc Việt thì ít nhất cũng là con dấu của liên bang Việt-nho. Vì thế nói chữ nho là của riêng Tàu đúng có ngoài mặt còn sai bề trong, mà cái trong lại mạnh kiêu đả ngã, nên gây ảnh hưởng vào lối viết từng chữ không còn hẳn là hàng ngang và từ tả qua hữu nhưng toàn diện « en surface » theo lối nhận xét của ông Margoulies. Và như thế nói lên rõ rệt phần đóng góp của Viêm Việt vào sự thành lập chữ nho.

TÁI BÚT :

Chân lý trên còn có thể kiện chứng bằng nhiều lối, nhưng ở đây không phải chỗ, và chúng tôi cũng không có giờ đi vào, vậy xin đi lại đây như đề tài cho một số luận án có thể.

Trước hết là việc kiểm soát lại xem ta với nho có bao nhiêu từ chung (hoặc ta vay Tàu hay Tàu vay ta) số lượng đó có thể rất cao, theo sự ước tính của một số học giả thì có tới 8 ngàn chữ gốc nho trong 13 ngàn chữ viết (Cadière) hoặc 6 trong 10 ngàn (Ngô-tất-Tố). Ông Margoulies cho là lúc ta còn dùng chữ nôm thì sự khác biệt với chữ nho rút gọn vào mấy chục từ (P. 269) Nhưng số đó có là bao nhiêu đi nữa, cái quan trọng là ngữ cấu của ta là nho, không nên bỏ, mà cũng không đại gì phải bỏ, cũng như chẳng thể bỏ, có nghĩa là mối liên hệ giữa tiếng Việt và chữ nho rất thâm sâu cũng như phần đóng góp, hay ít ra phần giống nhau rất quan trọng vậy.

Luận án thứ hai thuộc cú pháp. Cú pháp nho là của Tàu, điều đó không có chi lạ vì là chủng thống trị, thì ngôn ngữ tất cả là của họ. Nhưng đó cũng mới là vòng ngoài, còn vòng trong phải xét mấy vấn đề sau :

— Trước hết phải bỏ hẳn quan niệm sai lầm cho cú pháp quan trọng hơn đánh từ.

— Sau đó nên nhận rõ cú pháp nho rất đơn giản rút gọn vào ngữ vị và cấu thức với một số hư tự đề xác định cú pháp. Thí dụ ngữ vị của danh từ, tính từ, thuộc từ, ta nói hoa đỏ, Tàu nói đỏ hoa. Cấu thức : ta nói tôi đọc sách, Tàu cũng thế : «ngộ đọc thư» nhưng nhiều khi Âu-Lạc lại nói tôi sách đọc, hoặc đọc tôi sách, hay đọc sách tôi v.v., Xem chẳng hạn Terrien de Lacouperiet «*The languages of China before Chinese*» . 8 và lúc ấy sẽ nhận ra cú pháp ta, tiếng ta còn gần với Tàu hơn là với nhiều chi khác cùng chủng. Nhưng dầu sao thì về ngôn ngữ có thể nói là tiêu di mà đại đồng : như đọc âm, đa thanh là những yếu tố đưa đến chữ tượng ý rồi đến linh tự, nghĩa là những đức tính làm cho chữ nho trở nên linh tự đầy sức hấp dẫn huyền bí và những ảnh hưởng rất sâu xa thì lại là của chung các dân Viễn đông ; độc âm, đa thanh với chữ tượng ý.

Một đề án nữa có thể là tìm xem cú pháp trên còn lưu ảnh hưởng lại trong kinh điển đến đâu nhất là trong kinh Thư, Thi. Trong kinh năng gặp những tiếng nhị âm của vùng Thái-Son (Lạc Việt). Terrien p. 23. Kinh Dịch cũng thế. Xem Terrien p. 15. Đó là những sách cổ nhất nên cú pháp chưa ổn định trọn vẹn theo Tàu, còn để lại một số ấn tích của Viêm Việt. Công việc này rất tỉ mỉ thuộc bác học chuyên môn, chúng tôi không có giờ đi vào nhưng tin rằng ai làm được sẽ làm nổi lên phần đóng góp của Việt-tộc. Nhưng dầu sao thì không quan trọng bằng từ và chữ tượng ý đã nói trên. Mà vấn đề ai đặt ra từ, ai đặt ra chữ thì không thể biết, chỉ chắc có thể điều đó là công việc cộng đồng của khối dân gian trong đó có Lạc Việt. Margoulies 120.

Chương sau sẽ bàn về tính tỷ lệ nho đề tiếp nối việc bàn về chữ nho.

Dịch - Kinh với THIÊN-VĂN-HỌC

NGUYỄN-VĂN-THỌ

Từ trước tới nay ít có người dùng kinh Dịch để luận về Thiên văn.

Điều đó rất dễ hiểu, vì trong kinh Dịch, những đoạn có liên-quan đến thiên-văn một cách lộ-liều, tổng cộng lại được chừng mười dòng.

Quẻ Bí viết :

« Cương nhu giao thác, thiên văn dã. Quan hồ thiên-văn dĩ sát thời biến. » (Bí, thoán truyện) (Cứng mềm giao nhau đó là văn-về tự nhiên của trời vậy. Xem thiên văn để biết thời biến)

Quẻ Phong viết :

« Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực, thiên địa doanh hù, dư thời tiêu tức. » (Phong, Thoán truyện).

Tạm dịch :

« Vòng Dương cao sẽ xế ngang,
Trắng tròn rồi sẽ chuyển sang
hao gầy.

Đất trời lúc rỗng, lúc đầy.

Thăng trầm, tăng giảm, đổi thay
theo thời. »

Hệ-từ thượng, nơi chương 4,
viết :

« Ngưỡng dĩ quan thiên văn,
phủ dĩ sát địa lý. »

Tạm dịch :

« Ngưỡng lên, tinh-tượng vờ
trông,
Cúi nhìn cho thấu lạch sông,
ngọn nguồn... »

Hệ từ hạ, khi bình giải hào cửu
tứ quẻ Hàm viết :

« Nhật vãng tắc nguyệt lai,
Nguyệt vãng, tắc nhật lai.

Nhật nguyệt tương thôi, nhi
minh sinh yên.

Hàn vãng tắc thử lai.

Hàn thử tương thôi, nhi tuế
sinh yên. » (Hệ từ hạ, Chương V)

Tạm dịch :

« Vòng trắng đắp đổi vòng
Dương,

Vòng Dương đắp đổi đài gương
Quảng Hắc.

Mặt trời cùng với mặt trăng,

Luân phiên đắp đổi, nên hằng
sáng soi.

Lạnh đi, nóng lại tới nơi,

Nóng đi, lạnh lại trở lui thay liền.

Hàn, ôn đắp đổi thường xuyên,

Cho nên tuế-nguyệt miên-triền
sinh ra. »

Những tài-liệu trên đây dĩ nhiên là không đủ để nhận-định về thiên-văn ; cò, cũng như kim.

Sở dĩ, ngày nay, tôi có thể dùng Dịch để bình-luận về Thiên-văn được, là vì tôi có may-mắn khai thác thêm được ít nhiều yếu-tố của Dịch-kinh, mà xưa nay chưa ai khai-thác. Đó là :

— Dựa vào các đồ-bản Dịch mà suy-luận,

— Dựa vào Dịch-số mà suy-luận,

— Dựa vào các định-luật của Dịch mà suy-luận.

— Tham-khảo thiên văn hiện-đại để chứng-nghiệm.

Dựa vào những dữ-kiện trên

tôi sẽ bàn về mấy vấn-đề sau đây :

1) — Thái-cực và vòng Dịch với Thiên-văn học.

2) — Thái-cực là Vũ-trụ, là Toàn-thê (Tout); quần tinh, vạn tượng là phân-thê. (parties du Tout)

3) — Âm Dương với Thiên-văn học.

4) — Tứ-Tượng với Thiên-văn học.

5) — Ngũ hành với Thiên-văn học.

6) — Các quẻ Dịch với quan-niệm « vũ-trụ bất đồng đẳng » (univers anisotrope)

7) — Định-luật biến dịch; định-luật « sinh, trưởng, thu, tàng » với Thiên-văn.

8) — Định-luật tự tán của Dịch với Thiên-văn.

1) — Thái-cực và vòng Dịch với Thiên-văn.

Trong dân-gian, ta thường thấy trước cửa nhà, có treo hình bát quái với Thái-cực ở Tâm-diêm.

Tại sao dân chúng lại trọng-kính hình Bát quái như vậy ?

Thưa vì, truy kỳ nguyên. Thái-cực, chính là Trời, là Thượng-đế, còn bát quái tượng-trưng cho các hiện-tượng, cho vạn-hữu, quần sinh.

Như vậy Bát quái có Tâm, mà Tâm ấy là Thái-cực.

Dịch là hình ảnh của vũ-trụ. Nếu Dịch có tâm, có trục, thì bầu trời bao-la này cũng phải có tâm, có trục.

Trục ấy, tâm ấy ở nơi đâu trên bầu trời ?

Khảo Thiên văn Trung-Hoa, ta thấy có hai thuyết :

a) Tâm của vũ-trụ là sao Bắc thần.

b) Tâm của vũ-trụ cách sao Bắc thần chừng vài độ.

a) Tâm vũ-trụ là sao Bắc-thần (étoile polaire).

Người Trung-Hoa xưa tin rằng sao Bắc-thần (étoile polaire) là tâm-diêm của bầu trời, và các tinh-cầu đều vận-chuyển chung quanh sao Bắc-thần.

Luận-ngữ có câu : « Vì chính dĩ đức, thì như Bắc thần, cư kỳ sở, nhi chúng tinh cùng chi. » (L.N. II, I) « Làm chính trị mà dùng đức độ (thì mọi người sẽ từng phục qui-thuận) y như sao Bắc-thần ở một chỗ, mà mọi vì sao đều châu về. »

Thiên văn Trung-Hoa xưa gọi sao Bắc-thần (étoile polaire) là :

— Thiên-Hoàng thượng-đế (1)

— Bắc-cực.

— Thiên-cực (2)

1) — C'est une seule étoile répondant à la dernière étoile de la queue de la petite Ourse, ou à notre étoile polaire. Le nom chinois de cette étoile est significatif, car tandis que toutes les autres étoiles ont un mouvement, l'étoile polaire paraît sans mouvement, et être le point fixe autour duquel tous les autres astérismes tournent et auxquels il semble imprimer le mouvement. Elle était donc comme le Souverain du Ciel, et on lui donne conséquemment le nom.

Gustave Schlegel, *Uranographie chinoise*, T.I. p. 523.

2) — Thiên cực nhất tinh danh Bắc cực, vị tại trung ương, tứ phương sở thủ chính, cổ viết Trung cung, viết Thiên-cực, tức Bắc thần dã.

1b. Tome I. p. 524

Lại cho rằng đấng Tối cao ngự trị tại đó. (1)

Như vậy đối với dân Trung-Hoa xưa, Bắc thần đã là tâm-diêm của hoàn-vũ, là nơi Thượng-đế ngự-trị.

Còn vòng Hoàng-đạo, Xích-đạo có thể sánh với vòng Dịch bên ngoài, biến-chuyển không ngừng-ngỉ.

b) — Tâm của vũ-trụ ở gần sao Bắc thần.

Tuy nhiên quan-niệm Thiên-văn trên, không làm được cho chúng ta thỏa-mãn, bởi lẽ sau :

Tâm diêm của vòng Dịch là Thái-cực vô hình-tượng. Chẳng lẽ Trung tâm vũ-trụ lại là sao Bắc-thần, hữu hình-tượng hay sao ?

Theo Dịch, cái gì đã có hình-tượng đều biến-thiên. Như vậy, chẳng lẽ sao Bắc-thần, có hình-tượng như mọi vì sao khác, lại bất biến, bất động hay sao ?

Quả-nhiên, sau này, Trầm-Quát, một thiên-văn-gia đời Tống đã sửa lại được sự sai-lầm của người xưa. Ông nhận-định rằng sao Bắc-thần không phải là tâm-diêm vũ-trụ ; trái lại nó cách tâm-diêm vũ-trụ chừng 3 độ, và xoay quanh tâm-diêm ấy.

Ông viết : « Trước thời nhà Hán, người ta tin rằng sao Bắc-thần là tâm-diêm của bầu trời, vì thế được gọi là Cực-tĩnh. Tô-Hằng-Chi (thế-kỷ thứ 5) nhờ ống vọng-đồng đã tìm thấy rằng tâm-diêm cố-định của trời ở cách sao Bắc-thần chừng hơn 10.

« Trong những năm Hi-Ninh (1068-1077) (đời vua Tống-Thần-

Tông), tôi vâng mệnh vua, coi Khâm-thiên-giám.

« Tôi liền cố tìm Bắc-cực bằng ống vọng-đồng.

« Ngay từ tối hôm đầu, tôi nhận thấy rằng : vì sao mà tôi có thể nhìn qua ống vọng-đồng, một lát sau, lại chuyển-động ra ngoài tầm ống nhòm.

« Tôi nhận-định rằng lỗ ống còn quá nhỏ. Cho nên tôi làm những ống có lỗ to dần thêm.

« Sau ba tháng thí-nghiệm, tôi mới làm được một ống nhòm có lỗ to đủ, để nhìn thấy sao Bắc-thần xoay quanh mà không trật ra ngoài.

« Tôi nhận thấy rằng sao Bắc-thần xoay quanh và cách Bắc-cực khoảng 30.

« Tôi liền vẽ nhiều đồ-bản ghi chú vị-trí của sao Bắc-thần từ khi sao lọt vào tầm ống nhòm, lúc chập tối, lúc nửa đêm và lúc tảng sáng. Hơn 200 đồ bản như vậy đã chứng minh rằng sao Bắc-thần cũng là một sao xoay quanh Bắc cực. Tôi liền làm số sáu trình lên vua, đề báo cáo. » (2)

Nhận định của Trầm-Quát (3) có giá trị về hai phương diện :

a) Về phương diện triết học, nó cho thấy Vô là chủ chốt cho

1) — Thiên trung cung, Thiên cực tĩnh, kỷ nhất minh giả Thái nhất thường cư.

Ib. Tome I, p. 524, note I.

2) — Cf. Needham, *Science and Civilization in China*, Tome III, p. 262.

3) — Thực ra Hạch Mạnh đời Hán cũng đã nói : « ... Cho nên, chỗ không có sao, Thần-cực ở yên một chỗ » (Cf. Lê quý Đôn. Văn đài loại ngữ I, tr. 86.

Hữu : vô hình là chủ chốt cho hữu hình, hữu tướng.

b) Vì là Vô như vậy, nó mới có thể vừa làm tâm điểm cho giải thiên hà (galaxie) của chúng ta, mà còn có thể là tâm điểm hay trục cho các giải thiên-hà khác.

c) — Về phương diện khoa học, nó cho thấy tại sao, các sao Bắc thần lại có thể thay đổi sau một vài nghìn năm.

Và đây là các sao đã giữ vai trò Bắc thần từ xưa tới nay trong Thiên văn Trung Hoa :

1) — Tả-khu, Hữu-khu (khoảng năm 3000 trước kỷ nguyên, Bắc cực đã ở giữa hai sao này.

2) — Thiên ất (3067 i Draconis).

3) — Thái ất (42 hay 184 Draconis). Hai sao này ở gần sao Hữu Khu, và có lẽ đã được coi là sao Bắc thần.

Thái ất được coi là sao Bắc thần vào khoảng 2000, 1500 trước Công nguyên.

Thiên ất được coi là sao Bắc thần khoảng năm 1500, 1000 trước Công nguyên.

4) — Thiên đế tinh (B Ursoe minoris, Kochab), đóng vai Bắc thần khoảng năm 1000 trước Công nguyên.

5) — Thiên trụ hay Hữu tinh (4339 Camelopardi). Sao này có lẽ đã đóng vai Bắc thần thời Hán. (- 200 trước công ng. + 200 sau công nguyên)

6) — Thiên-hoàng đại đế (A Ursoe Minoris) đóng vai sao Bắc-thần ngày nay. (1)

(Còn nữa)

1) — Cf. Needham, *Science and Civilization in China*, Tome III, pp. 260-261.

Trị các chứng HO

HỌ KHAN
HO ĐÀM
SƯNG CƯỜNG PHỔI
SỤYỀN

PNEUMOREX

THUỐC HO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Tín Ngưỡng

Đạo Giáo ở Việt-Nam

NHẤT-THANH

(Xem Phương-Đông từ số 7)

Phụ Tiên

Các cụ ta xưa tin tưởng có tiên, và tiên thì bắt tử, bắt đầu học rồi mới ngán là đầu, mà dễ cảm thông linh ứng, cho nên các cụ ham chuộng việc phụ tiên, thường là đề hỏi xem cơ trời, thời thế, đại sự cát hung, những năm thiên tai đại nạn, mà không bao giờ tới việc làm ăn bốn mùa tài lợi.

Người ta lập đàn phụ tiên ở những đền danh tiếng như đền Ngọc-sơn Hà-nội, đền Tản-Viên Sơn-tây, đền Đào-xá Hưng-yên... Tương truyền thời hậu Lê tại làng Yên-ninh, bên hồ Trúc-bạch, huyện Vĩnh-thuận, tỉnh Hà-nội, ngày nay là khu phố Chùa Châu-Long, phố Yên-minh, phố hàng Bún (Hà-nội) có người sùng tín việc cầu tiên, lập điện ngay trong nhà, giới trí thức lui tới cầu đảo tấp nập; tổng-đốc Hà-nội lúc ấy cũng là một «tín đồ» nhiệt thành, đã xướng xuất cho lập đền thờ trên nền nhà kia. Tiếng đồn dãi, thập phương xa gần đến lễ cầu mong cầu cơ càng đông. Về sau, gần đây, mấy nhà hiểu cổ muốn đổi tìm di tích đền mà không thể nào nhận ra phải chăng là một trong những ngôi đền hiện tại ở khu phố này hay là đã bị hủy diệt từ bao giờ.

Nhiều khi nho-gia nhà cửa khang trang cũng phụ tiên ngay tại tư-

thất; Hoàng-gláp Nguyễn-thượng-Hiền hồi làm đốc-học Ninh-bình, hay lập đàn phụ tiên tại công đường.

Nói là lập đàn nhưng rất giản dị, chỉ một chiếc án nhỏ trên bày một đỉnh đốt trầm, một bình cắm hoa, chuộng nhất hoa lan, hoa mai, hoa đào, hoa cúc, tùy từng mùa. Trước án bày một mâm đựng gạo phủ kín khắp mặt mâm, và một cành đào vót nhọn, gọi là hạc-bút, để viết trên mâm gạo. Một nho-sinh hai giới có sức học đủ viết được những câu thơ, ngồi bên mâm gạo, cầm hạc-bút, đầu phủ khăn điều che kín trước mặt. Người cầm bút phải được «luyện» cho thành thuộc rồi, không phải bất cứ ai hễ trai giới rồi là ngồi cầm bút được; tương truyền có bài «luyện» dài lắm, tiếc rằng ngày nay không còn tìm đâu ra.

Nếu tiên giáng bút thì nho-sinh, bút đào cầm sẵn trên tay, cứ thế viết trên mâm gạo, khăn điều vẫn phủ kín trước mặt, không bỏ ra như con đồng bần Chư vị; thường hai người ngồi bên chăm chú nhìn và đọc cho chép ra giấy. Những chữ viết trên mâm gạo không rõ ràng như chữ viết mực đen trên giấy trắng, nhất là những chữ nhiều nét, lắm khi không nhận ra được, nếu đọc sai thì lập tức bút đào gõ xuống vành mâm hai ba tiếng; phải khỏa

gạo và rừng mằm cho phẳng mặt gạo để viết lại, nếu còn đọc sai lầm thì có thể bút đào lại gỗ, để sửa cho đúng. Tuyệt nhiên người cầm bút không bao giờ nói một câu gì. Tiên đã giảng bút thì cứ viết liên tiếp, không phải khẩn vãi kêu cầu, thường là một bài thơ, có khi hai ba bài : ngoại trừ trường hợp hãn hữu hầu như không bao giờ viết văn xuôi kiểu bút đàm. Điều đáng thắc mắc là hầu hết những bài thơ giảng-bút là những áng văn mà học-lực và khẩu-khi của nho-sinh cầm bút đào không thể trứ-tác được. Có khi bút đào viết chậm giải ung dung, nhưng nhiều khi viết nhanh lại viết thảo, đọc không đúng cũng bỏ qua, rồi sau các cụ mới cùng nhau hội ý suy luận tìm ra cho đúng chữ. Lời văn bài nào cũng hay mà ý thơ nhiều khi man mác, cao viễn, đến mông lung... Câu hỏi một việc mà rất có thể được giảng bút một bài thơ như không ăn nhằm gì đến. Xin giảng bút thì chỉ niệm cầu tiên, mà không bao giờ khẩn cầu đích danh vị tiên nào. Lúc giảng bút, nhất là khi được nhiều bài thơ, thì nhặt ra những chữ, tìm ra những từ thơ để suy đoán, có thể nhận ra là lời văn, là tư-tưởng của một vị tiên trứ danh xưa nay. Có khi tiên được hé lộ qua những câu văn, như thấy những chữ « Vọng Đầu Ngưu » thì biết Mạnh-Hạo-Nhiên tiên Vương xương Linh có câu *Tương tư Vọng Đầu Ngưu*, thấy chữ « Tửu-trung tiên » thì biết Đỗ-Phủ tặng Lí Bạch có câu *Từ xưng thần thị tửu trung tiên*,

thấy chữ « thi-sử » thì biết là Đỗ-Phủ, đều là thi-nhân đời Đường; nếu trong bài giảng bút có câu nói rõ hay nói vóng ra cái ý « Tiểu ẩn », hay nói đến núi Phượng-hoàng, thì biết là Chu-văn-An ; Nếu có câu dả động đến Bạch-Vân (am) hoặc đề lộ cái ý Tuyết-giang (phụ-tử) thì biết là Nguyễn-bình-Khiêm ; nếu nói Non Côi núi Cát đi về thì biết ngay là Liễu-Hạnh Công chúa. Mặc dầu Chu-văn-An, Nguyễn-bình-Khiêm... không phải là tiên nhưng các cụ coi là những bậc anh linh bất hủ giảng bút, có khác gì tiên, cũng bất tử.

Mười mười lăm năm đầu thế kỷ XX gần đây người ta còn nhớ truyền khẩu nhiều bài tiên giảng bút, ngày nay chỉ còn thấy trong một vài ấn-loát phẩm mấy bài của Liễu-Hạnh công chúa (1) có lẽ vì có bài bằng quốc âm lại thích hợp với trình độ dễ hiểu biết của quần chúng ; hầu hết các bài giảng-bút khác toàn bằng Hán-văn, ý nghĩa lại cao xa khó hiểu ; và lại các bậc đại nho thường không muốn phổ biến những truyền cầu tiên vẫn được coi là huyền bí.

Người trước kể lại rằng thời Thiệu-trị ở Thanh-hóa có một ông đụp (đỗ tú-tài ba khoa) và một ông bạn học có tiếng hay chữ, trước khi lên đường ứng thí, phụ tiên hỏi đầu bài kỳ thi Hương năm ấy. Phụ suốt đêm hôm trước không được, đêm thứ hai sang nửa canh tư, tiên mới giảng bút ba chữ « Đông

(1) *Vị Hán văn khảo Phan-kế-Bính.*

chấn thù » rồi bỏ bút đào thẳng ngay. Như vậy là trong số nhiều đề thi tiên chỉ cho biết một đề. Hai ông suy nghĩ gần một tháng trời trước khi chấy thi, vẫn không hiểu là thế nào, vì chưa từng học những chữ ấy trong các sách Kinh truyện và Bách-gia chư-tử. Nhưng vẫn thận trọng kính cẩn không dám tiết lộ cho ai biết. Khoa thi ấy có bài đầu đề ra « Đông thú Trần ». Mọi người nghe chuyện lấy làm kinh dị, và cho rằng nếu giáng bút « Đông trấn thù » (*chấn* và *trấn* khác hẳn nhau cả mặt chữ cả nghĩa) thì rất có thể người ta nghĩ ra mà nói lái thành « thú Trần ». Các cụ xưa vẫn tin rằng có như vậy mới là huyền bí, cho biết mà vẫn không nhận ra được.

Cũng khoảng đầu thế kỉ XX nho-gia nhiều người nghe biết câu truyện: một học-giả người Nam-định thiết lập trai-đàn phụ tiên hỏi về việc thi cử khoa năm ấy. Được giáng bút vồn vện có 5 chữ « Công danh lưỡng bất thành » nghĩa là công danh hai chữ chẳng thành. Khoa thi thấy là năm Mậu - tuất, nhà nho chán nản định bỏ không đi thi, nhưng được nhiều bạn khuyên giải mới miễn cưỡng nhập trường ứng thi; và được chấm đậu. Vị tân-khoa và nhiều bạn học lấy làm thắc mắc, lại lập đàn phụ tiên có ý đề hỏi xem sao lại được giáng bút bảo là thi trượt. Vừa ngồi vào trước án, nho-sinh cầm hạc-bút viết lia lịa bắn tóe cả gạo trong mâm: « Lưỡng

bất thành, phi Mậu tuất như hà », nghĩa là hai chẳng thành, không phải Mậu-tuất là gì ? Viết xong vút bút thẳng ngay. Ai nấy đều ngã ngựa người nhận ra chữ Mậu và chữ Tuất giống như chữ Thành mà (lẽ dĩ nhiên) không phải chữ Thành; câu giáng bút có nghĩa là Công danh ở năm Mậu-tuất.

Lời truyền không nói rõ là thi Hương hay thi Hội. Thi Hội năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi; tra cứu trong Quốc-triều đăng khoa lục ta thấy khoa Mậu-Tuất (1898) tỉnh Nam-định không có người thi đỗ đại-khoa, nhưng năm Mậu-Tuất (1839) 60 năm về trước, có hai người đăng-khoa là : Phạm-văn-Nghị, xã Tam-đăng huyện Đại-an, đỗ Hoàng-giáp, và Doãn-Khuê xã Ngoại-lăng huyện Thư-trì (thời ấy thuộc tỉnh Nam-định) đỗ đồng tiến-sĩ; tiếc rằng ngày nay không có cơ hội cũng như không có điều kiện thuận tiện để tìm hỏi con cháu hoặc người làng hai vị đại-khoa, cho rõ truyện. Thế vẫn là « Thiên cơ bất khả lộ », giáng-bút bảo cho mà vẫn không thể biết.

Sách *Le culte des Immortels en An-nam* (1) (Tục thờ cúng tiên-thánh ở An-Nam) của Nguyễn-văn-Huyền có chép một đơn thuốc được tiên giáng bút cho bằng 4 câu thơ :

Ngũ nguyệt ngũ nhật ngo
phương bố

(1) *Le Culte Immortels en An-Nam*
Nguyễn-văn-Huyền.

(tháng 5 ngày 5 buổi quá trưa, là ý nói nửa mùa hạ, chữ nho là *Bán hạ*, tên một vị thuốc Bắc)

*Song tiền quả chỉ cánh
niêm hồ,*

(trước cửa sổ treo giấy, lại dán hồ, ý nói dán hồ cho gió khỏi làm bay; chữ nho là *Phòng phong*, tên một vị thuốc).

*Đường Ngu Nghiêu Thuấn
tương truyền sự,*

(Nhà Đường nhà Ngu vua Nghiêu vua Thuấn việc còn truyền lại: Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn không phải là con, mà là đề phụ vào, vậy là *Phụ tử*, tên một vị thuốc,

*Chung nguyệt, chung nhật
bán tự vô,*

(hết tháng hết ngày không có nửa chữ, ý nói giấy đề trắng không viết gì, chữ nho là *Bạch chỉ*, tên một vị thuốc; chữ *chỉ* trong tên vị thuốc đồng âm với *chỉ* là giấy)

Đây là bài thuốc 4 vị: Bán hạ, Phòng-phong, Phụ-tử, Bạch chỉ, chữa cúm, cảm phong, cảm thử. Tuy không kê rõ số lượng mỗi vị thuốc, nhưng đều là những vị thông thường có thể gia giảm tùy tình trạng bệnh-nhân.

Trong tập *Lữ-trung ngâm* (1) tác-giả Lê-huy Dao kể lại nhiều buổi phụ tiên xin thơ, hỏi thời vận; phần Hán-văn này choán quá nửa tập kí sự, chép rõ đêm nào cầu lên những tiên nào, như Lí Thái Bạch, Lã Động Tân, Hàn Tương, Hải-

thượng Đạo ông (?)... Tiên giáng cho thơ, ông họa; có khi xin thơ về thời-sự. Xem ra thơ của tiên và của ông lời nhẹ nhàng hay hơn thơ ông khi còn theo Chúa. Ông không nói rõ cách ông cầu tiên, cho nên không biết ai cầm «bút» cánh đào.

Đêm mồng 9 tháng 6 năm nhâm tí (1792) Lã-tiên giáng, họa các thơ mà 5 hôm trước tiên Hải-thượng Đạo-ông đã ban và ông đã họa. Trong thơ của Lã-tiên lần này có hai vế:

*Nhật quang khả tủy trung thần
cổ,*

Triệu lộ nam thu bảo chúa Kim.
(Ánh mặt trời có thể rửa giận của kẻ trung thần khi trước, móc buổi sáng khó khâu bảo chúa ngày nay).

Vế dưới nghĩa gì? Đối với Huy-Dao thì sau khi Quang-Trung mất, câu thơ ấy là một câu sấm.

Tác giả cũng kể lại rằng đêm 27 tháng 5 năm nhâm-tí (1792), con ông có hỏi tiên về tiền trình của anh. Tiên đã trả lời bằng một bài thơ, trong có hai câu:

(1) LỮ-TRUNG NGÂM: sách chép tay song thất lục bát, có lẫn ít bài Dự, Hịch, Văn-tế, thư... Vừa năm vừa chữ Hán; tác giả chép những việc xảy ra trong khi chạy theo chúa Trịnh và những tháng năm ông lánh nạn sau khi Chúa đã chạy lên thượng-du và mất ở Cao-lینگ. Tác-giả Lê-huy-Dao, người làng Nhân-mục huyện Thanh-tri (tỉnh Hà-dông bấy giờ) đỗ Hương-Cống: năm bính-ngọ (1786) Chúa Yên-dô Trịnh-Bồng cất lên làm phó-tri Lê-phiên. Chưa được vài tháng Chúa bị Nguyễn-hữu-Chính đuổi đánh, chạy lên xứ Kinh-Bắc; ông chạy hệ từng... Năm 1803 Gia-Long đã lên ở Phú-Xuân, ông dời về ở nhà tại Thăng-long và lâm bệnh mất.

Nhân tiên sự nghiệp tu vô vấn,
Thần hậu công danh tổng thị
không.

(sự-nghiệp trước mắt nên dừng hỏi,
công danh sau này hoàn toàn không).
Thấy trả lời như vậy thì sững sốt,
lại hỏi thêm, tiên cho hai câu nghĩa
rằng:

Ông hỏi tiên-trình thói hầy
hương, khiến người xa ngóng
chuyển thành không. Bốn năm
sau con ông chết, lúc ấy mới 30
tuổi.

Ông và con ông là người thông
minh học rộng, rất tin về việc cầu
tiên và về tiền-định, như hầu hết
người đương-thời (1).

Trong tập *Lô-giang tiều-sử*,
tác-giả là Nguyễn-văn-Mại chép gia-
phả nhà Ông, có nói về chuyện Ông
và mấy người bạn trước khi đi
thi Hương, cầu tiên như sau:

«Ở huyện ta, lúc trước học
«khoa cử đương còn thịnh, mỗi đến
«kỳ thi các nhà văn-sĩ tụ tập cầu
«tiên đề bói rui may. Còn nhớ khoa
«nhâm-ngọ (1882) ta cùng bạn đồng
«hương là các anh Vũ-Sỹ (2), Trần-
«bá-Cao... anh Trần-trọng-Chiếu và
«các anh Hoàng-Liên, Hoàng-Thông
«làng Xuân-tùy, anh Hoàng-Duy,
«Hoàng-Hiền, Nguyễn-tăng-Cung,
«v.v... hội nhau sai đồng tiên, hỏi về
«việc thi; tiên hạ bút cho bài thơ
«rằng:

«Nhất trường lễ nhạc phán
cao đé,
«Vạn tục diễn cung bút vị tề.

«Mãn lộ vân già khan tự mộng,
«Trường đồ vũ sái vọng
như nề.

«Thi thành châu ngọc dương
hoa thảo,

«Phú đặc phong vân nhập
phẩm đa.

«Do học thành tài kim tự cổ.

«Hợp đồng chúng khẩu giác
vô kể.

«Ban đầu không hiểu, đến khi
«vào trường thấy ra đề thi là
«Đồng-diễn hợp cung», đề phú là;
«Hưng-thi, lập lễ, thành nhạc» lấy
văn là «Cổ chi thành tài giả dị».
Mới hay thơ tiên là diệu».

Điều ở chỗ những chữ trong
đề Thi và đề Phú đều có trong bài
giáng bút, đến cả văn hạn định
cho bài Phú cũng được nêu ra rõ
ràng, nhưng các bậc nho uyên-
thâm cũng phải chịu dù có đọc đi
đọc lại nghiền ngẫm bài giáng-
bút bao lâu cũng không suy đoán ra
được hai đề Thi, Phú trên kia.

Trong tập *Lô-giang tiều-sử*
cũng có chép một việc cầu tiên
khác như sau:

«Vua Tự-đức tức vị được 36
«năm, gặp lúc ấy quốc-gia đa nạn...
«lo phiền thành bệnh, dùng thuốc

(1) Hoàng-xuân-Hân phe chống đảng
Tây-sơn ở Bắc với tập «*Lô-trung ngâm*» Sứ
Địa số 21 tháng 1-3 năm 1971,

(2) Vũ-Sỹ cùng đỗ phó-bá với Nguyễn-
văn-Mại khoa ki-Sưu (1889), nghĩa là bảy
năm sau khi có cuộc hội nhau phụ tiên (QUỐC-
TRIỀU ĐẢNG KHOA LỘC).

« không công hiệu. Triều-đình nghe
 « trong làng ta có hội-đồng tiên,
 « đặc triệu mọi người hội đến hầu
 « sai tại bộ Lễ. Bộ Lễ kết hai chiếc
 « lâu-thuyền trên sông Hương. Lại
 « ủy cho ông Trần chi Tín, ông
 « Nguyễn Khâm... tham-biện Nội-
 « các và ông Hoàng-dũng-Tân, toàn-
 « tu Sử-quán, ba ông thay phiên nhau
 « lên đàn cầu thỉnh, cầu ba ngày
 « đêm tiên không lên; nửa đêm sau
 « tiên lên viết hai chữ LỤC LỤC
 rồi xuống, các quan đều cho
 là triệu bất tường. Vì lục lục là
 tam thập lục, mà hoàng-thượng
 ngự lịch đã 36 năm. Việc ấy xảy
 vào ngày tháng tư, quả nhiên đến
 ngày 16 tháng 6 vua băng... »

Cũng trong tác-phẩm ấy còn
 kể lại mấy truyện tiên giáng bút
 nhiều câu thơ được ghi chép rõ,
 sau nghiệm ra đều đúng, lục cả ra
 đây e dài dòng quá (1).

Nguyễn-văn-Mại là bậc trí thức
 dự hàng khoa bảng, nhiều cao
 kiến, viết những truyện cầu tiên
 trên đây có câu: « Thần tiên có
 hay không, sao mà khó hiểu thế ».
 Tưởng không thể nói gì hơn khi
 muốn nghị luận về những việc
 huyền bí kia, trừ phi cứ mặc nhiên
 phủ nhận không muốn nói đến.

Về ảnh hưởng của Đạo-giáo ở
 đất ta thì sau những truyện tiên phải
 kể các bậc túc-nho có thẩm nhuần
 Lão Trang, về như có tư tưởng
 phát sinh từ phái Huyền-bí bên
 Tàu xưa, nhưng không cực đoan
 như bọn Trúc-lâm thất hiền chuyên
 đàm huyền, chuộng hư vô, khinh

bỏ lễ nghĩa thiên về khoái lạc yếm-
 thế, mà chỉ ham chuộng an nhàn
 thư thái, không chịu bận tâm nhọc
 xác với phú quý vinh hoa; và
 cũng không hẳn như học-phái nửa
 Đạo nửa Nho mà Thiệu-Nghiêu-
 Phu đời Tống (thế-kì XI) đã lập
 ra; chỉ gần nhau ở chỗ Đạo và
 Nho như muốn dung hòa với
 nhau.

Nguyễn Thiếp (1723-1804) mà
 khắp giới trí-thức tôn xưng La-
 sơn phu-tử (2) là tiêu biểu cho lớp
 người thanh cao này.

Nhiều bài thơ, bài hát của các
 bậc đại-nho như Nguyễn-bình-

(1) LÔ-ANG TIÊU-SỬ là một
 quyển phả bảng chữ Hán, tác giả chép về
 thân thế và hành trạng của ông từ lúc nhỏ
 đến tuổi già.

Con Ông là Nguyễn-huy-Xước dịch
 quốc-âm, in Ronéo năm 1961, dày 242 trang
 đánh máy, lưu giữ trong đại gia-đình làm gia-
 phả, không phát trên thị-trường. Tập gia-phả
 này không những là của sáu riêng họ Nguyễn
 xã Niêm-phù, mà còn là một tài-liệu rất quý
 về lịch sử nước nhà, vì có nhiều đoạn chép
 xác thực với nhiều chi tiết theo mắt thấy
 tai nghe, những biến-cố quốc-gia ở hậu bán
 thế-kì XIX.

Tác-giả LÔ-ANG TIÊU-SỬ là
 Nguyễn-văn-Mại (1858-1945) người xã Niêm-
 phù, huyện Quảng-diên, tỉnh Thừa-thiên, đỗ
 phó-bảng khoa ki-sửu (1889), làm quan đến
 hàm thượng-thư. Tác-giả còn để lại một
 công trình biên-khảo quý giá là cuốn VIỆT-
 NAM PHONG SỬ rất được truyền tụng
 trong giới trí-thức.

(Nhờ có giáo-sư Lưu-trung-Khảo đã
 dày công tìm hỏi mượn được tập gia-phả
 nói trên, bài kí thuật này có thêm giá trị
 chi tiết).

(2) La-sơn phu-tử Hoàng-văn-Hán

Khiêm, Lê-quý-Đôn, Phạm-văn-Nghị, Nguyễn-thượng-Hiền .. nhiều tác phẩm trường-thiên như *Cung oán ngâm khúc*, *Đoạn trường tân-thanh*..., có chịu ảnh-hưởng rất nhiều của Lão-học.

Thơ Cảnh-nhân của Nguyễn-bình-Khiêm (1491-1585) có câu:

*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao,
Rượu uống gốc cây ta sễnhấp,
Nhìn xem phú quý tựa*

chiêm bao.

Phạm-văn-Nghị (1805-1890) khi lui về ở ẩn động Hoa-lư (tỉnh Ninh-bình), muốn rũ hết tục lụy, đã tâm sự trong những bài thơ Nhân và Câu cá:

*Non nước vui chơi gác
chuyện ngòi.*

*Có ai xem gió, cười không cá,
Không cá, nhưng ta đã
được nhân,*

Nguyễn-thượng-Hiền (1866-1912) bình sinh khiết đạm, muốn sánh trich-tiên, với câu bát «Chơi Sài-Sơn»:

*Ngắm trich-tọa đã nên qua
một kiếp.*

*Ba mươi sáu động trời còn
chưa khếp,
Vẫy cung-nhân bác dịp để
ta lên;*

Hồi xưa nào bạn trich-tiên

Cũng như Nguyễn-khắc-Hiếu (1888-1939) vẫn hay mơ màng tiên, đã có lần gởi thơ thăm bạn với câu:

*Gió sương non Tản tôi gầy lắm,
sống bằng gió với sương, phải
chẳng thi-sĩ nghĩ mình chẳng khác
gi tiên; và lúc còn phiêu dật hơn
nữa với những câu thơ*

*Cái hạc bay lên vút tận trời,
Trời đất từ nay xa cách mãi.
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Ngàn năm thơ thần bóng trắng
chơi.*

Thơ «Tống biệt» mà lời ý như vậy thì đâu phải là tiền đưa nhau trong đám trần tục.

Người xưa học nhiều lại có tâm hồn thanh cao, dường như hay nghĩ tới tiên, thường gởi gắm ý tưởng trong những vần thơ ngâm vịnh, cả nhiều bậc vua chúa cũng vậy.

*Mặt phong cánh hâu học
tiên giá,
Thanh phong minh nguyệt
tương vi lân (1)*

(Trên ngọn núi cao mà có người học đạo tiên.

Gió mát trăng trong cùng kết bạn xóm diềng).

Người xưa thường mơ màng tiên, không phải đều mong muốn thành tiên mà chỉ vì lòng ngưỡng mộ, vì ý chí thích thanh cao, những ham được nhẹ tâm hồn trong cuộc đời gió bụi đua tranh, muốn tránh những phiền lụy...

(1) Trích bài thơ Vịnh am Vân-tiên của vua Trần Anh Tông (1293-1313) trong *Hoàng-Việt Thi Tuyển* của Bùi-huy-Bích.

đúng như lời Phạm-truyền-Chính đời Đường nói về Lí-Thái-Bạch trong bài văn bia khắc đề mộ nhà đại thi hào, có câu:

« Ông ham thuyết thần tiên chẳng phải ông ham muốn được nhẹ mình bay lên trên không (thần tiên), mà chỉ là đem những sự không thể cầu được mà cầu, để giảm bớt lòng hăng hái, dành lại tuổi thừa... » (nguyên văn câu chữ Hán; Hiểu thần tiên phi mộ kì khinh cử, tương bất khả cầu chi sự cầu chi, dục hảo tráng tâm di dư niên dã) (1)

Các bậc thanh cao như vậy suốt tự ngàn xưa cho đến gần đây — không dám nói cho đến bây giờ — đời nào cũng có nhiều, sống gần gũi quần chúng, không tách biệt xa lánh, cho nên nên được gương sáng trước mắt cho đời. Phần đông những người được trông gương kia là những người có ít nhiều nho-học. Họ đã sẵn có tinh thần không-giáo, hiểu biết cái nghĩa cao đẹp «bần nhi lạc, phú nhi hiếu lễ», lại có nhiều dịp trông lên nhận thức được phần nào những vẻ cao đạo trong nếp sống của các

bậc trên; thêm vào đó, dù họ chẳng thấu triệt cái triết-lý về phú quý bần tiện của Trang-Chu, nhưng việc đời nhan nhản hằng ngày cũng giúp cho họ ý thức được phần nào cái lẽ «sinh kí tử quy» của con người. Lóp người này tự thấy có nhiều ràng buộc với đời không dễ gì dứt bỏ, họ biết an phận thủ thường, tri túc tiện túc, không kèn cựa ganh đua; họ coi cuộc đời «quan bất phiến, dân bất nhiều» là lí tưởng, thêm vào đó họ lại ham thích nhàn hạ, không muốn bận tâm thắc mắc với mọi việc, chẳng thế mà người Âu Tây đã cho ta là một dân tộc hiếu hòa, ưa chuộng bình an. Nếp sống của xã-hội Việt-Nam ta xưa được êm đềm an lạc một phần cũng là do ở lớp người này.

Đến đây ta nhận thấy Đạo-giáo đã đem lại phần nào bổ ích cho việc giáo-hóa dân-tộc.

Nhưng tệ-đoan lớn lao là ở ảnh hưởng của Đạo-giáo đối với đại-chúng mê tin Phù-thủy, Đồng-cốt, Tướng-số, Bói toán, Phong-thủy...

kỳ sau :

Phù - Thủy, Đồng - cốt

(1) Đường-thi kỉ sự

UỐNG KHỎI CHÍCH

Ỉa tả, Kiệt lý - có đàm, máu

VEREX

NGƯỜI LÒN — CON NÍT

Số KH 508 . 011 / Q.C.D.P. 29-10-68

Hành - hương Tây - Trúc mới

(xem Phương-Đông từ số 6)

Hoành-sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ

BENARES (Vārāṇasī)

Từ 12 đến 17 tháng tám 1968

CÁI TÊN LỊCH SỬ

Brahmā, vì muốn tỏ ra là Chúa các thần, nên tự ý mọc thêm cái đầu thứ năm. Siva¹ thấy vậy tức khí, chặt đứt phăng cái đầu ấy, do đó mắc một trong bốn trọng tội, tội «giết brahman» (brahma-hatyā)²

Tội ấy đeo lưng lẳng trên lưng Siva dưới hình cái đầu lâu³. Không biết làm sao. Siva đành đi hành hương khắp nơi, mong tẩy xóa vết nhơ, nhưng vô hiệu. Cuối cùng Ngài đến tắm ở sông Gangā, ngay tại chỗ ngày nay gọi là Bénarès, và không ngờ cái đầu «của tội» kia bỗng biến mất. Từ đấy Siva chọn chốn này làm giang san riêng, và người ta tuồn đến thờ cúng Ngài. Không biết thần thoại kể trên đã biến đây thành trung tâm hành hương quan trọng như nước Ấn hay được sáng nghĩ ra sau để giải

thích hiện tượng tôn giáo lớn lao đó. Chỉ biết rằng ngay từ xa xưa, người Ấn đã lấy tên Vārāṇasī mà đặt cho thị trấn, và Vārāṇasī có thể có nghĩa là «Diệt tội».

1) Vị thượng thần được tôn thờ nhất ở miền Bắc.

2) Đó là tội giết người thuộc sắc chủng (giai cấp) brāhmaṇa (thầy cúng) (xem Luật Manu, IX. 235).

Ở đây, người ta đã đồng hóa thầy cúng với thần Brahmā, có lẽ để giải-thích tính cách trầm trọng của tội giết thầy cúng.

3) Kẻ giết thầy cúng bị tội chặt đầu (Luật Manu, IX. 237).

Từ cả trăm năm nay, Vārāṇasī được biết nhiều trên thế giới qua cái tên Benares tiếng Anh, và Bénarès tiếng Pháp. Không hiểu tiếng Benares lấy ở đâu ra, chỉ biết rằng Vārāṇasī được bình dân đọc trật đi thành Bārāṇasī đúng theo ngữ-luật. Ngày nay, Ấn-quốc đã lấy lại tên Vārāṇasī xưa, và theo lối cắt nghĩa xác đáng nhưt bây giờ, tiếng đó được ghép bởi hai tiếng Varuṇa (hay Varāṇa) và Asī, và đây là hai nhánh sông Nam và Bắc, cánh tay do sông mẹ Gaṅgā vươn ra để ôm lấy thành phố này vào giữa.

Vārāṇasī là thành phố Ấn giáo kỳ cựu. Nó giữ nguyên được truyền thống và sức sống tôn giáo qua nhiều thế kỷ và can qua khủng khiếp. Vết chân hung bạo của Hồi giáo còn hằn in trên những đồ nát, tang thương (1). Các đền miếu ngày nay quá ư mới và nhỏ, vì đền đài cổ bị san thành bình địa và dân chúng từ lâu trở nên đói rách, nghèo nàn. Cái kho tàng kiến trúc nguy nga mà xưa kia Huyền Trang sững sờ ngắm nghía nay chỉ còn là hồi niệm. Giữa tôi và nhà sư Trung hoa ấy đã có một Bóng Chết đi qua!

TRÊN BỜ SÔNG THIÊNG

Đến Vārāṇasī vào một buổi đẹp trời, tôi được Camus đến trước



Tác giả BÊN SÔNG GANGE
ra đón và dẫn đến ghi tên tại sở du lịch Chính-phủ trung-ương. Ngày hôm sau, ngay từ 5g40 sáng, chúng tôi đã có mặt tại đó, để xe du lịch chờ đi coi buổi rạng đông trên sông Gaṅgā.

Xe du lịch nửa trước thấp và nửa sau cao. Vì người đi không đông, nên tôi và Camus dễ dàng chọn lựa được chỗ cao để ngồi quan sát

Xe đi khá nhanh, nên ra tới bờ sông mới gần sáu giờ sáng, vừa vặn đón rạng đông đang vỡ thành biển sáng trên mặt sông xanh rộng và sóng nhẹ lẫn lẫn. Một cái gì thiêng liêng phảng phất trên từng đám

1) Thế kỷ X đến XVI là thời kỳ xầm lẫm của các dân tộc Hồi giáo: Thời kỳ, Á phú hân và Mông cổ. Hồi giáo chủ trương "thánh chiến" và ghét thờ tượng, phá phách đền chùa Ấn giáo và giết chóc những người không chịu theo Hồi giáo,

người đứng im dưới nước, dáng vẻ nghiêm trọng hướng về phía mặt trời lên bên kia sông. Phần nghi thức đã xong từ lâu, nhưng đây đó mọi người còn đang thanh tẩy (tắm rửa), tay đập đập xuống nước và miệng lầm nhảm cầu kinh, hy vọng dòng sông thiêng sẽ cuốn đi tội lỗi của cuộc đời, để lòng thanh thản, người ta có thể nhìn thẳng về tương lai giữa một ngày không gợn dương vượn lên. Xa xa trên một cầu bến nổi, một người trần truồng ngồi nhập định từ lâu không nhúc nhích, hình như cuộc sống xung quanh đã lùi xa để nhường chỗ cho một cảnh giới « khác hẳn » đương hiển lên trong ông bằng thứ ánh sáng mà phạm nhân chúng tôi không thể hiểu. Còn gần đây trên bến, những chiếc lọng lớn châu đầu vào nhau để che nắng cho từng đám người bu quanh mấy chiếc chõng. Trên mỗi chiếc chõng như thế, một ông thầy râu tóc xum xuê ngồi giảng kinh cho các tín đồ mộ đạo từ muôn phương đến vấn giáo.

oOo

Đi loanh quanh một tí, rồi xe chúng tôi dừng lại trước Daśāśvame-dha, tức bến Thập-mã-tế. Tục truyền xưa ở đây có ông vua già, do lâu ngày cứng tế mà pháp thuật cao cường, đã dùng chính pháp thuật ấy để tống cổ các thần, kể cả śiva, ra khỏi Vārāṇsī. Tuy trước đây đã cắt đầu Brahmā, nhưng nay túng thế, śiva vẫn phải đến cầu cứu vị thần này. Không nghĩ đến thù xưa, Brahmā đã ưng thuận, biến thành một thầy cúng già tới xin giúp vua làm lễ « tế mười ngựa », một nghi thức quá ư cầu kỳ, mà chỉ một tí sơ suất, hậu quả sẽ vô cùng tai hại. Dè dặt ông vua kia quá thạo nghi thức, đã không thêm nhờ tới Brahmā, khiến Brahmā đành tự ý đến cử hành nghi lễ tại đây, trên sông Gaṅgā. Cũng vì thế bến này mang tên « Thập-mã-tế », và đây là một trong những bến quan trọng mà khách hành hương không thể bỏ qua.

Tại bến Thập-mã-tế, một con đò chực sẵn đón chở chúng tôi đi thăm các bến khác.

Xuôi về phía Nam, các bến không có gì đáng chú ý. Nhưng ngược lên hướng Bắc, chúng tôi thấy khóm bốc lên từ một mô cao. Hỏi ra mới biết đấy là bến Manīkarnika, nơi ngày đêm có thiêu xác. Mấy bữa sau, khi trở lại thăm chỗ ấy, tôi và Camus thấy sáu bảy đồng củi lớn đang bốc cháy khét lẹt, và trên mỗi đồng củi, có một cái xác quần vải cứng đơ và gãy nát. Lại một điều, là các người bu quanh cười nói thản nhiên, như không có chuyện chi cả. Sau này, tại Calcutta, tôi gặp một đám ma, và mấy người cũng cười cười nói nói như thế khi khiêng xác chạy như bay trên đường phố.

Phải chăng với Ấn-độ, chết đi chỉ là thay xác như thay áo, chứ không quan trọng và thê thảm như cái chết bên Tây ? Tôi nhớ hồi xưa có đọc cuốn sách do một người Pháp viết tả về phong tục bên ta. Tác giả cũng lấy làm ngạc nhiên khi thấy người sống còn khỏe mạnh

nguyên mà đã vác hẳn một cái xẻng sơn sơn thép vàng về để sẵn đầu giường.

Ngày nay không phải riêng người Tây, mà ngay chính người Việt như tôi cũng bỏ ngỡ khi thấy người Ấn thần nhiên trước cái chết. Cái chết ấy đã là tai họa cho người Tây, nên nó cũng trở thành tai họa cho người Ta sẵn mang máu khi trong người.

Tuy ngạc nhiên trước thái độ của người sống đối với kẻ chết, tôi vẫn xin phép người sống chụp hình kẻ chết chịu thiêu. Đến đây, thì người sống không dừng đứng nữa. Họ tìm hết cách ngăn cản tôi chụp hình ¹. Tuy ngăn cản, nhưng cũng có kẻ đòi năm rúp-pi, rồi lại tăng lên mười. Và khi tôi vùng vằng đi ra, còn có người đi theo ngăm xin tiền và chỉ chỗ cho tôi trèo lên một tháp cao để chụp. Không may vì trời quá tối, nên tôi đành bỏ lỡ một dịp.

oOo

Đi khỏi bến Manikarnika một tí, chúng tôi lên bộ theo người hướng-dẫn-viên đến thăm giếng Gyan (Gyanvāpi). Tục truyền xưa,

đang khi miền này gặp đại hạn, có hiền nhân mang mũi đinh ba của thần siva tới cắm xuống đất tại đây, và lập tức nước vọt lên cho dân dùng.



Đứng ở chỗ giếng, chúng tôi có thể quan sát ngôi đền Viśvanath thờ siva, với ngọn tháp vàng chói nhưng quá nhỏ đối với một ngôi đền quan trọng vào bậc nhất ở đây. Thực ra, đền Viśvanath xưa lớn hơn gấp bội và hai ngàn năm cổ Dấu tích còn lại chỉ là một mảng tường phía sau, cách đền mới chỉ mấy chục thước, và trên đó lạc lõng một miếu Hồi đồ sộ (2).

oOo

BUỔI SÁNG TRÊN SÔNG GANGE

Phía sông tạm coi xong thì đã bảy giờ. Chúng tôi lên xe trở về

1.) Cách đó mấy bữa, lúc dò đi ngang qua, người hướng dẫn đã cặn chúng tôi là họ không cho chụp hình thiêu xác.

2.) Người Hồi đã phá bình địa các đền thờ Ấn giáo, và có khi xây miếu Hồi trên chính nền móng của những ngôi nhà đồ sộ đó. Lần khi họ còn giữ lại của chùa Ấn một mảng tường, một cánh cổng, không biết có phải để ghi lại một chiến thắng hay không.

« bungalow » (1) điếm tâm để chờ đi thăm các khu khác. Không may vì xe hỏng, nên mãi mười giờ, người ta mới kiếm được xe khác chở chúng tôi đi.

Đền đầu tiên chúng tôi thăm là đền Khi. Gọi là Đền Khi, vì ở đây và xung quanh có rất nhiều khi. Chúng đi lại, chen chúc giữa đám đông, và người ta cho chúng ăn.

Đền tiếp theo là đền thờ Tulsī Dās, một nhà thơ và huyền nghiệm (mystique) của Ấn giáo cận đại. Qua những bức hiên thánh như thế, nước Ấn ngày nay, dù trong tất cả sự lầm than của nó, vẫn không ngại gửi đến những sứ điệp thiêng liêng cho thế giới duy vật của chúng ta. Phải, từ Âu châu và Mỹ châu, từng lớp người trẻ có già có, chán nản trước cuộc đời thối loạn dù giữa cảnh sang giàu, đã đến quỳ dưới chân các vị sādhu (2) Tây trúc, mong tìm ra bí quyết của niềm an vui chân thực. Và ngày nay, thế giới đã tràn ngập những sách, những lời giáo huấn của Kṛṣṇamūrti và Vivekānanda, những bài thơ bất hủ của Tukāram và Tulsī Dās.

Còn ở xứ nhà, vinh quang mà Ấn hữu dành cho Tulsī Dās cũng không phải là nhỏ. Cứ nhìn vào ngôi đền thờ đồ sộ, kiến trúc bằng bê tông theo kiểu mới, đủ thấy ông đã ngự sâu trong lòng dân tộc rồi. Tuy ngôi đền đường nét vuông vức, nhưng riêng ngọn tháp thì vẫn tròn, vẫn cong vồng và nhọn theo đúng truyền thống nghệ thuật miền Bắc. Các ông thần giữ cửa không còn trần truồng và hung dữ nữa, nhưng đã mặc « short » và trình bày một vẻ mặt hiền hòa, duyên dáng. Phía trong đền rất sáng sủa, và ở hành lang trên cao, tượng Tulsī Dās mặt đen ngự ở bàn thờ chính giữa, trông rất uy nghi,

Nhưng vĩ đại nhất Benares phải là đền Śiva trong khu đại học Benares Hindu University. Đền xây toàn bằng đá trắng, với ngọn tháp cao sáu, bảy chục thước. Và nổi bật trên nền trắng thanh cao ấy là bức tường trước bằng đá màu gạch cua.

Đại học Benares Hindu University là cả một khu đất rộng bảy chục mẫu. (3) Đây là Đại học quan trọng về văn hóa Ấn, và có lẽ do Ấn giáo thành lập và quản trị. Hiện Đại học có mười ngàn sinh viên, trong số có mấy nhà sư Phật giáo từ ngoại quốc đến học.

oOo

-
- 1.) Bungalow là những ngôi nhà đơn giản một tầng do Chính-phủ xây ngoài thành phố cho du khách trọ với giá rẻ.
 - 2.) Sādhu là các vị chân tu, hiền thánh.
 - 3.) Khu đất hình cánh quạt, với những đường đi hình nan quạt được cắt ngang bằng những đường vòng.

Bénarès là trung tâm hành hương Ấn giáo tối quan trọng. Nền đến đây, tôi không thể không quan sát lòng sùng đạo của Ấn hữu.

Tôi đã từng ở La-mã và từng đã sống ở Lỗ đức nhiều ngày.

La-mã là thủ đô Công giáo, nhưng dân La-mã thì hầu như bỏ đạo rồi. Mọi người còn thi nhau « Viva Papa » ăm ỹ theo thói quen, nhưng Chúa thì chẳng ai còn biết đến nữa. Hàng năm, cả triệu du khách tuôn đến đây, nhưng hầu hết là để coi, chứ không phải cầu nguyện.

Lỗ-đức thì khác hẳn. Đây là vùng quê, không có gì về nghệ thuật cở để xem, nhưng trong mùa hè, hàng ngày ở đó có tới 300.000 khách hành hương. Những người này đến đây, quả vì mục-đích tôn giáo, và trong khu đất thánh rộng lớn, tiếng cầu nguyện sốt sắng luôn luôn vang lên từ động Đức Mẹ và các vương cung thánh đường, từ trăm ngàn các « băng ca » bệnh nhân và từ những đám rước đông đảo nhưng trật tự. Đây đó, một vài người hay cả nhóm quỳ ngay giữa đường, giang tay cầu nguyện không chút e dè nào cả.

Cảnh tượng ấy, ở Bénarès cũng thấy y như thế, tuy với sắc thái riêng biệt của Ấn giáo. Trên khắp các nẻo đường, người đi tuy chen chúc mà ánh mắt vẫn bằng lên sức nóng bên trong và miệng lâm râm khấn vái không ngại. Tại các cửa đền, người ta thay nhau hôn đất trước khi vào, và bằng cả trẻ em lên đề cùng rung những quả chuông nhỏ treo la liệt.

Đây là đất của síva, nên trong cung, thường có linga lớn bằng đá, trên phủ lá, hoa. Luôn luôn có một người túc trực, tay cầm bình nước tưới trên linga. Nước chảy xuống, đã có thiện nam tín nữ chực sẵn, vốc gội lên đầu như nước thánh, nước lộc. Còn phía trước tượng các thần, thầy cúng thường dùng đèn năm ngọn quay vòng, rồi mang đến đề từng người hơ tay lên và ấn vào trán.

Giây phút thiêng liêng hơn cả là cảnh rạng đông và mặt trời lặn trên sông Gāṅgā cùng với những nghi thức rất trang trọng. Cảnh rạng đông không bao giờ chúng tôi coi được, vì mặt trời lên rất sớm, mà chỗ chúng tôi trọ lại thuộc khu « Cantonment » (1), quá xa thành phố và bến sông. Nhưng nghi thức buổi chiều thì, mấy ngày sau khi đến Vārāṇasī, chúng tôi may mắn được tham dự.

Lúc ấy, ngày đã héo vàng trên mặt nước vẫn xanh xanh và hơi gợn sóng. Trên mỗi bến, đều có người đi lên đi xuống rung chuông, và

1) Nơi quân đóng dưới thời Anh thuộc, nay các cơ sở hành-chánh thường đặt tại đó.

mọi người đồng hướng về phía sông để niệm kinh một cách thành khẩn. Đồng thời, một brāhmaṇa thấp cây đèn đồng năm ngọn (1) mang đi khắp bến và ngược tuốt lên xóm trên cho mọi người vượt lấy ngũ hỏa mà áp vô trán một cách kính cẩn. Nghi thức quả là đẹp, và Camus đề nghị nên đem vô lễ nghi đêm Phục sinh và lễ Giáng Linh Công giáo.

Trời xẩm lại dần, và chân trời bên kia sông (phía Tây) đã tỏ hẳn. Vào lúc này, trên một cái mẹt, người ta đã thắp những đèn làm bằng bát gạch nung có đồ dầu và bắc nổi. Kinh đã xong, họ yên lặng mang thả các bát đèn xuống sông, và chỉ một lát sau, giữa đêm tối đã lênh bênh những đốm vàng nho nhỏ trên một mặt nước đen xầm ngồn ngồn rần rạc. Cảnh tượng coi thực trang nghiêm, nhưng âm u, huyền bí, và ... làm sao ấy. Đám thầy cúng vẫn đứng im, bất động, mắt như chìm đắm theo những ánh đèn lênh đênh, vô định... Đồi người chằng qua cũng là một ánh đèn giữa đêm khuya, trôi nổi... Hôm nay đêm không trăng, nên đêm càng bao la trên mặt sông cũng mông mênh, bao la. Tất cả trên bến chỉ còn thấy lơ mơ những tán che tròn rộng và những tà áo trắng không mặt người.

Giữa cái im lặng và không mặt người ấy, tôi cảm giác thấy mọi cặp mắt đắm chiều đều như gửi vào những đốm lửa số mệnh càng ngày càng xa, càng nhỏ dần, để rồi tan biến mất giữa vô biên, vô tận.

1) Có lẽ để làm biểu hiệu cho năm thứ lửa, trong đó lửa căn bản là Hỏa thuộc Ngũ hành.



YẾU TIM
HỘI HỢP MỆT
CHỨNG MẮT
XẤY XẤM
MẮT NGỦ
DƯỠNG TIM

uống

CORTONYL

BÁN TẠI CÁC NHÀ
THUỐC TÂY

55. BV. 50-43

Một Lỗi Chép Phả Đơn Giản

DÃ-LAN NGUYỄN-ĐỨC-DỰ

Thông thường khi chép gia phả, nếu người chép hiểu biết qua loa thì thế nào cũng chép được. Nhưng cái khó đối với người chép phả là người đó chưa làm gia phả bao giờ và chưa biết nội dung cuốn gia phả ra sao thì cũng không biết chép như thế nào là đúng, vì gia phả của ta không chép theo phương pháp nào, mạnh ai nhà nấy chép và gặp sao chép vậy, quý hồ có đủ tên tuổi thì thôi.

Trong những cuốn phả của ta, điều mà ta nhận thấy rõ rệt nhất là hầu hết lỗi chép thường không giống nhau. Chữ «Giống» ở đây là ý chúng tôi muốn nói về mẫu mực (modèle). Các cuốn phả đó, mỗi nhà chép một cách, có cuốn thì phần tên tuổi đưa lên trên, phần phả ký để ở dưới, có cuốn thì chép quá vắn tắt gần giống như một «đồ biểu», cũng có cuốn thì không chú trọng đến tộc phả mà thiên nhiều về tiểu tiết, có đôi cuốn gia phả thường khi lại biến sang thể tiểu truyện hoặc bút ký trang giang đại hải. Cái đó cũng không hề gì. Việc nhiều thì chép nhiều.

Tuy nhiên, cái khó nhất cho người chép phả là muốn coi đó để bắt chước làm mẫu mực thì không sao bắt chước được. Trường hợp một người mới làm gia phả lần đầu tiên mà gặp phải tình trạng đó thì thật là nan giải. Nói về mẫu mực thì hình như gia phả của ta chưa có mẫu mực nhất định, vì từ xưa tới nay mọi người chưa nghe ai nói đến «Mẫu gia phả», cũng không thấy sách nào chỉ dẫn «Cách chép gia phả» (1). Không như ở các nước như Tây phương, việc làm gia phả được chỉ vẽ tường tận với đầy đủ các loại sách giáo khoa đề hướng dẫn mọi người làm

gia phả. Xin tạm kể ít cuốn : cuốn «A la recherche de nos ancêtres» (Tìm tòi dẫn tích tổ tiên) của P. GEORGES ROY và JEANNE GREGOIRE, cuốn «Le Manuel des généalogies de l'Islam» (Giáo khoa Phả sử xứ Islam) của E DE ZAMBAUR, cuốn «Famille et Généalogie» (Gia đình và Phả hệ) của A. DE MARICOURT, cuốn «Méthodes critiques en généalogie» (Phương pháp chỉ trích phả học) của MARSAY v.v... (La Généalogie par Pierre Durye).

Vì vậy, với hoài bão thống nhất việc chép gia phả bằng một mẫu gia phả đồng nhất để tránh cho mọi nhà những nỗi khó khăn lúng túng khi mới bắt đầu làm gia phả, chúng tôi cố ra công nghiên cứu có tìm ra được một lối chép phả thật giản dị (tạm gọi là «Phương pháp Đơn dụng»), vậy xin chép ra đây cống hiến bạn đọc bốn phương, âu cũng là dịp may để tác giả được cùng bạn đọc bốn phương trao đổi thảo luận thêm ý kiến và kinh nghiệm.

Sở dĩ chúng tôi gọi nó là phương pháp «Đơn dụng» vì nó là một mẫu gia phả đã được đơn giản hóa tới mức tối đa và chúng tôi cũng đã thí nghiệm

(1) — Theo nhiều người nói thì họ Gilbert Phạm văn Chiêu cũng có một cuốn sách dạy cách làm gia phả, nhưng chúng tôi được Ô. Vương hồng Sên — tác giả «Sài Gòn năm xưa» — cho biết thực ra nó là một cuốn gia phả của họ Gilbert Chiêu thì đúng hơn chứ chẳng phải sách dạy chép gia phả gì ráo. Ông cho biết thêm sở dĩ có sự hiểu lầm như vậy là vì trong cuốn phả đó Ô. Gilbert Chiêu có chỉ dẫn qua cách chép tên họ và cách ghi các giấy tờ họ tịch. (Ô. Sên cũng có sách đó nhưng bị thất lạc kiểm chưa ra.)

ở nhiều nhà thì thấy rất có kết quả (1) Ngoài ra, đề được giản dị và thu gọn hơn nữa, ở mẫu này chúng tôi chỉ giữ lại có hai phần cốt yếu của gia phả là mục phả ký và tộc hệ, còn các mục linh tính khác như kỷ sự, tiểu dẫn, biến cố... đều đã được lược bỏ hết.

Mẫu gia phả «Đơn dựng» rất thích hợp cho mọi nhà, mọi trình độ, người chỉ biết chữ quốc ngữ thông thạo cũng làm lấy được gia phả, lại rất hợp với những gia đình ít người chỉ biết có từ ông sơ (kỵ nội) hay ông cố (cụ nội) trở xuống hoặc cho những họ nào thích làm một cách vắn tắt. Thêm một lẽ nữa là đề cho mẫu gia phả này khỏi lẫn với mẫu gia phả «Hợp dựng» (2) vì mẫu này gồm có đủ cả tiết mục đề dành riêng cho những dòng họ đông người, nhờ hết được các ông tổ từ nhiều đời ở bên trên Tổ ngũ đại và muốn chép nhiều chi tiết hơn (tiểu sử, biến cố, làng quán, phong tục hội hè...).

Sau đây là tuần tự những công việc bạn phải làm :

Bạn kiểm một cuốn sổ (registre) cỡ 21 x 27, số trang nhiều ít tùy theo. Sổ chép gia phả nên chọn loại bìa cứng học da hay vải. Ngoài bìa cuốn sổ bạn viết một hàng chữ lớn (chữ in hay viết hoa) một dòng như sau :

«GIA PHẢ HQ.....

«Làng... Tỉnh

cách xa ở bên dưới một khoảng rộng bạn ghi thêm một hàng chữ số nhỏ chỉ năm làm cuốn gia phả đó. Ví dụ : (1972). Bên trong cuốn gia phả, ở ngay từ đầu bạn cũng nên nhắc lại một lần nữa y như vậy. Xong bạn bỏ trống trang đó.

Bây giờ bạn bắt đầu công việc chép phả. Mở đầu cho cuốn gia phả là bài **PHẢ KÝ**. Trong bất kỳ cuốn phả nào cũng có hai mục quan hệ nhất là mục

phả ký và tộc hệ. Mục phả ký thì tóm tắt lại lịch nguồn gốc tổ tiên, còn mục tộc hệ là mục chép tên tuổi. Bài phả ký luôn luôn phải được chép ở trên đầu cuốn gia phả.

Trong bài phả ký bạn thuật sơ lược họ tên ông bà Tổ (tức là ông Tổ đầu tiên của dòng họ mà bạn được biết). Trường hợp không biết ông sơ thì làm ông cố, nếu ông cố cũng không biết thì làm từ ông nội. Bạn cho biết ông bà Tổ quê quán ở đâu hoặc ở địa phương nào tới. Nếu tổ tiên là người từ địa phương khác thiên cư tới, thì bạn cần nói rõ là tới vùng đó từ bao giờ và dời chỗ cũ trong trường hợp nào (nếu bạn biết rõ). Sau đó bạn kể vắn tắt việc lập nghiệp của tổ tiên, ông bà Tổ sinh hạ được mấy Ngành (3) là những ngành nào cùng với phần mộ, ngày

(1) — Năm 1967, tác giả có in ra phả biến mẫu Đơn dựng này trong giới bà con quen thuộc thì thấy kết quả rất khả quan. Ở Lê-Diệp, một bạn thân của tác giả, đã gửi mẫu này về ngoài Trung cho một người bà con am, sau đó ít lâu thì người đó biên thư cho hay là gia phả đã làm xong một cách dễ dàng mau chóng.

(2) — Gia-Phả Khảo-Luận và thực hành Phương pháp Hợp dựng (Thuận), trang 295 Chương VI - 1971 - Bản in ronéo (đề ở các viện Đại học Saigon, Huế, Đà-lạt, Vạn Hạnh, Cần-Thơ, trường ĐH Văn khoa SG., viện Khảo cổ và Viện Bảo tàng SG., Tổng Thư viện, Thư viện quốc gia).

(3) — Chữ « Ngành » ở đây chỉ số con trai và không bao giờ chỉ con gái cả, vì con gái về sau lớn lên đi lấy chồng thuộc về họ khác. Ví dụ : một ông tổ sinh được 3 người con trai thì người con trai đầu là Ngành thứ Nhất (Ngành trưởng), Ngành thứ Nhì chỉ người con trai thứ hai và Ngành thứ Ba chỉ người con trai thứ ba v.v... Hai ngành sau là các ngành thứ (hàng em).

giỗ (1) v.v... , chẳng hạn như bài phả ký mẫu dưới đây :

« Nhà không có gia phả thì họ
« hàng mơ hồ lẫn lộn, con cháu ngày
« một cách xa. Sơ tiên tổ nhà ta họ
« Lê húy Bạt, gốc từ hạt Quỳnh đôi
« Nghệ an sau dời ra Bắc đến lập nghiệp
« ở Thanh hà Hải dương. Bà Tổ họ
« Trần không rõ quê quán.

« Từ tiên tổ truyền đến bây giờ
« được bao nhiêu đời không ai biết
« rõ, đến cụ Trọng-Quang là Tổ ngũ
« đại (5 đời) thì sinh được 3 ông con
« trai là Trọng Hàn, Trọng Ngãi và
« Văn Nghi thuộc tổ tứ đại (cụ nội)
« Cụ Quang mất tháng 5, ngày 18 âm
« lịch. Cụ bà họ Đinh húy Nhàn.
« quê ở Trảng thừa Thanh Miện,
« Giỗ tháng 7 âm lịch. Ông Trọng
« Hàn pháp tự (không con), chỉ ông
« Văn-Nghi sau dời lên Tuyên quang

« Cụ Tổ Tứ đại Trọng-Ngãi nhà
« ta là con thứ hai ông Trọng-Quang.
« cụ bà họ Lý người Ngọc lý Từ kỳ
« sinh hạ ông Trọng-Tấu, Trọng-
« Thuyên và 2 bà, một bà tục gọi
« cụ Mễ, một bà húy Tinh mất sớm.
« Một hai cụ hợp táng tại Rừng Già
« ở hương đông bắc Mả Ngoi. Giỗ
« cụ ông này 23 tháng 8 âm lịch,
« cụ bà không nhớ. Con cháu nhà
« ta thuộc chi thứ cụ Trọng-Ngãi.

« Nay ta thấy con cháu họ Lê
« ở trong Nam cũng đông nên thu
« thập các ngành chép thành gia phả
« đề con cháu tỏ rõ gốc nguồn.

v.v...

oOo

Sau bài phả ký bạn chép đến
mục **TỘC HỆ**. Mục này chép tên tuổi
năm sinh năm tử của hết thảy các
người trong họ. Có hai lối chép tộc
hệ: hoặc chép theo hệ thống dọc,
hoặc chép theo hệ thống ngang.

1) *Chép theo hệ thống dọc*: Theo
lối này, thoát tiên chép ngành người
con trưởng trước với tất cả con cháu
dầu rề nội ngoại của người con trưởng,
tiếp chép đến ngành của con thứ
hai, rồi đến người con thứ ba, người
con thứ tư v.v..., cũng chép đầy đủ
tên tuổi con cháu của mỗi ngành.

2) *Hệ thống ngang*: lối này trái
ngược hẳn với lối trên. Đáng lẽ chép
theo thứ tự trưởng, thứ với tron
gia đình của từng ngành thì đằng
này lại chép theo lối **NGANG VAI
VỚI NHAU** như sau đây. thoát tiên
chép người con trưởng và các con
thứ là Trọng-Hàn, Trọng-Ngãi, Văn-
Nghi, xong mới chép tới các cháu
trưởng, các cháu thứ, cứ chép xong
một người con của trưởng thì lại chép
tiếp con của các ngành thứ, tức là
chép theo lối sóng vai: cha đi với
cha, con đi với con, cháu đi với
cháu, chắt đi với chắt v.v..., chứ
không chép ngành nào dứt ngành
nấy như hệ thống dọc.

Theo thể thức đơn giản thì ta
nên chép theo hệ thống dọc, vì lối
này dễ tìm thấy ngành ruột thịt của
nhau hơn là theo hệ thống ngang
khiến cha con ông cháu thường hay
bị cách quãng bởi các chi khác.

Bây giờ sang đến mục chép tên
tuổi. Ở ngay giữa dòng bạn đề một
hàng chữ lớn :

LIỆT KÊ CON CHÁU HỌ LÊ:

Về ông Tổ đầu tiên, bạn chép :

« *Tiên tổ*: họ Lê húy Bạt.

Gốc Quỳnh đôi Nghệ an.

(1) — Có bài phả ký. khi kể lại lịch
ông bà tổ xong cũng thuật luôn cả việc xây
cất từ đường, việc tổ chức các tiết lễ hàng
năm cùng các sự việc xảy ra ở trong họ
(vấn tít), Bài phả ký dài hay ngắn cũng còn
tùy sự việc của họ ấy nhiều hay ít.—

. Bà Tồ : họ Trần. Không rõ quê quán. Mộ ông bà sơ tiên tồ (không rõ táng tại đâu)

Tiếp đến các con của ông bà Tồ : các ông tồ thuộc đời thứ mấy thì bạn ghi ngay đời ấy ở đầu dòng :

. Ngũ Đại...

Ông Tồ :

Huy Trọng-Quang. Giỗ ngày 18 tháng 5 âm lịch.

Bà Tồ : họ Đinh húy Nhân, quê ở Trảng thưa Thanh miện. Giỗ tháng 7 âm lịch.

Sinh hạ 3 trai là Trọng . Hàn, Trọng-Ngãi, Văn-Nghị.

Khi chép đến các con của ông Tồ ngũ đại (tức là kỵ nội) bạn nhớ đánh số 1, 2, 3... để dễ phân biệt các ngành trưởng, thứ và cũng ghi đời thứ mấy ngay ở đầu dòng như trên :

. Từ Đại...

1) Ông Tồ :

Huy Trọng-Hàn. Pháp tự (không con).

Bà Tồ : không rõ tên họ quê quán.

2) Ông Tồ :

Huy Trọng-Ngãi, Giỗ ngày 23 tháng 8 âm lịch,

Bà Tồ : họ Lý quê ở Ngọc lý Tứ kỳ.

Mộ ông bà Tồ hợp táng ở Rừng Già đông bắc Mả Ngoi. Giỗ cụ bà không nhớ. Sinh hạ được 2 trai : Trọng-Tấu, Trọng-Thuyền và 2 gái : bà Nhở lấy chồng ở làng Mễ, bà Tinh mất sớm.

V.V.....

Về con cháu của các ông Tồ (con trai, con gái, cháu, rề...) ngành nào có bao nhiêu đều phải ghi đầy đủ với

tên, tuổi, năm sinh, ngày giỗ (nếu chết), nghề nghiệp, quê quán (nếu là cháu và rề) :

« Tam Đại... 1) Ông Tồ :

Huy Trọng-Tấu. Cụ Chánh tổng. Giỗ ngày 17 tháng 4 âm lịch, mộ để ở Đổng Chùa.

Bà Tồ : họ Bùi húy Khương quê ở Cầm giàng Hải dương. Sinh hạ Văn-Sinh, Văn-Thiệt, Văn - Ngón. Giỗ ngày 12 tháng 9 âm lịch.

I — VĂN-SÍNH. 50 tuổi. Tục gọi ông Lý Cựu.

Bà :

1/ Chánh thất (vợ lớn) : họ Nguyễn húy Ngần người thiên hạ. Sinh hạ 2 trai 1 gái không biết tên.

2/ Thứ nhất (vợ thứ) : là em bà Ngần. 43 tuổi. không có con.

II — VĂN THIẾT. 48 tuổi. Pháp tự (không con).

Bà : họ Trịnh. 42 tuổi. Quê ở làng Bưởi.

III — VĂN NGÓN. 47 tuổi. Chánh quản thời Pháp.

Bà : Nguyễn-Thị-Thước là con gái thứ ông Hào Nguyễn. Sinh hạ 2 trai Văn-Đinh, Văn-Giảng.

1) VĂN ĐÌNH. 26 tuổi. Thư ký bộ Tài chánh.

— Lấy bà Ngô-thị-Thanh-Loan, 22 tuổi, con ông Xã Mỹ ở Long xuyên.

Đẻ : Trọng-Nghiệp (Mậu thân/1968) Trọng Phúc (Canh tuất/1970) và gái Lê-thị-Mộng-Tuyết (Tân hợi/1971)

2) VĂN GIẢNG. 23 tuổi. Giáo học ở Cần Thơ. Bằng Tú Tài II (1965). Chứng chỉ cử nhân luật I. Tu nghiệp Lớp Sư phạm cấp tốc (1969) — Lấy bà,

v.v.....

. Tam đại. 2) Ông tổ :
Húy Trọng-Thuyền...

v.v.....

Chép xong ngành nội (con trai)
thì bạn chép ngành ngoại (con gái).
Về con gái, đề cho khỏi lẫn, bạn
nên chép riêng hẳn sang một trang
khác và như là con gái của người
nào thì chép rõ tên của người đó
(tên của cha người con gái). Ví dụ :

Con gái cụ Trọng-Ngãi :

1/ *Cụ Lê-thị-Nhỡ* (bà Tổ tam đại)

Tục gọi là cụ Mễ. Giỗ tháng chạp
âm lịch. Thọ 72 tuổi. Mộ đề ở Mã
Gang tọa Khôn hướng Cấn.

Ông tổ : họ Phạm húy Chiêm, con
ông Đề Bình ở Ninh giang. Giỗ 22
tháng 6 âm lịch, mộ táng tại Đồng
Sỏi tọa Càn hướng Tốn. Sinh hạ 2
trai Đình-Ngân, Đình-Ngân và 2 gái :

bà Tư Hảo lấy ông họ Trần ở làng
Mét, bà Bé Út mất sớm.

1. — *ĐÌNH-NGÂN*... v.v. ..

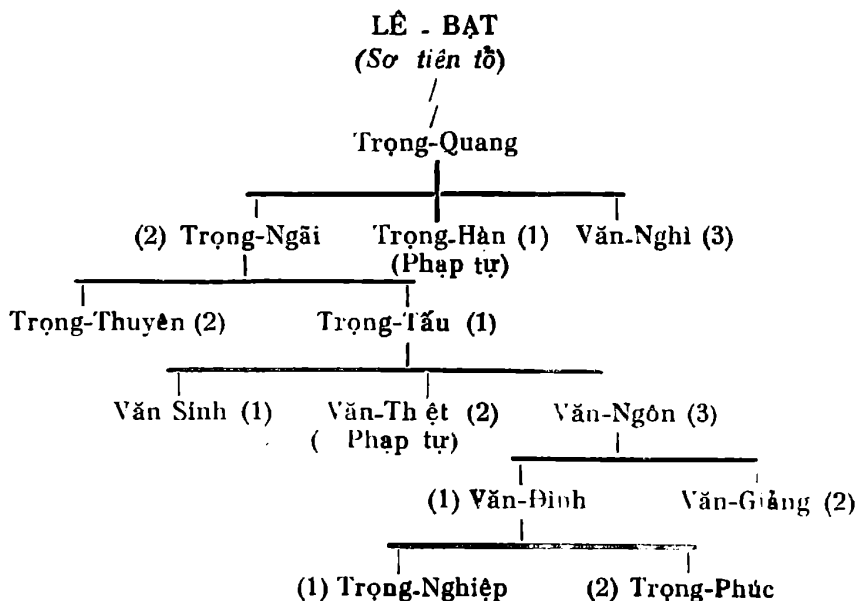
2/ *Cụ Lê-thị-Tinh* (mất sớm)

oOo

Cước chú : muốn dễ phân biệt hơn
nữa, bạn nên kẻ chung quanh ngành
nội một cái khung, ngành ngoại thì
để nguyên và ngăn cách với ngành
nội bằng mấy cái dấu. (+)

Chép xong ngành ngoại như vậy
là bạn đã làm xong cuốn gia phả.
Nhưng muốn kỹ hơn nữa đồng thời
để cho mọi người tìm thấy chi của
mình một cách dễ dàng nhanh chóng
(trường hợp con cháu đông) thì khi
chép xong xuôi hết cả rồi bạn nên
thêm một phả đồ tóm tắt các chi
các ngành nội như hình vẽ dưới đây :

BẢNG SƠ ĐỒ HỌ LÊ TRỌNG



Trong phép chép tên tuổi, có một điểm rất quan hệ vậy người chép phải nên lưu ý tới. Đó là cách tính ngôi vị của các ông tổ. Có 2 cách tính :

1/ Nếu bạn biết đầy đủ được các ông tổ ở các đời trên (từ ông tổ đầu tiên cho tới đời bạn) thì bạn chép theo phương pháp « Thuận » (xem chú thích (2) ở trang 2).

2/ Nếu bạn chỉ biết có từ 5 đời 4 đời hay 3 đời trở xuống đến mình thì bạn phải áp dụng phương pháp « Nghịch » (trong bài này, chúng tôi chỉ đề cập đến phương pháp nghịch áp dụng cho lối chép phả đơn giản nói trên).

Phương pháp nghịch chỉ dùng cho những nhà không nhớ được hết các đời bên trên vì gia phả bị thất lạc hoặc vì mình chỉ biết được có từ kỵ nội (tổ ngũ đại) trở xuống. Tính theo cách này thì trừ người cha và người con ra sẽ chỉ có 3 ông tổ ở gần đời của mình nhất. Ba ông tổ đó là :

- Kỵ nội là tổ ngũ đại (năm đời)
- Cụ nội là tổ tứ đại (bốn đời)
- Ông nội là tổ tam đại (ba đời)

Theo trên đây, nếu bạn tính từ người con trở lên đến người cha thì được 2 đời (đời con, đời cha), lên đến ông nội thì được 3 đời (đời con, đời cha, đời ông), lên đến cụ nội thì được 4 đời (con, cha, ông, cụ) và sau chót lên đến kỵ nội thì được 5 đời (con, cha, ông, cụ, kỵ). Vì phải tính ngược trở lên như thế nên mới gọi cách này là « phương pháp Nghịch » và phải lấy *NGƯỜI CON LÀM ĐƠN VI*. (Theo thói quen trong dân chúng thì người ta thường gọi ông nội là ông tổ tam đại, cụ nội là tổ tứ đại và kỵ nội là tổ ngũ đại nên lúc làm

gia phả chúng ta cũng phải dựa theo đó mà làm). Cách này trái ngược hẳn lại với « Phương pháp Thuận », là các ông tổ ở những đời xa bên trên thay vì tính ngược lên như các ông tổ ở đời gần là cụ, kỵ, ông, thì lại tính xuôi từ trên xuống, bởi vậy mới gọi là « Thuận ». (Phương pháp Thuận chỉ áp dụng cho mẫu gia phả « Hợp dụng »).

Khi chép tộc hệ, bạn nên theo nguyên tắc lấy *TRÊN, DƯỚI, ĐÍCH, THỬ, NỘI, NGOẠI* làm tiêu chuẩn ; thoát tiên chép ngành trưởng, tiếp đến là các ngành thứ và chép ngành nội trước, ngành ngoại sau, tuần tự từ trên xuống dưới, từ gần tới xa cứ chép tiếp tục như thế cho tới người con hay người cháu cuối cùng. Bạn nên chép ngành nào dứt ngành ấy, nghĩa là chép mỗi ngành với đầy đủ con cháu đầu rء của ngành đó. Ngành con gái nên chép riêng (thường là chép sau cùng) để khỏi lẫn lộn với con trai.

Trước khi chép, bạn nên kiểm điểm kỹ càng từ gốc là ông bà tổ (hoặc kỵ nội, cụ nội, ông nội) cho tới ngọn là con cháu. Nói tóm lại là chép tên tuổi, trước hết phải chép tổ tiên cụ kỵ, thử đến ông bà cha mẹ chú bác và cô chú (rء), sau cùng mới tới con cháu. Về hàng chú bác thì trước là chú bác ruột (gần), sau đến chú bác họ (xa). Về hàng con, chép dòng trưởng trước, chép các dòng thứ sau, vợ lớn (chánh thất) trước, các bà vợ nhỏ (thứ thất, thiếp...) sau. Về con cái cũng vậy, dù con vợ nhỏ có sanh trước con vợ lớn cũng phải chép con vợ lớn trước, con các thê thiếp sau. Chép ngành nội ngành ngoại với đầy đủ những người liên hệ của người con trai (vợ con, cha mẹ) và những người liên hệ của người con gái (chồng con, cha mẹ chồng). Riêng về

hàng cậu, gi hay con của cậu, gi theo nguyên tắc thì không chép vì những người đó thuộc họ của mẹ hoặc họ của vợ không liên quan tới gia phả của họ nội.

Khi truy tìm nguồn gốc, bạn nên dò tìm từ dưới lên trên, cứ thế bạn đi ngược trở lên đến ông tổ trên cùng. Chép tên tuổi các người trong họ, bạn nên ghi cả tên tục (tên cha mẹ đặt cho hồi nhỏ), tên ngoài đời, tên trong giấy khai sinh, bí danh, bút hiệu v.v... Ngày tháng, năm sanh, năm tử, ngày kết hôn, xuất giá nên ghi kèm cả ngày tháng âm lịch. Về

người đã chết, đề ý tới phần mộ, tuổi thọ, và ngày giỗ. Bạn cũng nên ghi rõ chết trong trường hợp nào : chết già, chết bệnh, chết non chết yểu, chết vì tai nạn, hoặc loạn lạc, tử trận...

Với mẫu gia phả đơn giản cùng sự chỉ dẫn thô thiển trên đây, chúng tôi hy vọng là bạn đọc sẽ làm được một cuốn gia phả tiềm tiệm cho con cháu các bạn. Chắc nó cũng còn nhiều khiếm khuyết, vậy rất mong được bạn đọc bốn phương góp thêm ý kiến để cuốn "gia phả" được hoàn hảo hơn.



Vitac 500

TINH CHẤT VITAMINE C



cần cho

CÁC NHÀ THỂ THAO VÀ CÁC SINH VIÊN HỌC SINH

KH 02/13/14/18/100DE

hát bội :

THỜI KỲ CỰC THỊNH

Đào Tấn và Học Bộ Đình

HỒ-HỮU-TƯỜNG

Tuồng *San Hậu* trước tác khi Tả Quân Lê văn Duyệt còn tại thế là một kiệt tác về phương diện kịch nghệ, đến nay, giới hát bội vẫn coi là «tuồng to». Tuy vậy, văn chương bình dị, ít diện tích, không trác luyện. Song chính nhờ vậy mà được đại chúng thưởng thức.

Nhờ sự thành công của tuồng *San Hậu*, mà những nho sĩ bị lôi cuốn vào phong trào sáng tác. Và sự tham gia của họ đem lại một tác phong cực đoan bên phía kia. Là những áng văn do họ sáng tác, vì quá trác luyện, biến thành những áng văn đề đọc, hơn là những uồng đề dựng lên sân khấu. Điền hình nhứt cho khuynh hướng này, à tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*, của một danh nho miền Nam, là thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa. Đến nay, chưa có ai ghi chép rằng tuồng này được dựng lên sân khấu lần nào.

Tuy vậy, tuồng bốn xuất hiện lần ngày càng nhiều.

Cũng vào lúc ấy, tại Bình Định, là nơi phát xuất bộ môn hát bội, tên tuổi của kịch tác giả Nguyễn Diêu nổi lên chói lọi với tuồng *Địch Thanh ly Thận*, mà bình dân thường gọi là *Ngũ Hồ Bình Tây*, bởi vì cốt chuyện được đưa lên sân khấu rút một đoạn trong truyện Tàu có tên là *Ngũ Hồ Bình Tây*.

Quán làng Nhơn ân, huyện Tuy Phước, Nguyễn Diêu đến Qui. Nhơn, ở trọ nơi nhà một phú ông, nghề buôn bán cá, đề ăn học. Nơi đây có tư tình với con gái phú ông, và nàng có bầu, lúc ông thi đậu tú tài. Nhơn bà mẹ dạy ông cưới vợ, ông nói xin cưới cô tình nhân này. Bà mẹ chê cô là con nhà hàng cá, lại tiền dân hậu thú, nên mượn cớ tuổi cô không hợp, mà chống cự lại ý muốn của con, và bắt Nguyễn Diêu phải cưới một cô gái khác. Buồn rầu, cô tình nhân cũ đắm đầu xuống giếng mà thác. Từ ấy, lương tâm Nguyễn Diêu cắn rứt, đi thi không đỗ, Nguyễn Diêu, bèn mượn tích *Địch Thanh Ly*

Thọn, ví nàng tình nhân cũ như *Thoại Ba* công chúa, còn mình là *Địch Thanh*, đề cho đôi trai tài gái sắc nảy đối thoại nhau trên sân khấu nổi lòng của chính tác giả và người yêu vắng bóng.

Tuồng *Địch Thanh Ly Thọn* là một trong số rất ít tuồng cổ mà nay hãy còn thu hút được số đông khán giả của mọi tầng lớp. Cái làm cho tuồng này được như vậy, chính là giá trị tâm lý và giá trị văn chương, tuy đến mức điều luyện, song không che lấp hết tính chất sôi động của bộ môn kịch nghệ trên sân khấu.

Tuy chán đời, song Nguyễn Diêu^r thủ phận làm một cư sĩ, tu tại gia. Đồng thời mở lớp dạy học, thu nhận thanh niên để trao truyền những sở đắc về học thức và văn chương. Trong số môn đệ này, nổi bật hơn cả là *Đào Tấn*, về khoa hoạn làm đến *Thượng Thờ*, còn về nghệ thuật, được giới hát bội tôn làm «hậu tổ», đứng sau bậc tiền bối cùng họ, đã sáng xuất bộ môn này, là *Đào Duy Từ*.

Sau đây là tiểu sử của vị hậu tổ hát bội này.

Đào Tấn, tự *Chi Thúc*, đến sau lấy hiệu là *Mộng Mai* và *Tô Giang* và biệt hiệu là *Tiểu Linh Phong Mai Tằng*, là con của *Đào Đức Ngạc*, tự *Đào Đức Nương*, và của *Hà Thị Loan*. Sinh ngày 27 tháng 2, năm *Ất Tỵ* (tức là ngày dương lịch là 3-IV-1845), tại làng *Tĩnh Thạnh*, huyện *Tuy Phước* (nay là ấp *Tĩnh Thạnh*, xã *Phước Lộc*, quận *Tuy Phước*). Bởi vậy có nhiều người gọi là cụ *Đào Vĩnh Thạnh*.

Thuở thiếu thời, *Đào Tấn* đến thụ nghiệp với tú tài *Nguyễn Diêu*, lúc ấy về làng *Nhơn Ân*, cùng huyện mở trường dạy học. Cụ *Nguyễn Diêu* tiếng tăm lừng lẫy chẳng những về kinh, nghĩa, văn, thơ, mà còn về bộ môn hát bội, với tuồng *Địch Thanh ly Thọn*, mà về sau khi cụ *Nguyễn Diêu* qua đời, *Đào Tấn* làm một lễ trọng hậu, lạy thầy, đề xin chữa lại một đoạn cho bản tuồng khôi sắc hơn. Chính là do ảnh hưởng của *Nguyễn Diêu*, mà sau này *Đào Tấn* hướng hẳn những sáng tác mình về bộ môn sân khấu, và đưa hát bội đến tuyệt đỉnh của nó.

Ông *Đào Tấn* ứng khoa năm *Đinh Mão* (1867), thi đỗ cử nhân. Tức là năm niên hiệu *Tự Đức* thứ 20. Được sơ bổ *Tham Các*, rồi sao thăng *Phủ Doãn Thừa Thiên*.

Sau cái chết của vua *Tự Đức*, vào năm *Quý Mùi* (1883), triều chính đổ nát. *Đinh thần* chia thành hai phe, bốn phái, khuyh loát lẫn nhau. Trong thi quyền thần *Tôn Thất Thuyết*, *Nguyễn Văn Tường* uy hiếp vua trẻ, phế lập theo ý. Ngoài thì ngoại xâm đe dọa. Ông treo ấn về

vườn. Kẻ thì cho rằng ông sợ lụy tới mình. Người thì cho rằng ông không gặp người cùng chí hướng.

Chính là cái dư luận sau này, khiến cho có sự hiểu lầm của anh hùng Mai Xuân Thưởng đối với ông. Số là năm Ất Dậu, Thần Kinh thất thủ. Phong trào Văn Thân Cần Vương nổi lên chống lại bọn xâm lăng. Vua Hàm Nghi xuất bôn, đề lãnh đạo cho phong trào kháng chiến. Tại Bình Định, anh hùng Mai Xuân Thưởng khởi binh ứng nghĩa. gây ra một phong trào khá quy mô, gọi là « giặc Thứ », Mai Xuân Thưởng nghĩ rằng sở dĩ Đào Tấn ăn sĩ, là vì không tìm thấy kẻ đồng tâm đồng chí với ông. Và may ra, với chính Mai Xuân Thưởng. Đào Tấn bằng lòng hợp tác. Nên họ Mai cho mời ông nhập đảng. Nhưng ông từ chối. Tức giận, Xuân Thưởng hạ lệnh tầm nã. Đào Tấn phải lánh mình lên Linh Phong Tự, tức là Chùa Ông Núi ở phía đông huyện Phù Cát Chính nơi đây mà ông chọn hiệu là Mộng Mai, và biệt hiệu là Tiểu Linh Phong Mai Tăng. Tâm sự của ông gói gắm trong cái hiệu và biệt hiệu này. Và cũng cái tâm sự ấy, ông gói gắm trong tuồng *Hộ Sanh Đan*, mà bình dân gọi là tuồng *Liệt Lương chông búa*.

Chúng ta nên tạm dừng tiểu sử nơi đây, để soi sáng cái tâm sự của Đào Tấn. Khi treo ấn từ quan, Đào Tấn không chấp nhận sự triều đình thúi nát, mà ông cho là nguyên nhân của sự suy yếu của dân tộc, khiến cho ngoại địch thừa thế mà xâm lăng. Làm một nhà nho chánh thống, ông đặt vấn đề an định bên trong trước sự đối kháng bên ngoài. Thái độ đó, Đào Tấn đã dứt khoát.

Nhưng mà, khi mà đối kháng, là kẻ trí. Đào Tấn thấy rằng những phản ứng vô vọng chỉ tỏ làm cho suy yếu thêm. Trong cuộc khởi binh khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng, Đào Tấn thán phục tinh thần yêu nước và anh hùng của cá nhân Mai Xuân Thưởng vì lẽ đó, mà ông chọn hiệu là Mộng Mai, ý nói rằng cái lý tưởng của ông chính là cá nhân của Mai Xuân Thưởng. Và vô chùa, ông cũng xưng biệt hiệu là Mai Tăng, theo chiều hướng đó. Song đường lối của ông khác hẳn với đường lối của Mai Xuân Thưởng. Và cái đường lối này ông tượng trưng trong tuồng *Hộ Sanh Đại*

Trong tuồng này, nhân vật rất dễ thương là Tiết Cương, người đầy tiết tháo. Nhưng mà tài sức của Tiết Cương không đủ để đánh đổ cả bọn phản thần họ Võ để trung hưng nhà Đường. Bởi vậy, khi ra trận, luôn luôn Tiết Cương bị Võ Tam Tư đánh bại. Làm sao

bây giờ ? Chỉ có đường lối duy nhất là « hộ sanh cho Tiết Giao, Tiết Quì, thì bọn trẻ anh tuấn và tài ba này, sau mới có hy vọng báo thù cho giòng họ Tiết, trả thù nhà, mà cũng đền nợ nước ». Bởi vậy, khi đặt tên cho tuồng, Đào Tấn chọn tên là *Hộ Sanh Đán* tức là nơi cầu nguyện việc « hộ sanh ».

Việc « hộ sanh » này, Tiết Cương thực hiện bằng cách nào ? Đã đánh không lại Võ Tam Tư, nhưng mỗi lần có dịp, thì Tiết Cương gài cho Tam Tư đâm mạnh mà kích ghim vào đất, rồi Tiết Cương chuyển thần lực, lấy cây búa của mình mà chống lực, đè ngọn kích dính vào đất, cho Tam Tư rút không lên, tranh thủ thời giờ để cho vợ là Kỹ Lan Anh sanh Tiết Quì và bảo vệ Tiết Giao thoát nạn. Bao nhiêu tin tưởng gởi vào hai đứa hài nhi họ Tiết này, cũng như Đào Tấn gởi bao nhiêu hy vọng vào thế hệ mai sau của dân tộc Việt Nam. Tuồng này nói được tâm tư của tác giả, đồng thời cũng là tâm tư của một thế hệ sĩ phu thời đó.

Chính là cái tâm tư này làm cho triều đình Huế đề ý đến nhà nho ăn dật Đào Tấn. Ông được triệu về kinh và được giao lại chức Phủ Doãn Thừa Thiên. Từ đấy, ông leo lần lên những bậc thang quan lộ. Năm 1892, được thăng làm tổng đốc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, rồi thụ Hình Bộ Thượng Thư, kế thăng Hiệp Tá, lãnh tổng đốc hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi (1898). Năm sau, ông tái nhậm tổng đốc An Tĩnh và thụ phong tứ tước. Năm 1903, ông về kinh sung Cơ Mật Đại Thần, lãnh Công Bộ Thượng Thư, gia cung hàm Thái Tử Thiếu Bảo.

Năm Thành Thái thứ 16, ông về trí sĩ tại Vinh Thanh, mở trường dạy học, và đặc biệt là sáng lập HỌC BỘ HÌNH NƠI ĐÂY, ông tạ thế năm 1917, thọ 72 tuổi.

Đào Tấn giỏi Hán tự, có tài về văn chương quốc âm. Văn của ông điêu luyện không kém văn của Nguyễn Du, của Đoàn Thị Điểm. Ông đã từng nổi tiếng là một nhà văn lớn của nước nhà. Nhưng về mặt sáng tác kịch nghệ, thì trong ngành hát bội, chưa có sáng tác gia nào qua nổi.

Ở trên, đã nhắc qua việc Đào Tấn sửa lại một đoạn của tuồng *Địch Thanh Ly Thôn* của chính thầy dạy học mình. Và Đào Tấn cũng có sửa lại một đoạn dài của bản tuồng tở là tuồng *San Hậu*.

Những đoạn sửa dài này chứng tỏ việc Đào Tấn gia tâm nghiên cứu để cho bốn tuồng đưa lên sân khấu đạt đến hoàn mỹ, về phương diện văn chương, cũng như về phương diện diễn xuất. Ông khởi sự sáng tác tuồng hát bội rất sớm. Lúc còn học với cụ tú Nguyễn Diêu, ông khởi sự viết xong tuồng *Tân Đà*, lúc mới 18 tuổi. Và liên tiếp soạn tuồng *Cổ Thành*, tục danh là tuồng *Quan Công phò nhị tâu*. Trong thời kỳ ẩn tích ở chùa Linh Phong, ông soạn tuồng *Hộ Sanh Đán*, đề nói lên tư tưởng của ông đối với mọi hình thức kháng chiến chống xâm lăng. Có thể nói rằng tuồng *Tiết Cương chống búa* (tên mà bình dân gọi tuồng *Hộ Sanh Đán* này) là bản tuyên ngôn chánh trị của Đào Tấn. Nói theo đó, ông sáng tác *Trầm Hương Cát* và *Hoàng Cồn*. Hai tuồng này rút sự tích từ truyện *Phong Thần*, tuồng thứ nhất nơi đoạn Tô Hộ dựng Đất Kỳ cho vua Trụ, nửa đường, đến Trầm Hương Cát, thì hồn của Đất Kỳ bị con cừu nhĩ hồ ly tinh cướp đi, rồi nhập vào xác dê sau đó làm xiêu ngã nhà Ân Thương. Tuồng thứ hai, rút sự tích nơi việc Hoàng Phi Hổ phản Trụ đầu Châu, mà gặp phải chính cha mình là Hoàng Cồn ra ngăn đón.

Những tuồng kể trên được đem đi đem lại diễn xuất trên sân khấu, nên còn giữ lại được. Còn tuồng sau đây, là tuồng *Từ Quốc lai vương*, *Quần Trán hiển thoại*, và *Vạn Bửu Trình Tường*, bị cuộc chiến tranh Việt Pháp (1945-1954) làm thất lạc đi. Ba tuồng này không nằm trong ký ức của đào kép, chỉ ở trong hình thức bản viết, năm khi mười họa, mới đem ra hát một lần, thì đào kép đem bản ra mà học lại. Khi chiến tranh xảy ra, thì những sách in trên giấy, bất cứ loại nào, nếu không bị cháy thiêu, thì cũng bị đồng bào thiếu giấy văn thuốc hút sử dụng. Các phiên chợ, người ta gánh cả gánh sách như vậy đem bán. Biết bao nhiêu sách quý?

Những tuồng hát bội chép tay và phổ biến trong dân gian, thầy đều bị tiêu hủy trong điều kiện đó. Những tuồng *Từ Quốc lai vương*, *Quần Trán Hiển Thoại*, và *Vạn Bửu Trình Tường* cũng chịu chung số phận ấy.

Đến khi chiến tranh lắng dịu, thì còn lại tại Huế một rương chứa toàn tuồng hát, mà Vương Hồng Sển bắt gặp. Rất tiếc là nhà nước không chịu mua, để cho hiệp hội École française d' Extrême-Orient mua cả đem về Pháp, như tôi đã nói nơi một bài khác.

Tuồng Vạn Bửu Trình Tường là một bộ tuồng vĩ đại, có tới trên trăm hồi. Đào Tấn phụng chỉ vua Tự Đức mà hiệp với hai đồng liêu là Ngô Quý Đồng, và Võ Đình Phương mà chung soạn. Ba soạn giả phải mất hơn ba năm trời mới viết xong. Vua Tự Đức duyệt xong,

khen là “Thần hồ kỳ hỷ?” khen nghệ thuật như thần. Tuồng đưa lên sân khấu, hát cả tháng mới hết.

Tuồng *Vạn Bửu Trinh Tường* có thể nói là bồn tuồng lạ nhất cổ kim và Đông Tây. Nó nói lên được quan điểm của nho gia, cho rằng bước đầu là nho học, phải được nối theo bước thứ hai là y học. Mà toàn con đường phải gồm cả: nho, y, lý số. Nhân vật trong tuồng là tên của những vị thuốc Bắc được nhân cách hóa, đếm hằng trăm. Ngôn ngữ, cử chỉ, động tác, tâm linh của đám nhân vật đông đảo này được phô diễn đúng theo tánh được của những vị thuốc Bắc mang tên ấy. Mà toàn bộ, nghệ thuật lại, cũng kết cấu có tình tiết, có lẽ đầy đủ, văn chương đã trác tuyệt, mà dựng lên sân khấu, khán giả xem bị hấp dẫn suốt cả tháng. Kỳ ảo vô cùng. Rất tiếc tuồng này chỉ còn một bản duy nhất nằm tại Ba Lê. Ước mong học giả hay thí sinh tiến sĩ moi bản tuồng này, cho in ra với mọi chú giải cần thiết. Đã đành rằng, thời này, không có bao nhiêu bực thâm nho mà rành thuốc Bắc. Công phu chú giải quí là khó khăn. Nhưng không phải bởi những khó khăn ấy mà hậu sanh chúng ta để mai một cái di sản vô giá này.

HỌC BỘ ĐÌNH

Sự góp phần vĩ đại hơn hết của Đào Tấn cho ngành hát bội là Học Bộ Đình. Quan trọng hơn cả ngành sáng tác nữa. Bởi những sáng tác chỉ làm chói lợi riêng cái vinh quang cá nhân của tác giả. Con Học Bộ Đình lại đem một cái vinh quang chung cho cả ngành hát bội của dân tộc. Và nhờ đó, mà hát bội có một sắc thái đặc biệt, không có kịch nghệ nào trong thế giới được như vậy.

Ai cũng biết, được đưa lên sân khấu, hoặc văn, hoặc là kịch, hoặc là ca nhạc, hoặc là vũ, hoặc là điêu khắc. Có nhiều bộ môn, khi trình diễn, thì chỉ tổng hợp được có một vài nét trong năm tánh chất trên mà thôi. Có khi chỉ có một, như lối vũ của Âu châu. Còn hát bội, lại tổng hợp đầy đủ cả năm sắc thái kể ở trên, mà riêng hai môn điêu khắc và vũ lại nổi bậc hơn tất cả.

Hát mà không đậm mặt, rồi lên sân khấu, kếp không làm cho linh động những nét vẽ trên mặt, thì không phải là hát bội. Máy chục năm trước đây, đó là cái lương hát tuồng Tàu, còn bây giờ là hát hồ quảng.

Hát mà vũ không ăn điệu với lời, với tình tiết, là hát dở. Tất cả điệu bộ phải hợp với tình tiết, nói được kẻ trung người nịnh, kẻ chánh người tà, biểu lộ trọn vẹn thất tình, từ lối vuốt râu, uống rượu, quạt hơi, cách đi đứng, cho đến hơi thở, đào kếp phải hát

cho «xuất thần». Kề ra hát bội là một lối vũ vô cùng tinh vi mới thành hát bội.

Đào Tấn, đã thấy đặc điểm đó và khai thác đến triệt để. Trong tuồng *Tiết Cương chống búa*, cái «xuất thần» chính là cái «chống búa». Không có văn không có ca nhạc, không có yếu tố kịch. Chỉ có điệu bộ của cặp kép trên sân khấu là Võ Tam Tư và Tiết Cương tranh thủ cái thời gian đương trời qua, bằng lối cả hai bị dừng lại bởi cây kích của Tam Tư bị búa Tiết Cương chống mà rút lên không được, rồi cả hai biểu diễn thất tình trong các điệu bộ và nét mặt. Các cụ ngày xưa, mà gặp kép hát hay chỉ có cảnh ấy là vỗ tiền lên đầy sân khấu.

Tương truyền rằng cho đến ngày nay, ít có kép nào dám đóng vai Tạ ôn Đình trong tuồng *San Hậu*, là bởi vì những điệu bộ của nhân vật này đã được Đào Tấn diễn chế tới mức tuyệt hay, khiến cho những kép hát thất truyền, xem hóa ra dở ẹt.

Việc Đào Tấn diễn chế các vai đào kép, không phải là công phu một ngày một buổi. Suốt đời làm quan, được bổ nhiệm bất cứ ở đâu, ông cũng tìm mộ những Đào kép nổi danh đất theo mà điều luyện tài nghệ thêm. Khi làm tổng đốc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, ông cất một cái rạp hát bên cạnh công đường, hễ việc quan vừa xong là ông đóng trống cho hát. Chính ông cầm chầu, mà điểm bằng những tiếng trên mặt trống, hay trên dăm trống. Ông nhưn phải lấy sổ ghi những chỗ có tiếng ba trống tư, hoặc những nơi bị tiếng dăm, rồi kiểm thảo lại với đào kép. Nhờ vậy mà gánh hát riêng của ông nổi tiếng khắp nước.

Đến khi tuổi già, . trí sĩ tại quê nhà, gánh hát này, ông không đủ sức nuôi, vì hát ở thôn quê, ông cho phân tán đi hát các nơi đề đào kép sống. Mỗi năm, họ có bốn phân hội về đông đủ, vào dịp giỗ tổ, và trình diễn sở đắc của mình trong thời gian qua, đề cho tất cả cùng rút kinh nghiệm. Và nhất là đề cho những mầm non mà chính ông tập luyện ở quê nhà được học những kinh nghiệm của bậc tiền bối.

Nơi mà ông tập luyện mầm non ông đặt tên cho là Học Bộ Đình. Danh xưng này cho ta thấy tầm quan trọng mà Đào Tấn muốn cho ngành hát bội mang lấy.

Học bộ đình, thật sự là vườn nhà của ông, cùng vườn các nhà lân cận. Ông tổ chức một sân khấu lộ thiên, đề cho đào kép diễn tuồng

Công chúng là dân làng tụ tập chung quanh để xem hát. Nơi đây, ông đã đào tạo một số nghệ sĩ lỗi lạc, có biệt tài diễn xuất. Nhiều đào kép, nhờ tài ba diễn xuất quán chúng đó mà được triều đình ban thưởng cho hàm bát phẩm, cửu phẩm, như ông Bát Phàn, ông Cửu Khi, ông Cửu Vị...

Danh từ «hát bội» xuất hiện từ đó. Theo quan niệm của những người dùng danh từ này đầu tiên, tất cả gánh hát đều là «hát bội» ai cũng như ai. Chỉ riêng có đào kép xuất thân từ cái lò rèn đúc của «học bộ đình», đã học được «bộ» rồi, mới xứng đáng gọi riêng là hát bội. Nhưng về sau, danh từ này được ứng dụng cho tất cả, mà hát bội và hát bộ trở nên đồng nghĩa. Cho đến sau nữa, bởi lắm người không sành nguồn gốc, cho danh từ hát bội là vô nghĩa, và chủ trương bỏ danh từ hát bội, và chỉ dùng danh từ hát bộ mà thôi.

Tuồng hát sáng tác với văn chương điêu luyện, những thế thức diễn xuất được diễn chế đến chỗ tể nhị, các lối ca xướng thật tinh vi, Hát bội với Đào Tấn, đã đạt đến tuyệt đỉnh của bộ môn này vậy.

TRỤ SINH RẤT MẠNH ĐỐI VỚI CÁC VI-TRÙNG
GRAM-POSITIF và GRAM-NÉGATIF.

KANASENE

(SULFATE DE KANAMYCINE 1gm)

- ☐ **ĐẶC BIỆT :** TÁC ĐỘNG TRÊN MYCOBACTERIUM TUBERCULOSAE.
- ☐ **CHỦ TRỊ :** Nhiễm độc—Lao Phổi—Bệnh về bộ phận sinh dục, đường tiêu, ruột, các bệnh do vi-trùng Staphylococcus—Phòng ngừa trước khi giải phẫu.

UFFARMA CÔNG-TY nhập cảng.

186, TỰ-ĐỨC — SÀI GÒN

TEL : 92.830 — 95.308

XÔNG HƠI

• TRẦN-VĂN-TÍCH

« *Cur morietur Homo, cui salvia crescit in horto ?* » (1)

Nền y-học dân-gian của Việt-Nam — bên cạnh nền y-học chính-thống là Tây-Y và nền y-học cổ-truyền là Đông-Y — nền y-học dân-gian của ta là một nền y-học rất phong phú, đủ sắc màu, giàu muôn vẻ ; số lượng cây nhà lá vườn dùng trong điều-trị thực lớn-lao, các toa thuốc nhiều khi rất phức-tạp, các triệu-chứng và bệnh-chứng có thể chữa được không phải chỉ là số nhỏ, và các phương pháp điều-trị phục-được hết sức đa dạng.

Các phương-pháp điều-trị của người bình-dân Việt-Nam, đã được đúc-kết đưa vào những kinh-nghiệm góp mặt qua hàng bao thế-hệ và thế-kỷ, thường tỏ ra hữu-hiệu trong những trường-hợp bệnh-lý thông thường. Những đặc-tính quý-hóa : dễ làm, rẻ tiền, hiệu-nghiem, nhanh chóng, thực rất thích-hợp với các điều-kiện sinh sống của đồng-bào ta nơi thôn-xã hay núi rừng xa thành-phố và ngay cả ở những vùng thị-tứ, đối với các giai-cấp nghèo-khổ.

Chỉ có điều đáng tiếc là từ xưa đến nay ít người chịu bỏ công học-hỏi nghiên-cứu những phương-pháp ấy, do đó, kho-tàng văn-hóa y-khoa của Việt-Nam gần như thiếu mất một phần dân-tộc-tính độc-đáo, đồng thời vì chưa được khai-thác, khảo-nghiệm và quảng-bá rộng-rãi, sâu-xa, nên sự xữ-dụng các phương-pháp này chưa được phổ-cập, còn nặng phần kinh-nghiệm, thiếu một căn-bản khoa-học rất cần-thiết.

Thực ra thì y-học Tây-Phương đã

chịu khó lượm-lặt, thu-góp rất nhiều kinh-nghiệm dân-gian để làm giàu cho nền y-học của mình như phương-pháp châm cứu, như các cây thuốc và vị thuốc quý quinquina, coca, ipéca, curare... Song y-học Tây-phương mà hiện giờ tất cả thế-giới đồng-thanh công-nhận là y-học quốc-tế và lấy làm cơ sở chủ-yếu cho nền y-học của mình vẫn chưa thu-thập được hết các nền y-học và các kinh-nghiệm nhân-dân. Và ngay ở các nước tiên-tiến hiện nay cũng vẫn thấy còn có sự tách rời giữa y-học chính-quy, được giảng-day ở các Trường Đại-Học, và kinh-nghiệm nhân-dân thường có khi bị xem là bất-hợp-pháp Dĩ nhiên ở đây chúng ta không đề-cập đến những cá-nhân, thành-phần phi-y chỉ biết lượm gặt để làm tiền.

Trong thực-tiến hằng ngày của quê-hương, vì sự thiếu-thốn phương-tiện y-tế các biện-pháp cấp-cứu sơ-khởi hay các thao-tác điều-trị ban đầu — ít nhất là đối với những tầng-lớp xã-hội thiếu may-mắn, đều do những bàn tay cứu-thương-viên tài-tử đảm-trách : một bác Ba chích lễ, một gi Tờ cạo gió, một o, một chị hàng xóm láng-giềng mau tay mau chân, sẵn lòng lo cho người lân cận.

Ở nước người, những phương pháp trị-liệu dân-gian ấy luôn luôn

1. — « *Làm sao kẻ có sẵn cây liễu mọc trong vườn lại có thể chết được ?* » (cổ-văn của Trường Y-khoa Salerne tán-dương cây liễu saule).

quyển-rũ y-giới tiến-bộ tìm hiểu, khảo sát. Muốn biết kẻ mục-đồng nơi sơn-lĩnh, sống phiêu-dạt trên những rặng núi trập-trùng của miền Caucase, một khi đau ốm trầm-trọng uống những thuốc gì, và trong thời-gian dưỡng bệnh tâm-bồ ra sao, chúng ta có thể đọc Sokolov(1). Đi xa hơn nữa—vì vượt quá phạm-vi y-học dân-gian đề đi vào phạm-trù mê-tin, dị-đoan — A.Péron (2,3) dành cả một luận-án Tiến-sĩ Y.khoa đề đề-cập đến yêu-thuật và ma-pháp, đến các phương-pháp trị-liệu quái-đần của giới phù-thủy ở một địa-phương thuộc một quốc-gia tiền-tiến vào bậc nhất thế-giới là nước Pháp. Chúng tôi chỉ xin kể hai sự kiện mà thôi. Và bây giờ xin trở về với Phương Đông, với quê mẹ.

Phương-pháp điều-trị binh-dân đầu tiên mà chúng tôi trình-bày sơ-lược hôm nay là phương-pháp xông hơi, là nỗi xông của quần-chúng đồng-bào ta.

oOo

Trong nhà có người bị cảm. Bệnh-nhân khó chịu, nóng sốt, bứt rứt, đầu nặng, tai ù.

Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà nhưng dễ kiếm thuốc. Chỉ cần rào quanh vườn, trong vòng mười phút.

Các vị thuốc cây thuốc được thu-góp, rửa sạch, rửa khô nước, cho vào trong một cái rổ, cái mùng, gác nghiêng nghiêng trên một chiếc chõng tre hay nơi góc bếp. Ai cũng hái được những vị cần dùng: cô em gái, đứa cháu nhỏ, người bố già...

Nằm lẫn lộn cạnh nhau, tạo thành một bức tranh tĩnh-vật quyển-rũ là những cành và lá é tia thơm nhẹ nhàng, với những chùm hoa dài, li ti-

mềm mại; là những cành lá tia tó tìm ngát một mùi và màu ly-biệt; là những lá chanh xanh non mơn mớn; là những lá gừng óng ả thuần dài; là những cụm sả mảnh dễ, sắc bén. Nếu vườn nhà rộng, ta có thể thu nhặt thêm một ít lá lốt mọc la liệt nơi các xó vườn, một ít lá kinh-giới đượm mùi cay ấm. Hay ra khỏi bờ dậu hàng rào, ta tìm bứt một vài cây vôi, vôi mọc hoang, nhổ luôn cả lá lẫn rễ.

Tùy địa-phương, người dân quê Việt-Nam còn dùng lá bưởi, lá quế, lá riềng, lá long não, lá móng tay, lá móng rồng, lá thuốc cứu, lá bồ bồ, lá củ đèn, lá bí bái, rau om, rau ngổ...

Chẳng cần nhọc óc nhớ rõ liều tối-đa tối-thiểu làm gì, cứ mỗi thứ lá vừa một nắm trong bàn tay là được. Và cũng bất tất phải lo lắng kiểm cho đủ mọi vị mọi thứ: gặp gì ngắt nấy, sẵn gì cứ dùng, thiếu một vài vị cũng chẳng sao. Bởi vì thông thường thì cũng khó tìm đủ các vị thuốc. Vả lại, người thân đang chờ, cho nên chỉ cần độ bốn, năm vị là được. Hơn nữa, kết-quả không vì vậy mà suy-giảm.

Vài gáo nước mưa trong mát múc từ trong chum, vại ảng ra, rồi đổ vào

1.— Sokolov W.S. — Einige aussichtsreiche Pflanzen der Volksmedizin von Azerbaidschan. Planta Medica. Band 20. Heft 4. S.374-380. Stuttgart. Dez. 1971.

2.— Péron A. — Sorcellerie et psychopathologie. A propos d'une étude ethnographique et psychiatrique menée dans le département de la Haute-Vienne. Thèse de Doctorat en Médecine. Bordeaux 1970.

3.— Abouchakra J. et Péron A. — Le médecin, le malade et le sorcier. Concours Médical. N° 5. P. 707-719. Paris. 29 Jan 1972.

nồi đất, nồi đồng hay song nhôm. Nước đổ xâm xấp ngập thuốc là được. Trên bếp lửa reo vui chờ cho nước sôi vài dạo. Các hồ lão khuyến chẳng nên đun lâu: thực là hợp-lý, vì đun lâu hương tinh-dầu sẽ bay hơi hết. Và cũng vì muốn bảo-tồn tối-đa mùi thuốc hương thuốc nên song nồi phải đậy kín.

Bệnh-nhân lúc bấy giờ được nâng đậy, ngồi đợi nơi chiếc chõng tre. Kinh nghiệm dạy rằng không nên ngồi xông trên cánh phên, phòng trường hợp rủi nước đổ ra sẽ không chảy kịp xuống đất và gây bỏng.

Nào chúng ta bắt đầu. Hãy trùm mền cho thật kín. Một bàn tay thương yêu của người vợ, người em, người mẹ, người chị giúp sửa-soạn lại cái chăn, cái mền cho thật gọn-gàng, bịt bùng, chỉ chừa một khoảng hở trước mặt bệnh-nhân.

Nồi nước đang sôi được nhẹ-nhàng mang ra khỏi bếp và đem đặt trước mặt người bệnh. Rồi chầm buông thực kín. Con bệnh đợi chờ, có khi nin thở. Cũng căng-thẳng, gây cắn lăm chữ! Bàn tay săn đón của ai kia sẽ từ từ, rất từ từ mở nắp xông, để cho hơi nước nóng và tất cả những hương, những vị, những thơm tho, ngào ngạt bốc lên. Phủ trùm người bệnh, bây giờ là một thế-giới hương hoa nóng ấm. Người thân yêu-cầu, khuyến-khích con bệnh thở đều-hòa, nhẹ-nhàng, thu-hút vào hai buồng phổi những hương thơm mùi ngát. Như vậy vậy khoảng chừng mười lăm, hai mươi phút.

Bệnh-nhân đồ mồ-hôi dầm-dề, bài-tiết bằng đường bi-phu các chất cần-bã độc-hại, đồng-thời hấp-thụ bằng đường hô-hấp và đường da những chất hương-tinh của thảo-mộc.

Xông, vẫn những bàn tay hiền-dịu lau khắp toàn thân đã dầm ướt với khăn khô và sạch. Rồi thay một lượt áo quần.

Cùng với làn hơi nóng của nồi xông, bệnh-tật nhọc nhằn tan-biến hết, người bệnh cảm thấy khỏe-khoắn, nhẹ nhõm, dễ chịu hẳn. Đầu hết nặng, bớt nhức. Minh mảy khoan-khoái, tinh thần tươi-lỉnh. Thân-nhiệt — nếu có điều-kiện để đo thân-nhiệt — thường giảm một, hai độ bách-phần. Nhiều khi bệnh-nhân khỏi luôn.

Thông thường mỗi ngày xông một lần. Nếu người bệnh hết nóng, trở lại bình-thường thời thôi, nhưng nếu bệnh tuy có thuyên-giảm nhưng còn gây khó chịu thì có thể xông thêm hai, ba hoặc bốn lần cho đến khi hết bệnh.

○○○

Công-thức thuốc xông do tôi-liên chúng ta truyền lại bao gồm nhiều vị thuốc có tinh dầu, có chất kháng-sinh, nhất là đối với các vi-trùng đường ruột và đường hô-hấp. Kinh giới, tia tô, lá lốt, lá sả... là những đại-biết. Kinh-giới chẳng hạn, thuốc giống *Nepeta* (*Nepeta Japonica* Maxim.) chứa nhiều tinh-dầu, và trong tinh dầu, có những chất *thymol*, *carvacrol* là những chất sát-trùng thảo-mộc mà tân-dược đã trích-khai được. *Citronnellol* là một tecpen của dầu

1. — Dương N.V. — Định-danh dược-thảo và dược-liệu Đông-Y. Dược-sĩ đoàn Việt-Nam xuất-bản, Trang 36-37. Saigon. 1971.

2. — Garnier G., Bézanger-Beauquesne L. et Debraux G. — Ressources médicinales de la flore française. Tome 2., Vigot Frères. P. 12C5-1207, Paris. 1961.

sả, vừa có công-năng kháng-sinh, vừa có tác-dụng kháng - viêm (1)... Như vậy, thành-quả thứ nhất của nôi xông là tạo một tác - dụng diệt - trùng, khử - độc : các thứ hương tinh được hấp-thu vào cơ-thể do hai đường hô-hấp và bi-phu có công-năng kháng-sinh đối với những vi-trùng gây bệnh phổ-thông.

Vả lại, người bệnh bị cảm nóng thường ít tắm, sợ tắm. Sau mỗi lần xông, hơi nước làm ướt đầm quần áo và cơ-thể : đây thực là một hình-thức tắm hơi rẻ tiền và bảo-đảm. Rẻ tiền vì chỉ có cây nhà lá vườn, rẻ tiền vì không phải chi-tiêu cho những người đẹp đầm bó, rẻ tiền vì không phải chịu thuế. Bảo - đảm vì sau khi tắm hơi, không phải xài phí sức - lực cho những khoản phụ-trợ khác, mà ở những phòng tắm hơi vảo-minh, người đi tắm rất dễ buông thả theo những thị-hiếu, đòi hỏi thấp hèn, vật-chất !

Tác-dụng thứ ba của nôi xông là tác-dụng làm ra mồ-hôi — Đông-Y gọi là phát hãn — do đó giải được độc, bớt được nóng. Theo Đông-Y, khi bệnh cảm mới vào cơ-thể thì chỉ xâm-phạm vào da lông — Đông-Y mô - tả bệnh còn ở biểu — chứ chưa lẩn sâu vào bên trong cơ-thể, vào tạng-phủ, tức là chưa vào đến lý. Trong những điều kiện như vậy, nguyên-tắc chữa-trị là phải giúp khai-thông lớp da lông đang bị bít-lấp bằng cách khiến ra mồ-hôi, nhắm mục-dịch trục-xuất tà-khí đang ở phần ngoại cơ-thể. Nôi xông đáp-ứng được nhu-cầu điều-trị này, do tác-dụng phát hãn mạnh-mẽ, nhất là trong các bệnh ngoại cảm.

Tóm lại, về phương-diện ảnh-hưởng lên cơ-thể bệnh-nhân và mầm bệnh, nôi xông có ba tác-dụng chính :

sát trùng, vệ sinh và phát hãn. Chắc vẫn còn những tác-dụng thứ-yếu khác, mà người viết chưa suy-diễn được.

Do những tác-dụng phát hãn, giải độc, hạ nhiệt, kháng sinh nên nôi xông rất đặc-dụng và hữu - hiệu trong các trường-hợp cảm, cúm, nhức đầu, sởi mủi, viêm sưng các đường hô-hấp, cũng như các loại bệnh nhiễm - trùng phổ-thông mới bộc-phát. Sức đề-kháng của cơ-thể gia-tăng nhờ nôi xông, sự phục-hồi nguyên-trạng nhanh-chóng hơn.

Dĩ nhiên không thể dùng nôi xông một cách bừa bãi và nhất là không nên dùng phương-pháp xông kéo dài. Bởi lẽ tác-dụng của liệu-pháp tuy có tính-chất kháng sinh đối với một số vi-trùng, nhưng công-năng chủ-yếu vẫn là hạ nhiệt, giải độc, giúp tăng-cường sức tự-vệ toan thân. Cho nên nếu xông vài lần mà bệnh vẫn không thuyên-giảm thì tìm đúng nguyên-nhân gây bệnh để có biện-pháp chữa-trị khác thích-nghị hơn.

Nhìn chung, và do ở những tác-dụng chủ-yếu của phương-pháp xông hơi, thiết tưởng không nên áp-dụng liệu-pháp này đối với các trường-hợp đau ốm lâu ngày, cơ-năng suy nhược, mồ-hôi sẵn đã ra nhiều. Các bệnh nội-thương đương-nhiên cũng không thể là phạm-vi ứng-dụng của xông hơi : các trường-hợp viêm thận, đau dạ dày, các chứng sưng gan, các bệnh tim mạch chẳng hạn.

Trên một khía-cạnh khác, thiết tưởng chúng ta cần khoa-học-hóa nôi xông cổ-truyền, Có lẽ nên nghiên-cứu

I.— Paris R.R. et Moyse H. — Matière médicale. Tome I. Masson et Cie. P. 90-95. Paris. 1965.

đề đề-nghị một thang phương xông hơi căn-bản, gồm những vị thuốc thông-dụng và hữu-hiệu, đã được kiểm-chứng qua kinh-nghiệm dân-gian và được kiểm-hiệu lại ở phòng thí-nghiệm. Trong chiều-hướng này, hẳn-nhiên ta cần đề ý đến những được-thảo có hàm-lượng phytoncides¹ cao mà lại không độc chẳng hạn ôi tàu, tia tó, kinh giới, lá lốt, lá chanh, lá bưởi, lá sả, lá quế, hương nhu, lá gừng v.v... Đồng thời, đề quảng-bá sự xữ-dụng nồi xông, nhằm đáp-ứng nhu-cầu của những địa-phương không có điều-kiện thu-hái cây nhà lá vườn, các gia-đình chuyên-nghiệp trồng-tía cần lưu tâm hong phơi một số lượng khá-quan những được-liệu được tuyển trạch đề tung bán trên thị-trường: như vậy, đồng-bào thành-thị sẽ có sẵn những túi thuốc xông hơi bình-dân, tiện dụng, gồm toàn được-liệu

phơi khô, sẵn sàng mang ra dùng những khi cần-thiết. Có lẽ lúc xông, cũng nên nhỏ thêm vào nồi xông, một vài giọt tinh dầu đề tăng thêm khả-năng diệt trùng thông khiêu: dầu sả, dầu trầm chẳng hạn.

Ở phòng thí-nghiệm, có thể tiến-hành rộng-rãi và qui-mô công-tác kiểm-tra khả-năng diệt khuẩn của những thành-phần được-liệu trong nồi xông cô-truyền, không những đối với vi-trùng, mà còn đối với các siêu vi trùng và các loại nấm, nhằm mục tiêu khảo-sát tác dụng phòng-vệ của xông hơi trong bệnh cúm, bệnh cảm, bệnh do nấm v.v...

08-03-73

1.— Phytoncides là danh-từ y-dược chỉ những tự-sinh do các thảo-mộc thượng-dẳng cung cấp. Một vài loại phytoncides đã được mô-tả là có khả-năng diệt trùng lao.



Ho ! Ho ! Ho ! Ho ! Ho !

Thuốc viên bọc đường

CAMPHOCODINE

LÀM DIỆU HẸN CƠN HO, CÔNG HIỆU MAU LẺ
BỀN BỈ ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC LOẠI HO

Bán tại các Nhà Thuốc Tây

Viện Bào Chế VANCO — 134, Yên-Đỗ Saigon — Đ.T. : 22.796

Khảo Cứu Đông-Dược bằng Phương-Pháp Thực-Nghiệm

ĐÀO-SỸ-CHU

(Xem P.Đ. từ số 21)

Trên đây tôi đã kể qua một vài khảo-cứu thí-dụ, đề nêu lên một ý nghĩ rằng Đông y cũng làm việc khoa học như Tây y ; ông cha chúng ta không hẳn là man di mọi rợ.

Việc khảo-cứu Đông dược bằng phương-pháp thực -nghiệm cũng đã đưa đến nhiều kết quả tốt đẹp, như quả gấc (*momordica cochinchinensis* spr) tại phòng Thí - nghiệm Dược - liệu Đông dương (Laboratoire de Matières Médicales Indochinoises), tại Y-Dược Đại-Học Hanoi. Hồi đó tôi đang làm dược-sĩ phụ - tá cho Giáo sư Frank Guichard ở phòng thí - nghiệm nói trên. Hạt gấc gọi tiếng chữ là mộc-niết - tử (có hình con rùa) và tiếng Nhật là Makubet-sushi, đã cho một thứ dầu dùng về công nghệ làm sơn và đồ đánh bóng (vernis), nó còn được dùng để pha dầu trầu (huile d'abrasin). Nhân của nó dùng làm thuốc dun sán cho trẻ em. Sự khảo cứu dầu hạt gấc cũng như lối khảo-cứu của hạt máu chó nói trên, và chỉ nên ghi rằng nó có một chất độc làm chết cá, mà chúng tôi đã phân chất ra là một thứ thạch kiềm thổ (saponine). Pha một phần ngàn vào nước lã đã làm chết cá vàng nặng 1,50g trong một

giờ đồng hồ. Cái chất quý của quả gấc là dầu của chính "thịt" (pulpe) quả gấc mà ta thường dùng để thổi xôi gấc. Dầu có màu đỏ hồng và trong như màu hồ phách, có cho một sắc tố nó kết tinh (cristaliser) ngay ở trong dầu như một tinh thể (cristaux) được khảo cứu như một chất Carotène B dùng thay cho vitamine A. Một phần tử (molécule) của carotène B được diều mẫu Carotinase phá đôi thành hai phần tử Vitamine A ở trong cơ thể. Đại-cương những chất quả (trái) hay củ, có màu đỏ như ớt, cà chua, cà rốt đều có chất Carotène B. Như vậy ta cũng không lo thiếu sinh tố A là một sinh-tố chỉ tan trong chất dầu như sinh tố D (liposolubles), còn các sinh-tố B (ở trong cám gạo) và sinh tố C (ở trong quả chanh, cam) thì chỉ tan vào nước (hydrosolubles). Với mấy sinh tố dễ tìm ở thức ăn hàng ngày, chúng ta chẳng lo đến vấn đề hoại huyết (scorbut) nữa.

Còn một Đông dược có tiếng là Củ Hà-Thủ-Ô cũng được khảo-cứu ở phòng « Khảo-cứu Dược-liệu Đông-Dương ». Hình tròn và lớn như cái ấm giở, vỏ mỏng đen và hơi xù xì như vỏ trái măng cầu Xiêm, nó mang đúng cái tên bình dân của nó.

«Đầu tròn lẫn long lóc» thật chẳng sai lời trẻ em hay chế riễu nhau.

Củ Hà-Thủ-Ô này, còn được gọi là Củ Bình vôi hay củ Ngải-tượng (Rotonda Stephania Renonculacées). Ông Petelot, giáo-sư chuyên môn về Thực-vật-học (Botanique) và cụ Tố-Nguyên, một y-sư lão thành của Đông y và một bậc thầy của môn Kinh Dịch, cũng đều nhận nó là Hà-Thủ-Ô, nhưng là loại Bạch-Thủ-Ô, thịt trắng như vôi, khác với loại Xích-thủ-Ô, vỏ màu nâu mà thịt thì màu đỏ, hai loại đều mọc thiếu gì ở vùng Quảng-Trị. Thứ nâu, nhỏ củ bằng nắm tay, gọi là Polygonum Multiflorum Polygonacées. Hai thứ cùng được dùng làm thuốc, loại Xích-Thủ-Ô, bổ huyết, loại Bạch-Thủ-Ô bổ khí (ích khí sinh tinh) lại còn dùng để làm cho tóc đen (hắc phát) và làm đẹp da mặt (nguyệt nhan-sắc). Cách pha chế theo lối Đông-Y thì phải *Cửu Sái* (phơi chín lần) và *cửu chưng* (hấp với đậu đen, chín lần), vì đậu đen thuộc Thủy tức thận, hay hấp với muối vì muối mặn thuộc Nhâm, Quý hay Tý Hợi tức thủy, tức thận vậy) Thận tốt, thì hắc phát (tóc đen) Thủy là họ Hắc-Đế nên mới tốt thận, tốt luôn cả tóc nữa. Về sau này có khám phá ra một thực vật kiềm chất gọi là Rotondine, một loại Alcaloïde (kiềm chất) không độc, mà còn khử độc, chống chất độc Mã-tiên-tinh (Strychine) của hạt Mã-tiên-tứ

dùng làm thuốc ghê (Strychnos nuxvomica loganiacées) bên Đông-y. Còn Tây-y đem ngâm rượu (teinture de Noix-Vomique) để dùng uống cho dễ ăn cơm (appétit như đồ chát (amer) làm tăng gia chất vị-dịch (sucgastrique) giúp thu-súc-tính của bao tử (motricité) và chống sự ợ chua. Chất Rotondine được coi như trị chứng giật gân, chống thu-súc-tính của bao tử và ruột (contula motricité gastrointestinale), bổ tim nhẹ, làm dễ thở và điều hòa sự hô-hấp (chứa hen thay Cobélie Cây thuộc khoa Son-cách-thái, chữa cả nấc). Nhiều bác-sĩ cũng đã đem thuốc đề thử ở bệnh viện, như bà bác-sĩ Trần-tử-Oai, các bác-sĩ Riou, Đỗ-đình-Dịch, Đào-văn-Tiến đều nhận sự công hiệu của chất Rotondine ở trong củ Hà-Thủ-Ô. Cụ Tố-Nguyên nói rằng chính Đông-y ít dùng được chất này, họ nhặt cả hai loại bán buôn cho Trung-Hoa, chắc hẳn đề chế theo Cửu sái, Cửu chưng, rồi lại bán trở về cho Việt Nam. Cũng như yến Quảng-Nam đem bán sang Trung-Hoa họ cho nhãn hiệu Quảng Đông thì có giá trị ngay. Các Dược sư như Ông Franch Guichard, Noyer, Bonnet cũng có khảo-cứu loại củ Hà-Thủ-Ô, loại Bạch này, mỗi người quan sát riêng một khía cạnh. Bác sĩ Riou tại nhà thương Đồn-Thủy De Lanessan bảo làm thuốc viên cho 1 centigramme Rotondine vào, dùng hay hơn chất Atropine (Điên-gia-tinh) lấy ở cây cà-dược (Belladone Solanacées). Tục truyền rằng có hai ông bà

họ Hà vào rừng kiếm củi, và đi lạc đường, đói quá thấy Củ Bình Vôi trắng (vỏ đen) ăn được, nên ăn đại (bừa) thấy khỏe người, tóc đang trắng hóa đen, mấy tuần sau, tìm được đường về làng, không ai nhận ra được mặt nữa, vì hai cụ trẻ ra và tóc lại đen. Nếu đất nước yên hàn sự đi lại dễ dàng có bảo đảm, thì chắc chắn nhiều quý vị thích khảo-cứu sẽ ra Quảng-Trị nhất củ Xích-Thủ-Ô để thử xem thuốc Đông-dược này tốt ra sao. Nhưng ở Bắc-Việt loại Bạch-Thủ-Ô có nhiều lắm, ở Hòa-Bình, Lạng-Sơn, Ninh-Bình-Sơn-Tây, ngay trước cửa nhà thờ Đức Bà, một người có thể nhặt một tấn (10 tạ) trong hai ngày được. Người bình dân, dùng để nhai, như ăn trầu với chút vôi. Họ cũng dùng chữa lao phổi, hen, sốt nóng, tiêu cơm, họ bỏ vỏ đem nướng, rồi chọn với mặt mía, mỗi khi dùng thì sắc độ 3 đến 10 grammes với các dược liệu khác. Ông bác-sĩ Riou bảo có thể dùng chất Rotondine phụ tá vào các chất thuốc ngủ hóa-học (barbituriques). Tôi xin phép quý vị tạm ngừng, mỗi thứ thuốc Đông-dược hay Tây-dược, thảo-mộc, trong có tinh-chất thuộc kiềm chất như Quinine, Héréine, Morphine, Pelletétine ở cây Canh-ki-na, cây anh-túc (cây thuốc phiện), cây lựu (thạch lựu), thì kê cho mỗi thứ hàng mấy cuốn sách cũng được.

Công việc thuyết trình của tôi hôm nay là nêu lên một cảm tưởng,

một suy luận về sự khảo-cứu tận tường mọi thứ thuốc sẵn có, như thảo-sản của Việt-Nam, dùng như thuốc trị bệnh cho Đông-y cũng như Tây-y.

Ở các quốc-gia trên thế-giới, tại các phòng khảo-cứu, người ta cũng vẫn làm việc tìm tòi học hỏi như vậy, các kết quả cũng được gửi đi khắp nơi, nhất là các việc khảo-cứu khoa-học ở các đại cường quốc như Pháp, Anh, Mỹ, Nga, mỗi nơi đều có Viện Khoa-học hay Hàn-lâm-Viện (Institut des Sciences), (Académie de médecine), ai muốn hỏi một tài liệu gì về một chất liệu gì, người ta đều có cả và sẵn sàng gởi cho mình, đề liệu chừng mà làm việc. Người dược-sĩ phải nhờ sự cộng tác của các phòng chuyên-môn, như phòng Thực-vật-học (Botanique) có cụ Petelot chuyên việc cho biết tên đúng của một loại thảo-mộc nào; Phòng Hiên-vi Kính học (Micrographie) có cụ dược-sĩ Dục coi hộ một mảnh cánh, lá, trái, của một thảo-mộc cắt mỏng dính, để xác định cơ cấu hay tên tuổi của nó. Nếu muốn đi xa hơn nữa thì phải liên lạc với bộ Canh-Nông, Nha Thú-y, các bệnh viện. Các bác sĩ có thể áp-dụng thuốc mới, đề coi sự ứng nghiệm ra sao. Như vậy thì việc khảo-cứu một dược liệu, hóa-học hay thảo-mộc cũng làm mất khá nhiều thời giờ. Sự cộng tác chặt chẽ giữa một y-sĩ và một dược sĩ là một việc rất cần-thiết và mong đợi.

Khảo-cứu không bắt buộc phải khám phá ra một vật gì quí giá. Một kỹ-sư mỏ không phải lúc nào cũng tìm ra được mỏ vàng, mỏ dầu hỏa, hay ít nhất mỏ than. Có thể khảo-cứu nhiều năm mà chẳng tìm ra được chút gì đáng kể. Có thể chỉ mới tìm kiếm sơ bộ, mà đã đi đến kết quả huy-hoàng, cho nên chỉ có những người đã qua cầu khảo-cứu mới thông cảm những người cùng nghề, cùng chí hướng.

Nhiều khi đang tìm thứ nọ, nó lại ra thứ kia, phải cho là một sự hên may, ngẫu nhiên. Bao nhiêu sự thành công có tiếng, chẳng là kết quả của một sự may mắn bất ngờ: nào thuốc Penicilline của ông Fleming, nào chất Radium của hai ông bà Curie, nào chất Uranium của ông Becquerel, nào môn Hóa-học lập-thê (Stéréochimie), nào cách thức chữa bệnh giật gân Parkinson bằng hơi lạnh của chất Azote liquide tức là Cryochirurgie của bác sĩ Irving S. Cooper v.v...

Tôi cũng đã được một dịp may, đề sáng tạo ra một gamme étalon colorée, màu tím hồng, đề định lượng chất Brome trong nước bề, nghĩa là đã sửa đổi lại phương-pháp của các giáo-sư quốc tế Chelle - Demigès của Viện Khoa-Học Pháp-Quốc ở Balé. Đó chỉ là một sự may mắn do con mắt họa-sĩ của tôi thôi.

Trình bày dài quá, về có một việc phân tích định tính và định-lượng của các Đông-dược hay Tây-

dược mãi, cũng chẳng vui gì - Các nhà chuyên môn thì cũng cố chịu đựng được nửa giờ — Các quí vị là khách bàng quan, sẽ thấy những chuyện máy móc ấy, nó khô khan vô cùng. Tôi xin nói chuyện về số mạng của các thuốc, thì quí vị sẽ thấy thú vị hơn. Thuốc cũng như người đều có số mạng cả.

Tôi xin nói ngay đến chất Rotondine của củ Bạch-Thủ-Ô kê trên. Hãy biết rằng nói tốt đấy. Bác sĩ Riou đã công nhận cái hay của nó và đã cho cả dung lượng, cùng cách thức dùng nó. Đó chỉ là một sự công nhận rất đẹp đẽ trên giấy tờ. Vậy ai đã dám thử bỏ tiền ra hàng triệu đồng để đem tung ra bán ở thị trường! Nhiều thứ thuốc tây có tiếng hay như thuốc tiên, xưa kia chỉ uống nửa viên, hay một viên là khỏi liền, mà bây giờ không ai nhắc đến tên tuổi nữa như thuốc Dagénan chẳng hạn. Lại còn một thứ thuốc bột để trong ống kín, gọi là nóp sáng cát tố (neuf cent quatoze = 914) hay Novarséno-benzol gọi tắt là Novar, được người Trung-Hoa thời Hoa-Nhật chiến tranh, dùng vào bất cứ việc gì cũng khỏi; thế mới lạ chứ, mỗi hiệu thuốc bán hàng vạn ống Dagénan và hàng vạn ống Novar hàng ngày — cố nhiên là lãi vô kể — Nếu gọi là bán chợ trắng thì đúng hơn là bán chợ đen. Vì rằng giá chính thức là ba đồng sáu, mà lại đem bán có hai đồng tư, ăn lãi có một cắc một ống thuốc, biếu khách hàng

một đồng hai. Nhưng độ ấy giá tiền cao lắm, một ngàn đồng bạc là năm tháng tiền chợ cho một gia đình trung lưu. Năm ngàn bạc, là vốn liếng để mở một nhà thuốc tây. Tất cả tủ, quầy, bàn ghế, một nhà thuốc tây trung bình, giá tất cả là ba trăm rưỡi bạc. Một người préparateur (pha thuốc) hạng nhất lương có 25 đồng một tháng. Độ ấy, 1941, cả Hanoi có năm sáu nhà thuốc tây là cùng, mà còn tranh giành nhau. Thật buồn — Vậy không ai bán một hộp Acétylarsan, hay một hộp calcium Plé, hay một hộp Soludagénan, mà bán mỗi lúc 500 hộp mỗi thứ, cứ xếp thuốc cũng ốm cả người. Người ta dùng thuốc và bán thuốc như điên — thuốc nào cũng hay cả, nào biocholine, Viosten, Stenopan, Panxylon Frane-Calcium, bán chạy như tôm tươi, bán không kịp thờ, buổi trưa không bữa nào ăn cơm yên, người mua không cho nghỉ, đám cửa thỉnh thoảng vì họ còn vội ra tàu hỏa chạy lúc 1 giờ. Đến gần ngày tác chiến 1 ống Dagénan lên giá 600đ (lương tháng của một bác sĩ chỉ có 40đ thôi). Vậy chắc thuốc phải hay lắm, ai cũng tin thế. Pénicilline độ ấy mua 1 ngàn bạc một ống 100.000 unités còn khó khăn mới mua được một ống, tiêm vào bệnh gì cũng khỏi liền. Vậy mà chỉ có ba tháng sau ngày tác chiến, 19 tháng chạp 1945 là thuốc vớt đi không ai thèm nhặt. Thật là lạ quá, tâm lý con người ta như vậy đó, cho nên buồn bán

thuốc tây như chuyện ma, ai hiểu được mới mấy tháng trước soludagénan 600đ 1 hộp 10 ống, rồi từ ba tháng sau cho đến 4 năm sau không bán hết được 10 hộp giá 25đ. Các thuốc khác cũng vậy, các thứ thuốc calcium đầu năm cuối năm không bán nổi 10 hộp, thế là nó đóng cục lại hóa hư phải vớt đi mỗi thứ vài trăm hộp. Dần dần người ta quên hẳn các thuốc quý ngày xưa, rồi không ai nhắc đến nữa. Đó, số mạng các thuốc tây như vậy, cũng lên voi xuống chó cũng vận đen vận đỏ như người.

Hết thuốc cũ lại đến tua các thuốc mới, được đem quảng cáo rùm beng lên một độ, mới đầu họ cũng mua thử, rồi lại thôi. Thuốc lại nằm chết đó, rồi được vớt đi, nếu để lâu hư hỏng hết — thế mãi. Cũng như cuộc đời. Vậy xin hỏi những thuốc Đông-dược được khảo cứu tốt đến đâu, mà đã hỏng gì có ngay được ai ngó tới. Một thứ thuốc mới đem tung (lancer) ra thị trường phải là thuốc hóa học tổng hợp tốt (produit de synthèse) rẻ tiền để bán nhiều mới mong tranh mối và khách hàng, chứ còn làm lối tiểu công nghệ gia-đình như thuốc Đông-y thì làm sao mà ai biết đến được. Họa chẳng nó là sâm Cao-ly đắt hơn vàng. Không biết có tốt thật hay không! Nhưng cứ đắt như cắt cỏ là thiên hạ lại đổ xô vào mua cho kỳ được. Khi thuốc Pénicilline xuống giá thì người ta không thèm

dùng 100.000 UI mà dùng 200.000 UI rồi 500.000 UI, một triệu (1 milion — 1.000.000) UI như không. Cũng chẳng thấy đủ, cố nhiên rồi cũng yên trí nó không tốt nữa — thật là oái oăm — khó mà chiều lòng những con người bệnh tưởng.

Thành thử sự quan niệm về khảo - cứu Đông-Dược hay Tây dược cũng bị lệch lạc, người ta đánh giá sự làm việc bằng số tiền bán thuốc, nếu không bán được khảo-cứu cũng coi bằng thừa.

Trước kia tôi ham mê khảo-cứu vì tôi ham học, bây giờ cũng vậy. Nhưng hồi đó chưa có ngạch (cadre) công chức cho dược sĩ hạng nhất (1^{re} classe) mà chỉ có ngạch Dược-sĩ Đông-Dương thôi. Trường thuốc trả cho tôi một phụ cấp là một trăm đồng bạc một tháng để uống nước, hay trả tiền xe pháo. Thế là tôi theo sở thích mà làm việc trường, ăn cơm nhà, như vậy trong mấy năm trời, muốn khảo cứu dược liệu gì, tôi phải bỏ tiền túi ra mua lấy, rồi đem vào phòng thí-nghiệm tha hồ mà khảo cứu, mỗi lần ra cát Bà hay vịnh Hạ Long, lấy nhiều vỏ nước bèo, về khảo cứu, mất hàng tuần, tiền tàu. xe thuyền, ăn tiêu, tôi phải xuất vốn nhà ra trả hết, không kể nhiều lúc bão lớn sóng to sẵn sàng bị chôn vùi xuống bể cả nữa. — Vậy mà tôi vẫn thích thú say mê, mỗi người có sở thích riêng. Phải thất lưng buộc bụng mà khảo cứu, cũng đến một thời hạn nào

thời. Đến khi hết cả tiền để dành thì phải đành buồn bã, từ biệt phòng khảo cứu, ra đi vay tiền mở tiệm thuốc, để mưu sinh vậy chớ sao ! Trường hợp của tôi dù phải ra buồn bán là một sự bất đắc dĩ cố nhiên kiếm tiền hàng triệu, như rác như ai, tôi cũng chưa bao giờ màng đến tiền và cũng chẳng bao giờ thấy vui vì đồng tiền. Tôi coi thân-nhiên. Hội hè, việc thiện, ai xin, tôi vội cho liền, cho như đồ của đi, cho hết lại đi vay cho nữa, số tôi Liêm Trinh Cư Mệnh tại Thân, nó thế, mà tôi cũng cảm thấy đúng như thế từ lâu. Cho cũng hết, mà không cho cũng hết. Thà giúp các hội thiện, còn có nghĩa lý hơn. Thế là may, đời tôi cũng ít nhất lấy chuyện giúp ích xã hội là một kỷ niệm vui đẹp.

Bây giờ cũng như lúc còn đi học, hay khi còn ở trong phòng thí-nghiệm lúc nào tôi học thêm được một chữ, tôi cũng lấy làm vui vẻ vô cùng, và cảm phục ngẫm, cụ Khổng-Tử là người khôn ngoan và biết đời — nếu có dịp khảo cứu tôi sẽ lại khảo cứu nữa, lúc nào cũng hăng hái như một người sinh viên trẻ trung và yêu đời.

ĐÀO SỸ-CHU

Đọc và cổ động

PHU'ÔNG ĐÔNG

Giáo - Dục Mới

HOÀNG-VĂN-ĐỨC

(Tiếp theo)

GIÁO-DỤC TÂM-THẦN

- *Vấn hà hàng phục kỳ lâm ?*
(Làm sao làm chủ được cái lâm ?)

KINH KIM-CƯƠNG

- *Tâm tử thần hoạt*
(Tâm-hồn có thể chết, tinh-thần không chết)

ĐẠO-LÃO

CHƯƠNG I

MỘT CỖ GIỚI TRONG MỘT CỖ GIỚI

I. TRỜI Ở Đâu ?

Thế-giới trong đó chúng ta hiện đang sống chẳng qua chỉ là một căn phòng nhỏ của một tòa nhà vĩ-đại. Điều ấy linh-tính bất-diệt của ta luôn-luôn khiến cho ta tin-tưởng như vậy. Khoa thần-học chính-thống từ ngàn xưa cho đến thuyết duy-vật của thế-kỷ vừa qua cũng không sao hủy-diệt được niềm tin đó hay khiến cho con người lầm-tưởng rằng Trời chỉ là một chuyện thần-thoại huyền-hoặc hay xa vời. Bởi vậy cho nên, khi các thí-nhân ước-mơ và ca-tụng cõi thiên-quốc đó, và khi các triết-gia hay các nhà khoa-học luận-bàn hay phủ-nhận nó thì các nhà *huyền-môn* đã tìm ra được nó cùng diễn-tả phân-loại các sinh-vật và các hiện-tượng của nó. Nhưng trong lúc sự hiểu-biết về cõi vô-hình này và các thành phần của nó mỗi ngày mỗi chính-xác sâu-rộng thêm, thì một đám mây mờ, vô-minh và sai-lầm, còn bao phủ nhiều người khiến cho họ còn hoài-nghi đối với Thiên-Cơ sáng-suốt và nhân-tử, và, vì còn hoài-nghi, cho nên còn khắc-khoải khổ-đau.

Nếu ta hỏi một người gặp ở ngoài đường « Trời ở đâu ? » chắc hẳn người ấy sẽ hết sức ngạc-nhiên và phá lên cười. Nếu người đó có đọc những sách thuộc loại « Tư-tưởng Mới » thì có-thể họ sẽ trả lời ta rằng : Trời ở tâm ta. Câu trả-lời này *đúng*, đúng nhưng rất sáo và có-lẽ người trả-lời cũng không hiểu được ý-nghĩa thực của nó. Thường-thường thì người ta cho rằng Trời ở trên cao, có-lẽ ở chỗ mà Hóa-tính đang vận-chuyển. Nếu sau này con người có được đưa lên Hóa-

tinh và trên đó câu hỏi lại được đặt ra thì câu trả-lời cũng lại sẽ tương-tự như vậy; có khác họa chăng là Trời không còn ở quỹ-đạo Hỏa-tính nữa mà ở chỗ địa-cầu đang quay trên vòm trời đầy sao.

Có điều lạ là tại sao ta cứ nói mãi trời ở chỗ này chỗ khác, mà không nói « Trời ở ngay đây » ?

2. CÔI VÔ HÌNH

Người học huyền-môn, khi tìm hiểu các định-luật tiềm-ẩn của tạo-vật, biết rằng một cõi giới mệnh-mông tuy vô-hình đang bao quanh địa-cầu, và muốn tìm cõi ấy, ta phải sang qua các hành-tinh khác hay du-hành trên không-trung. Chúng ta hiện đang sống trên một hành-tinh vật-chất, giữa một cõi giới nhẹ hơn, thanh hơn nó, bao quanh chúng ta như một khí quyển rộng lớn. Bất luận chúng ta ở đâu trên trái đất này, cõi giới ấy vẫn thâm-nhập vào tâm trí ta, thân thể ta, cũng như thâm nhập vào trái đất chân chúng ta đang dẫm lên. Chúng ta không cần đi xa để tìm nó, vì hiện chúng ta đã trú ngụ ở trong nó, là dân cư của nó, tuy rằng chúng ta không ý thức được sự hiện diện của nó cũng như không ý thức được thực tại của hằng hà sa số sinh linh và nhân vật đang sống trong nó.

Khi một linh-hồn ở cõi đó khoác một thể vật-chất sang cõi trần để *thu-thập kinh-nghiệm*, thì đó là sự *sinh*. Đến khi thể-chất ấy già đi, trở-nên tiêu-tụy sau khi làm xong nhiệm-vụ của nó, con người sẽ bỏ nó lại ở cõi trần: đó là sự *chết*.

Cõi vô-hình đó, thanh-trong hơn cõi trần, *quê-hương thật* của chúng ta, còn cõi trần chỉ là một xứ xa lạ, thỉnh thoảng ta đến thăm viếng như một lữ-khách du-lịch đến một xứ xa tìm kiếm vật-liệu dùng để dệt một tấm thảm huy-hoàng mà thôi.

Chúng ta thường không ý-thức được thực-tại của cõi vô hình này, vì một số *giác-quan* của chúng ta chưa được khai-mở. Cũng ví như một người bị cảm nghẹt mũi bước vào một gian phòng bát-ngát mùi hương hoa hồng, ta không biết có mùi hương này. Hay như một người mắc bệnh loạn-sắc dạo chơi trong một khu rừng rậm-rạp hay trên một bụi cỏ xanh tươi, ta không thường-thức được màu-sắc phong-phú vì tất cả chỉ là màu xám dưới đôi mắt bệnh-hoạn của ta.

Chúng ta cũng giống như vậy đối với cõi vô-hình vô cùng thanh-trong và đẹp đẽ đang bao quanh chúng ta: chúng ta không ý-thức được nó không phải vì không có, mà vì ở giai-đoạn tiến-hóa hiện-tại của chúng

ta, những giác-quan cần-thiết để tri-cảm nó chưa được khai-mở. Nhưng ngày những giác-quan đó được khai-mở không còn xa.

3. NHỮNG BẰNG-CHỨNG VỀ THỰC-TẠI CỦA CỖI VÔ-HÌNH:

Nếu chúng ta có thể nhờ một cơ-quan thông-tấn sưu-tầm và tập-trung tất cả các kinh-nghiệm cá-nhân rải-rác trên thế-giới về cỗi vô-hình, thì chúng ta sẽ tin ngay rằng cỗi vô-hình là có thật. Các kinh-nghiệm cá-nhân đều rất ít và cũng thiếu căn-bản vững-chãi, nhưng một khi chúng đã được gom-góp tập-trung lại thì chúng sẽ là những bằng-chứng rất hùng-biện. Đôi khi chúng ta thấy được một điều lạ hay nằm chiêm-bao được một điều lý-thú, chúng ta nhớ nó trong một thời-gian, đem thuật-lại cho bạn bè nghe hoặc đem thảo-luận về ý-nghĩa và tầm quan-trọng của nó, nhưng không bao lâu chúng ta sẽ quên nó đi. Dĩ-nhiên, thường thì nó không có giá trị bao nhiêu và cũng không dạy bảo ta được nhiều. Nhưng nếu chúng ta đã có dịp đọc qua các sự kiện mà các hội thần-linh học đã thu-thập được, chúng ta sẽ nhận-định được rõ ràng rằng toàn-thể nhân-loại đang tiếp xúc với một cỗi *tâm-linh* mệnh-mông và phức-tạp, (mà *Feilhard de Chardin* gọi là một *tấm thảm âm-linh*, *une nappe spirituelle*).

Sự diễn-tả các hiện-tượng xa-xôi nhờ *huệ-nhãn* đột-phát trong khoảnh-khắc; những lời tiên-tri về các nguy-tai sắp đến; việc các vong-linh hiện lên ở những ngôi nhà xưa; những chiêm-bao báo đúng những việc xảy ra; những cảm-hứng bất-ngờ đến với những bậc thiên-tài; các việc ấy và nhiều việc khác nữa cho ta biết rằng con người vĩ-đại hơn chúng ta tưởng rất nhiều và thế-giới của chúng ta được lồng vào trong một cỗi giới thanh-cao, tuy vô-hình mà có thật.

4. NHỮNG ẢNH-HƯỞNG CỦA CỖI VÔ-HÌNH:

Từng giây, từng phút chúng ta chịu ảnh-hưởng của cỗi vô hình. Bất-cứ lúc nào, tư-tưởng và tình-cảm của những người khác tác-động vào tâm-hồn chúng ta khiến cho chúng ta suy-tư, cảm-xúc và hành-động trái với *chân-linh* của chúng ta. — Thường thường, chúng ta không ý-thức căn-nguyên của các tư-tưởng đó và cho rằng chúng xuất-phát từ lòng chúng ta. Điều này được chứng-minh trong một việc sau đây:

Cách đây vài chục năm, trên con tàu chạy ngang qua vịnh Cựu-Kim-Sơn (San Francisco, Mỹ), một người đàn ông đang ngồi đọc sách. Bỗng nhiên ông ta cảm thấy tâm trí mình rung động xao xuyến, rồi ông ta hốt hoảng sợ hãi vô duyên cớ. Ông ta rất ngạc nhiên vì cuốn sách

ông ta đang đọc không có tính cách kích thích gì. Ông ta gấp sách lại, nhìn lên, thì thấy một bà mẹ đang hốt hoảng chạy theo lan-can tàu để níu lấy đứa con của bà ta đang leo lên lan-can và sắp rớt xuống biển. Sự hốt hoảng đã đến với người đàn ông do sự truyền-cảm vô hình của bà mẹ đang lo sợ cho đứa con mình.

Thực ra, những người suy tư bằng tư tưởng của riêng mình rất ít. Ý nghĩ, tư tưởng của đa số người ta là ý nghĩ và tư tưởng chung của tất cả mọi người bao quanh: cái *tâm tâm tâm linh* của Chardin có nghĩa là như vậy. Ngược lại, các ý nghĩ, tư tưởng của chúng ta không phải chỉ liên quan đến riêng chúng ta mà thôi, chúng còn gia nhập vào khối tư tưởng chung của nhân loại nữa. Nếu chúng ta khôn ngoan, biết điều hòa tâm tưởng mình với những ý nghĩ thanh cao, với những tình cảm trong sạch, thì chúng ta chỉ thu nhận có chúng mà thôi, và mặc nhiên tránh cho tâm tưởng chúng ta không bị những ý nghĩ, những tình cảm ô trược, thấp hèn nhiễm độc. Con người ta thực ra là một cái máy lọc tự chủ, phân biệt được cái thanh cao với cái thấp hèn, và chỉ giữ lại cái phần nào mình muốn giữ lại mà thôi.

5. SỰ HIỆN DIỆN CỦA CÔI VÔ HÌNH :

Chúng ta hiện đang chìm đắm trong đời sống vật chất, cho nên khó mà ý thức được sự hiện diện của côi vô hình mà chúng ta không nghe, không thấy, không nếm, không ngửi được với các giác quan phạm tục của chúng ta. Nhưng côi ấy còn *thật* hơn côi trần nhiều, mặc dù những ba động tế vi của nó không lưu lại một dấu vết gì trên vật chất thô kệch của giác quan chúng ta.

Chúng ta biết rằng mỗi tháng, trong một thời gian nào đó, mặt trăng có thể thấy được ban ngày. Chúng ta thấy mặt trăng ấy hình lưỡi liềm mà không ngờ đến ánh sáng của nó đang bao trùm chúng ta cùng với ánh sáng mặt trời. Chúng ta chỉ thấy có ánh mặt trời, nhưng khi mặt trời lặn, thì cảnh-vật hiện ra dưới ánh trăng êm-ái, dịu-dàng. Thật sự thì trong suốt thời-gian ấy, ánh trăng lúc nào cũng có, nhưng về ban ngày, nó không được tỏ nên chúng ta không trông thấy nó được.

Côi vô-hình cũng giống như vậy. Lúc nào nó cũng hiện-diện, nhưng chúng ta không ý-thức được nó vì chúng ta hoàn-toàn chìm-dắm trong ngoại-cảnh. Khi nào chúng ta trấn-an được giác-quan phạm-tục và tâm-thần hỗn-loạn của chúng ta, thì khi đó chúng ta sẽ ghi-nhận được những ba động tế-vi của côi vô-hình và sẽ ý-thức được nó một cách rõ-ràng.

6. BẢN-CHẤT CỦA GIẤC NGỦ VÀ GIẤC MỘNG:

Thực ra chúng ta biết về cõi vô-hình hơn là chúng ta tưởng, vì mỗi đêm, khi thề-xác chúng ta ngủ, thì chúng ta đều sang qua cõi đó và di-chuyển giữa các quang-cảnh của nó bằng một *đối-thể* tế-nhị của xác-thân. Đối-thể ấy của xác-thân là thể tình-cảm hay *thề* *viã*, được cấu-tạo bằng thanh-chất của cõi vô-hình. Cũng như thề-xác, thề-viã là một dụng-cụ của tâm-thức và nó có thể dùng riêng-biệt với thề-xác.

Giấc ngủ đối với nhà huyền-môn là một hiện-tượng dễ hiểu, nhưng đối với những người thường đồng-hóa mình với thề-xác và cho rằng trí-tuệ là một thứ hóa-phẩm của khối óc, thì nó là một sự-kiện hết sức lạ-lùng. Bản-chất của giấc ngủ rất đơn-giản. Trong giấc ngủ, chúng ta rời bỏ xác-thân và bộ óc chúng ta trở nên vô-thức, ngoại-trừ một thứ ý-thức mù-mờ, tăm-tối, máy-móc còn lưu-lại trong thần-kinh-hệ. Tâm-thức của chúng ta vẫn như trước, nhưng cái thề chúng ta dùng trong giấc ngủ là thề viã thay vì thề xác trong khi chúng ta thức.

Trong lúc chúng ta ngủ, sự sống thiên nhiên vẫn tác động trong thề xác để bồi dưỡng các tế bào mệt nhọc, nuôi dưỡng các tế bào mới sinh cùng bài tiết các chất thừa trong cơ thề. Chúng ta là chủ xác thân chúng ta trong khi thức; khi xác thân ngủ là chúng ta (với tư cách là chủ nhân của nó), chúng ta đi vắng, và trong khi đó xác thân có dịp nghỉ ngơi và phục hồi sức lực cho đến lúc chúng ta trở về là lúc xác thân tỉnh giấc để các tế bào hoạt động trở lại đáp ứng với tư tưởng, cảm xúc và ý chí của chúng ta. Vì khi chúng ta thức *thề* xác hoạt động như vậy, cho nên thề xác mới mỏi mệt và cần nghỉ ngơi trong lúc ngủ. Và sở dĩ giấc ngủ khỏe là vì chúng ta *vắng mặt*.

Đôi khi, lúc tỉnh giấc, chúng ta có thể bắt trí óc chúng ta nhớ lại một kinh nghiệm hay một sự việc xảy ra trong lúc ngủ. Khi chúng ta nhớ lại được, đó là một giấc mộng *hợp lý* dù cho đó chỉ là một sự *nhớ lại*. Những điều hợp lý chúng ta nhớ lại ở đây khác hẳn các hình ảnh *vô lý*, chúng hiện ra liên tiếp nhau trong trí óc chúng ta trong lúc ngủ và tạo ra những giấc mơ thông thường, kỳ dị.

Nếu chúng ta *liên kết* được tâm thức lúc thức và tâm thức lúc ngủ, thì chúng ta trở thành một con người *năng linh* (*psychic qu-*), nghĩa là một con người đã được mở một ít quan năng linh của khả dĩ giúp mình tiếp xúc với cõi vô hình như nhãn thông, nhĩ thông v.v... (Trong truyện Phong Thần của Trung Hoa, ta thấy đây rầy những nhân vật năng linh như Khương-Tử-Nha, Dương-Tiên, Na-Tra v.v...) Sự phát triển tâm linh là sự nới rộng giới hạn *tâm thức lúc thức* (mà chúng ta gọi là *giác thức*) bằng sự khai mở một vài quyền năng ẩn tàng trong con người.

Kỳ sau: CHƯƠNG II (TẠI SAO TA KHÔNG NĂNG LINH ?)

Thầy đồ và trường học

- ĐỖ-BẮNG-ĐOÀN
- ĐỖ-TRỌNG-HUỀ

(Tiếp theo Phương-Đông số 13)

TRẦN-VĂN-TRƯỚC quê làng Từ-Ô, huyện Thanh-hà, tỉnh Hải-dương, đỗ Hoàng-gláp khoa Quý-Hợi (1743) năm Cảnh-Hưng thứ 4 đời Lê Hiền-Tông, làm quan Thiêm-đô Ngự-sử.

Tính ông cương trực chỉ biết phép nước làm trọng, ngoài ra không kiêng nể ai cả. Các đại thần trong triều sợ bị ông tìm lỗi đàn hặc, không dám đề giữ chức Ngự-sử, họ tìm cách đổi ông sang làm Quốc-tử-giám Tế-tửu trông coi việc dạy học.

Ông làm Tế-tửu coi học trò như con mình, đêm ngày chăm lo khuyến khích dẫn dụ. Những kỳ tập văn, sinh-viên trường Giám và học trò các nơi đến tập, người nào văn bài làm hay, được ông khen thưởng hết sức, người nào làm kém bị quở mắng thậm từ. Lúc ấy học trò tụ tập ở kinh-đô Thăng-Long hàng mấy nghìn người, phần nhiều là môn-đệ ông cả, nhờ ông dạy bảo tận tâm nên có nhiều người thành tài. Đương thời khen là bậc thầy khuôn mẫu.

Ông làm Chủ-khảo mấy khoa thi Hội nổi tiếng ngay thẳng, dẫu là người thân quý cũng không thể nào cầu cạnh được. Kẻ nào ngó ý muốn gửi gắm người nhà, hoặc nhờ cậy giúp đỡ tức thì bị đánh hồng ngay.

Có một quan đại-thần mừng ông câu đối:

*Tọa học sĩ ư xuân phong, diện mệnh nhĩ
đề, huấn hối nhược gia nhân phụ tử.
Lập lại tư ư băng tuyết, từ trực lý
tráng, lẫm liệt như lời điện quý thần. (1)*

Khi ông mất khắp triều thần trên dưới cùng đi đưa đám và đến phúng điếu, vì các quan trong triều ngoài quận quá nửa là học trò, hoặc là bạn của ông.

oOo

VŨ-CÔNG-THẠCH quê làng Đan-Loan, phủ Bình-giang, tỉnh Hải-dương, đỗ Thám hoa năm Cảnh-Hưng (1740-1786) đời Lê-Hiền-

1 Đối với học trò như ngồi trước gió xuân, nét mặt hòa nhã dạy bảo như tình cha con ở trong nhà.

Sai kẻ lại xử việc, lòng trong như băng tuyết, lời thẳng, lý cứng, oai nghiêm như sấm sét quý thần.

Tông làm quan Tự khanh, vào Bồi tụng trong phủ chúa Trịnh-Doanh, được chúa tin cần.

Một hôm ông vào hầu, chúa cho cùng ngồi ăn cơm, có món cá song rán rất ngon của dân chài miền biển dâng. Ông để riêng ra một khúc cá không dám ăn đến. Chúa hỏi duyên cớ.

Ông thưa :

— Thần nhà nghèo không bao giờ có thức ăn ngon thế này, nay chúa thương ban cho, xin để dành lại một khúc đem về dâng mẹ già.

Chúa khen là hiếu tử, liền sai nội thần lấy một khúc cá khác để ban cho mẹ ông, nhưng khi lấy ra chỉ còn có khúc đuôi.

Ông xin ăn khúc đuôi, còn khúc cá trước để phần mẹ. Chúa càng khen ngợi.

Đến đời chúa Trịnh — Sâm vì can gián nữ-sắc trái ý chúa, ông cáo quan về mở trường dạy học ở làng Hào-nam, huyện Quảng-đức. (nay làng Thịnh-hào, huyện Hoàn-long, tỉnh Hà-đông). Học trò trường ông thi đỗ và làm quan đến hơn 70 người, đương thời tôn là « *Nho-lưu sư-phạm* ». Gặp khi nhà ông có giỗ, học trò làm quan tại triều, đều về họp ở nhà thầy ăn giỗ. Chợt trong phủ chúa có việc khẩn cấp, cho chỉ triệu các quan vào bàn việc, thì không có người nào vào hầu cả. Chúa hỏi, quan Ngự-sử thường trực thưa là các quan về giỗ nhà thầy học ở làng Hào-nam, nên không có ai ở nhà. Chúa Trịnh-Sâm cho là truyện lạ, đành phải đợi đến hôm sau mới họp các quan.

Em ruột ông là *Vũ-công-Huyén*, con trai là *Vũ-công-Huy* cùng đỗ Tiến-sĩ đồng-khoa. Ngày vinh quy các quan mừng ông bài thơ có câu :

*Đồng triều tam Tiến-sĩ,
Nhất nhật lưỡng vinh-quy. (1)*

Năm ngoài 70 tuổi ông mất ở làng Hào-Nam, mộ chôn ở làng Quảng-liệt, huyện Thanh-tri. Sau hành-khách qua lại trên đường quan lộ thường chỏ vào trong làng Hào-nam bảo nhau rằng :

« Kia là trường học cũ quan Vũ Thám-hoa, đã dạy được hơn 70 học trò thành đạt. »

oOo

1. Ba người đỗ Tiến-sĩ cùng một triều vua.
Một ngày hai người về vinh quy.

Đời Nguyễn, DOÃN KHUÊ quê làng Ngoại-lãng, huyện Thư-trì, tỉnh Thái-bình, tính nghiêm nghị, có phong độ quân-tử, đỗ Tiến-sĩ năm Minh-Mệnh thứ 19 (1838) làm Bố chính, sang chức Doanh-diên-sứ tỉnh Nam-định.

Đời Tự-Đức ông thấy trong nước xảy ra nhiều việc không được như ý, bèn từ quan về làng mở trường dạy học. Học trò các nơi nghe tiếng kéo nhau đến học, khắp vùng già trẻ đều kính nể. Khi ấy *Nguyễn-khắc-Đản* quê làng Xuân-viên, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh đỗ. Thám-hoa năm Tự-Đức thứ 9 (1856) được vua Tự-Đức phê vào bài văn sách quyền thi : « Hạc lập kê quần », ngụ ý văn chương của *Nguyễn-khắc-Đản* so với những người cùng đỗ khoa ấy như chim hạc đứng với đàn gà. *Nguyễn-khắc-Đản* làm đến Tham-trì bộ Công.

Tháng 6 năm Tự-Đức thứ 16 (1863) vua cử Phan-thanh-Giản làm Chánh-sứ, Phạm-phú-Thứ, *Nguyễn-khắc-Đản* làm Phó-sứ cùng bọn tùy viên đem lễ vật sang nước Pháp và Y-Pha-Nho xin chuộc lại ba tỉnh xứ Nam-kỳ. Nhưng việc không thành, sứ-thần ta phải trở về nước. Việc ba người đi xứ đã gây công phần cho sĩ phu trong nước, họ cho rằng các ông sươn hèn, xúi giục triều đình quy lụy người Tây-phương đề nhục quốc thể.

Cách mấy năm sau, *Nguyễn-khắc-Đản* được cử ra làm Chủ-khảo trường thi Hương Nam-định. Nhân sự phẫn uất trước, bọn sĩ-tử đi thi trường Nam trút cả vào viên Chủ-khảo. Mấy đêm hôm trước họ họp nhau làm một bài ca lục bát thóa mạ viên Chủ-khảo, viết ra nhiều bản rồi lén dán ở cổng trường thi và khắp các nơi. Trong có những câu :

*...Hạc đầu có hạc ăn mò,
Đã sang Tây-quốc lại dò về đây.*

Biết điều thì rút đi ngay,

Còn toan mua rồi có ngày nhục thêm...

Học trò rủ nhau vào các hàng cơm, nhà trọ cò động bãi-thi đề phản đối viên Chủ-khảo. Họ giao hẹn hễ ai vào thi sẽ bị anh em ra đánh đòn và xé hết quần áo.

Đêm hôm nhập trường, viên Đội Thề sát bắc loa gọi họ tên thí sinh nhập trường, không có một người nào ứng lại, hàng vạn người

cứ đứng ở ngoài cổng trường bàn tán ồn ào như chợ. Các quan trường không biết làm thế nào được, đến sáng phải cho mời viên Tổng-đốc Nam-định vào bàn. Viên Tổng-đốc nói:

— Học trò vạn người cùng một ý, nếu đàn áp xảy ra truyện lớn ngay. Ở đây có quan Doanh-điền-sứ Doãn-Khuê người làng Ngoại-lãng, mở trường dạy học lâu ngày, được sĩ-tử các nơi kính trọng coi như núi Thái-sơn, như sao Bắc-dầu, ta kíp mời ông ấy đến giảng giải giúp thì mới ổn truyện. Quan trường bằng lòng. Viên Tổng-đốc lập tức viết thư, sai lính đem vong đến làng Ngoại-lãng mời Doãn-Khuê.

Ông ở trên vong bước xuống, đi thẳng vào đám đông người đứng chật cả hai bên đường. Học trò đương hung hăng quát tháo, trò truyện huyền thiên, bỗng thấy ông đến, đều chấp tay cúi đầu đứng im phăng phắc. Tay ông cầm cái roi mây lúc ngày thường dạy học, dơ cao lên chỉ vào đám đông mà nói: — Việc đi sứ sang Tây là tự ý Hoàng-thượng, chứ quan Chủ-khảo có dự gì đến, sao các anh lại nghĩ lầm như thế cho sinh truyện mãi ra. Nay phải nghe thầy vào thi ngay đi, không được viện cớ gì trì hoãn.

Đứt lời, học trò dạ lên vang trời, rồi rầm rập đi vào trường thi.

Xong việc trường vụ, quan trường và các quan Ngự-sử hợp cùng viên Tổng-đốc Nam-định đem việc ấy tâu về Kinh. Mấy tháng sau triều đình sai quan Khâm-mạng ra ban thưởng cho ông, vì đạo đức và uy tín đã phủ dụ được hơn một vạn sĩ tử toan bãi-thí.

oOo

NGUYỄN-QUÝ-TÂN quê làng Thượng-cốc, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương, đỗ Tiến sĩ năm Thiệu-Trị thứ 2 (1842) không ra làm quan, về làng Thượng-cốc mở trường dạy học. Ông dạy chăm chỉ, giảng nghĩa rõ ràng, học trò nhiều người làm nên, vì thế các nơi theo về học có hàng trăm người.

Trường học là năm gian nhà gỗ lợp gianh, gian giữa kê một cái sập giải chiếu cạp điều nơi ông ngồi nghe sách và giảng nghĩa. Chung quanh ba mặt giải chiếu xuống nền nhà cho học trò ngồi đọc sách và làm bài. Trên tường gian giữa viết hai câu châm ngôn:

là xây dựng đất nước của TIÊN TỔ □

Tự kính tri chí, vi độc thư chí bản.

Tuần tự chí tinh, vi độc thư chí pháp. (1)

Mỗi khi ông từ nhà trong đi ra nhà học, các học trò đều đứng lên, chấp tay cúi đầu chào rồi mới ngồi xuống chiếu.

Trường chia ra ba lớp:

1 — *Lớp lớn nhất*, dạy những học trò đi thi, chính ông ra đầu bài, chấm bài và giảng nghĩa sách.

2 — *Lớp trung học*, dạy những học trò đã biết làm câu đối, làm luận, ông giao cho ba bốn anh học trò đi thi dạy thay, thỉnh thoảng ông mới nghe sách và giảng nghĩa cho,

3 — *Lớp tiểu học*, dạy những học trò đã biết đọc biết viết và làm câu đối 3, 4 chữ, ông giao cho mấy anh học lớp trung học dạy rồi kiểm soát lại.

Lớp tiểu học dạy vào buổi sáng sớm, lớp trung học dạy buổi trưa, lớp đi thi dạy buổi chiều.

Gia phả họ Nguyễn làng Thượng cốc còn chép giai thoại, khi ông ngồi dạy học như sau:

— Ở bên trường học là nhà ông phú hộ, có cô con gái chừng 19, 20 tuổi nhan sắc dịu dàng lại biết làm thơ. Các học trò trường ông Nghè đều lưu ý. Cứ sáng sớm lớp tiểu học cấp sách đi học cùng với 6, 7 anh lớp trung học theo vào dạy thay cho thầy. Hễ đi qua cổng nhà ông phú hộ, thấy thiếu nữ đứng ngoài sân, các anh lại buông lời chòng ghẹo:

— Trông cô em xinh quá, đáng yêu nhỉ! Rồi cùng nhau cười khúc khích.

Ngày nào cũng thế, thiếu nữ nghe mãi lấy làm khó chịu, mới nghĩ cách cho các anh một bài học. Sáng sớm hôm sau nàng trang điểm ăn mặc lịch sự, ra đứng ngoài cổng giữa lối đi lại, giả vờ bảo cho con sen quét cổng.

Các anh tha hồ nhìn và ngắm nghĩa, anh nào đi qua cũng nói:

— Cô em xinh quá thật đáng yêu!

Thiếu nữ nghiêm nghị vẫy cả bọn lại bảo:

— Các anh muốn yêu cũng xin vâng, nhưng tôi ra cho một câu

1 Kính cần bên chí là cần bản sự đọc sách.
Thế tự tinh vi là khuôn phép sự đọc sách.

đối, hễ anh nào đối được hãy nói đến chuyện yêu thương, bằng không thì từ nay chớ có qua cổng nhà tôi nữa mà xấu hổ.

Nói xong nàng đọc :

— *Yêu nhau như bầu như rót, như hót vào thùng, như búng con quay, như xoay thợ tiện, như bện giấy tơ*

Xin các anh hãy đối đi ! Bọn học trò lớn đỏ mặt tía tai, loay hoay nghĩ mãi không sao đối được, xấu hổ quá tìm đường lẩn tránh. Hôm sau vào trường, không một anh nào dám đi qua cổng nhà thiếu nữ, phải tìm đường đi vòng lên xóm trên qua các ngõ hẻm bị chố các nhà đuổi theo sủa vang lên.

Luôn mấy ngày như thế, ông mắng học trò sao không đi đường chính, lại đi lối tắt để cho chó hàng xóm sủa. Học trò phải thú thực vì không đối được câu đối của con gái ông phú hộ ra nên xấu hổ không dám đi qua cổng nhà cô ta nữa và đọc câu cho thầy nghe.

Ông giận mắng :

— Những đồ dốt quá, câu đối ra dễ thế mà không đối được, còn học hành gì nữa. Đây ta đối giúp cho, ra đọc cho cô ta nghe !

Lấy đây có bè có bạn, có ván com xôi, có nôi com nếp, có nệp bánh chưng, có lưng hũ rượu.

Bọn học trò được câu đối của thầy gà cho, lấy làm mừng rỡ, đợi lúc tan học mấy anh đi qua sân nhà thiếu nữ, cố lấy giọng đọc to lên để cho nàng ở trong nhà nghe tiếng. Từ hôm ấy học trò đến trường lại đi qua nhà phú ông, thiếu nữ không dám ngăn trở.

oOo

NGUYỄN-ĐỨC-ĐẠT hiệu Nam-Sơn, quê làng Nam-Kim, huyện Thanh-Chương tỉnh Nghệ-An, đỗ Thám hoa năm Thiệu Trị thứ 5 (1845). So bộ Hàn-lâm Tập-hiền-viện, thăng Cấp-sự-trung, rồi Ấn-sát Thanh-hóa và Tuần-phủ Hưng-Yên.

Năm ngoài 50 tuổi, ông xin về hưu trí mở trường dạy học ở dưới núi Nam-Sơn, sĩ-tử các nơi theo học có hàng nghìn người). Học trò ông như Hoàng-cao-Khải đã làm đến Khâm-sai Bắc-kỳ, tước Duyên mậu Quận-công, Cao-xuân-Dục, Lễ-bộ Thượng-thư, tước An-xuân-tử, Nguyễn-Khuyến Sơn, Hưng, Tuyên Tổng-dốc (1), mà khi đến hầu thầy vẫn giữ lễ phép như lúc còn là học trò.

1. Hoàng-cao-Khải quê làng Đông-thái, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh.
Cao-xuân-Dục quê làng Thịnh-mỹ, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an.
Nguyễn-Khuyến quê làng Yên-đỗ, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam.

Đầu đời Thành-Thái, ông ra thăm cố đô Thăng-long và các bạn hữu. Hoàng-cao-Khải ủy cho viên Tuần-phủ Ninh-bình cùng viên Tri-huyện Thạch-thành vào tận Đồng-giao đón. Khi vớng ông đến phủ Thường-tín, viên Khâm-sai và Cao-xuân-Dục đã đón ở đấy, đi bộ theo vớng. Vào dinh hai người dìu ông lên trên thềm. Hôm sau khắp mặt các quan đầu tỉnh Bắc-kỳ đến bái kiến, tỏ ý ngưỡng vọng bậc đạo học quân-tử.

Khi ông mất, các quan Trung, Bắc-kỳ đều có câu đối viếng. Câu đối của Hoàng-cao-Khải khóc thầy :

*Tiên-sinh nhất đản ca Lương-mộc.
Tiều-tử chung thiên khắp mộ bi. (1)*

Nay nhà dạy học ông còn di tích ở chân núi Nam-sơn, gần đấy là mộ ông, có tấm bia của Trường trảng Hoàng-cao-Khải và Phó trưởng trảng Cao-xuân-Dục, Nguyễn-Khuyến thay các môn sinh soạn, trong kể đạo học và công đức của ông, bình sinh đào tạo được nhiều trí thức, mở đường dẫn lối cho bọn hậu sinh. Ngày xưa dân làng cùng học trò đi qua mộ đều xuống ngựa, xuống vớng, nghiêng dù đề tỏ lòng tôn kính vị Sư-biêu.

oOo

NGUYỄN-HỮU-BÁCH quê làng Thọ xương, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc giang, cương trực hay chữ nhất vùng ấy, đỗ Đầu xứ năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), rồi đi thi luôn mấy khoa không đỗ.

Ông cho là phận không có, thi đem đạo học truyền lại cho đời sau, mới không thi nữa. Tìm đến ngôi dạy học một nhà phú hộ ở làng Mai-xin, huyện Lục ngạn. Trong huyện mộ tiếng ông đạo đức văn học, những nhà khá giả cho con em đến học rất đông.

Ông ở đấy lâu ngày, được dân làng đặt vào hàng tôn trưởng, ai có công việc gì cũng đến nói với ông chỉ bảo giúp cho. Nhiều khi trong làng xảy ra những truyện tranh tương ruộng đất, chửi nhau, đánh nhau, họ đưa đến nhờ phân xử phải trái. Ông lấy nghĩa lý giảng giải và hiểu bảo hai bên, họ đều nghe theo, ít khi phải đưa nhau lên quan kiện tụng.

1. Tiên-sinh một sớm hát bài ca Lương-mộc, Tiều-tử suốt đời khóc bia trên mộ,

Lê-ký : Một hôm đức Không-Tử kéo lê gậy vừa đi vừa hát : Thái-sơn kỳ đời hô ! lương mộ kỳ hoại hô ! Triết nhân kỳ nuy hô ! nghĩa là : Núi Thái-sơn lở mất, cây gậy to cối mất, bậc triết nhân mòn mỏi mất.

Được ít lâu ngài bị bệnh chết.

Năm 76 tuổi, ông mất ở nơi dạy học, có hơn năm trăm học trò khăn trắng, áo trắng đi đưa đám. Nhớ ơn dạy bảo, học trò chung nhau lập một ngôi đền thờ ông ở làng Mai xin, gọi là đền « Cự Đờ », học trò đi qua lại đều xuống ngựa và ngã nón để tỏ lòng tôn kính. Trong đền có đôi câu đối :

*Kỷ độ ngưỡng chiêm tường sỏ nhân,
Đa niên tăng lập tuyết tam phạn (1)*

oOo

NGUYỄN-HUY-ĐỨC quê làng Vũ-thạch, huyện thanh trì tỉnh Hà-dông, đỗ Cử nhân năm tự Đức thứ 11 (1858), làm quan đến Đốc học tỉnh Thanh-hóa.

Năm 50 tuổi, ông xin về hưu trí mở trường dạy học ở làng Vũ-thạch, trước sau dạy được gần ba nghìn học trò. Quan tỉnh Hà-nội thấy ông hết lòng với công việc giáo dục, đào tạo nhân tài, mới làm sớ tâu về kinh. Triều đình ban chỉ ra khen thưởng cho ông.

Đầu năm Thành Thái, quan Kinh lược Bắc-kỳ Hoàng-cao-Khải, nghe tiếng ông là bậc đạo học, muốn mời ra làm quan để giúp việc. Nhân có hai người học trò của ông đương làm Tham biện và Thương tá ở dưới quyền, bèn ủy hai người đem lễ vật đi mời ông.

Hai người về làng Vũ-thạch hết lời khẩn cầu, bắt đất dĩ ông phải đi.

Thềm nha Kinh lược xây cao, ông tuổi già hai học trò đi hai bên, một người nâng, một người diu lên thềm. Viên Kinh lược đương ngồi trên sập vọi vàng bước xuống đón.

Trà nước xong, viên Kinh lược ngỏ ý triều đình muốn mời ông ra giúp việc.

Ông nói tuổi già và có mục tật không thể kham nổi. Hai ba phen bị nài ép nhưng ông nhất định từ chối và xin cho được về nghỉ.

Viên kinh-lược liệu không giữ nổi, mời ông ở lại chơi đàm đạo văn chương. Hôm sau sai lấy ra 2 cây gấm và 6 nén bạc tiễn chân. Ông cũng không chịu nhận. Năm ông 70 tuổi còn mẹ già, mà vẫn chăm chỉ dạy học trò không ngày nào nghỉ. Phó - bảng Trần - tán - Bình mừng câu đối :

*Độc xưng thiên hạ tam thiên sĩ
Do tác giai tiền thất thập nhi. (2)*

1 Đạo thầy như bức tường cao mấy trượng, đệ tử đá ngựa trông bao lần.

Đã bao năm đứng hầu thầy nghe giảng sách, tuyết xuống phủ mặt đất giầy ba phân mà không biết. (Đời Tống, Chu định Phu đến xin học Trình Di, gặp lúc thầy đương giảng sách. Chu mới nghe cho đến khi tuyết xuống phủ trên mặt đất dày ba phân mà không biết).

2. Đáng khen ở trong thiên hạ có ông dạy được ba nghìn học trò. (như đức Không-Tứ) Đã 70 tuổi vẫn làm con út mẹ ở dưới thềm, (như ông Lão - Lai đời Chu).

Học trò ông có nhiều người làm nên, nhưng đối với thầy vẫn giữ lễ như các ông Đỗ-Văn-Tâm, Dương Lâm (2) v.v... đã làm đến Tuần Phủ Tổng-đốc, mỗi khi về Hà-nội thăm thầy, đi đến đầu làng Vũ-thạch là xuống võng, lấy áo tấc ra mặc, rồi mới vào hầu thầy.

Khi Đỗ-văn-Tâm làm Tuần-Phủ Thái-bình về thăm thầy, sai tiểu đồng bê một cái khay, trong đề 1 cân trà tàu và 5 nén bạc. Đến nhà thầy, vào tới hiên đặt khay ở trên thềm lạy hai lạy, chấp tay đứng nói:

— Con ở Thái-bình mới về, có ít trà ngon kính dâng thầy xơi nước và ít tiền để thầy tiêu tạm.

Ông đương ngồi chấm bài cho học trò ở trên phản, ngừng lên hỏi:

— Anh Tâm đây à cho thầy cái gì đây ? Ơi trà nhiều quá, còn bạc thì thầy có tiêu gì mà lấy. Anh đã có lòng tốt mang từ Thái bình về, thầy lấy trà thôi. Ngồi đây thầy trò ta uống nước nói chuyện !

Nói xong ông gọi học trò đi đun nước, nhưng lúc ấy chưa có người nào đến, Đỗ-văn-Tâm đứng dậy nói:

— Thưa thầy để con đi đun nước.

Rồi cởi ngay áo tấc ra, xuống bếp lấy củi và ra chum múc nước vào đun trên hỏa lò, vui vẻ như lúc còn là học trò đến nghe sách làm phận sự hầu thầy. Học trò xưa phần nhiều kính trọng thầy và giữ lễ như thế, họ chỉ biết có thầy, mà đã quên mình ở địa vị cao quý.

Năm 80 tuổi ông mất, học trò từ Hoàng giáp, Tiến sĩ, Phó bảng, Cử nhân, Tú tài đến nhất, Nhị trường, Thí, Khóa sinh, từ Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính, Án sát, Đốc học đến Phủ, Huyện, Giáo thụ, Huấn đạo đều khăn trắng áo trắng đi đưa đám. Mỗi người một vuông vải trắng bịt mõm, trừ tiếng kèn trống và tiếng khóc ra, ai cũng im lặng để tỏ vẻ kính trọng người quá cố.

Đỗ-văn-Tâm có câu đối khóc thầy :

Ngũ thập niên độn thoái vô cầu, sĩ phu tôn chi, triều đình tưởng chi, chính tạ cao phong biêm mặt tục.

Vọng bát cần điền hình tư tại. Thái sơn đồi hĩ, lương mộc hoại hĩ, không chiêm phiến nguyệt tưởng di dung.

1. Đỗ-văn-Tâm quê làng Tại-gia, Phủ Thường-tín, tỉnh Hà-Đông, đỗ Tiến sĩ năm Tự-Đức thứ 33 (1880) Dương - Lâm quê làng Vân-dinh, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-Đông, đỗ Thủ-khoa năm Tự - Đức thứ 31 (1878).

2. Năm mươi tuổi lui về không cầu danh lợi, sĩ phu tôn kính, triều đình khen thưởng, vẫn giữ thói cao khiết, khinh ghét đời ô trọc.

Tám mươi tuổi thầy mất, khuôn phép còn để lại, như núi Thái-sơn lở, như cây gỗ to đổ, trong bóng trắng sáng ngắm ngôi tưởng tới dung nhan.

Từ quyền

Lịch sử thành lập đất Việt

đền quyền

Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-Nam

NGUYỄN-BẠT-TỤY

(Tiếp theo)

II. QUYỀN NGUỒN GỐC MÃ LAI CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM

A. PHẦN NỘI - DUNG :

3. VỀ HỌC - NGƯỜI.

Ở *Phương-Đông* số 16, xét về nội dung quyền *Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt-Nam*, tôi đã trình bày về thái độ trí thức thiếu khiêm tốn, đường lối suy luận đầy chủ quan và thói quen quả quyết không chút dè dặt của ông Bình-nguyên-Lộc. Cộng với cái hình thức « phi biên-khảo » của quyền sách, những khuyết điểm này của người viết đã không tạo ra được một niềm tin nào nơi người đọc. Đối với một công trình gọi là biên khảo, niềm tin ấy là cái gì rất cần thiết, vì đã mất nó thì người đọc không còn yên tâm theo dõi công trình ấy nữa, dầu về đại cương hay về chi tiết, và những gì người viết nói ra cũng không còn « nặng-cân » nữa. Để thấy rõ tâm trạng ấy của người đọc, không gì bằng ta hãy phân tách cái học cái biết của người

viết, trước hết về học - người, mà dành học - ngữ cho bài kỳ sau.

Về học người ta có một ngành *học người thể chất* (physical anthropology) và một ngành *học-người hội-sống* (social anthropology). Ngành sau này còn gọi là *học-dân* (ethnology), vì con người được xét như một người dân, một phần-lập trong một cộng-đồng hội-sống nào đó, với những hoạt động của họ, về tinh-thần cũng như vật-chất. Ta sẽ lần lượt xét về những sai lầm, những thiếu sót và những mâu-thuẩn của ông BNL trong hai lãnh vực này.

Những sai-lầm về sự đối-chiếu số chỉ-số.

Ngay ở đầu quyền sách, cuối tr. 7, ông BNL đã đưa ra chú-trường rõ ràng của ông về học-người thể-chất mà ông gọi là « chúng tộc-học »: « Muốn biết tổ-tiên ta là ai thì chỉ có một phương-pháp độc nhất mà khoa học nhìn nhận, đó là đối-chiếu các thứ sọ người cổ và ~~độ~~ của ta hiện nay.

Bởi vậy ở nhan quyền sách, ông đã trưng ra câu : « Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt nam với 200 biểu đối chiếu sọ, ngôn ngữ cùng nhiều khám phá mới lạ về thượng cổ sử 5000 năm của dân ta. »

Thật là một trái núi lớn, nếu lời rao trên đây đáp ứng được chủ trương của người viết. Nhưng trên thực tế, trái núi chỉ để được một con chuột lắt, mà một con chuột què quặt, vì giờ phần « Đối chiếu chỉ-sọ sọ », từ tr. 444 đến 455, ta thấy 11 trang giấy về học-người thê-chất của quyền sách 893 trang, không những thật nghèo nàn, mà còn chẳng chứng tỏ được gì theo ý muốn của ông BNL.

Đã vậy, với một giọng quan trọng, ông BNL còn nhắc lại, ở tr. 444, sự thiếu sót của các nhà viết sử trong sự « khai thác chứng-tích chủng-tộc học » : « Có vị không hay biết rằng có tài liệu này, có vị hay biết, nhưng đó là sách hiếm có nên tìm không được, có vị tìm được nhưng không biết rằng cái sọ là yếu tố căn bản để phân biệt các chủng tộc. »

Đó là bài « *État actuel de la craniologie indochinoise (Craniométrie préhistorique et actuelle ; céphalométrie du vivant)* » của P. Huard et E. Saurin, chiếm trọn tập *Bulletin du Service Géologique de l'Indochine*, số 25 (1938), x.1, 104 tr. Trong quyền *Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt-Nam*, phần « Tài liệu tham khảo » cuối chương 11 (tr. 127), cũng như cuối chương 111 (tr. 177), ông BNL không những không dẫn số tập Kì yếu cho người đọc để tìm đọc mà còn đề sai số năm là 1931. Tập Kì

yếu này có ở Viện sách Sài gòn, chứ chẳng khó kiếm gì.

Để dễ phân tách những lỗi lầm của ông BNL, trước hết ta cần biết thế nào là *số-chỉ sọ* (cephalic index). Đó là số đối chiếu chiều rộng với chiều dài của vòm sọ (cranial vault). Chiều dài sọ đo từ chónh chang (glabella), nghĩa là khoảng từ xương trán nổi lên giữa hai chang-mày ra phần đối diện ở phía sau sọ. Chiều rộng vòm-sọ lấy theo khoảng cách xa nhất giữa hai điểm nhô ra ở hai bên đầu. Nếu ta lấy chiều rộng chia cho chiều dài rồi nhân số thành với 100, ta có số chỉ sọ. Thí dụ thấy một số chỉ 75 ở một người, ta biết rằng chiều rộng sọ người ấy bằng 75 % chiều dài, và số ấy được coi là một trong những số trung bình. Căn cứ vào sự đo lường này, các nhà học-người chia ra ba cỡ sọ chính : dài-sọ, vừa-sọ và ngắn-sọ. Một sự phân biệt tỉ mỉ hơn còn cho ta, theo sự xếp-loại của R. Martin : (1)

Rất-dài-sọ (hyperdolichocéphale) : số chỉ dưới 71.

Dài-sọ (dolichocéphale) : từ 71 đến 76.

1. Sự phân biệt này có thể thấy ở bài « Contribution à l'étude somatique des montagnards du Haut Tonkin 2e Territoire militaire » của B.S. Veyre (*Institut Indochinois pour l'étude de l'homme, Bulletins et travaux pour 1940*, q. 2, tr. 556) hay bài. « Anthropologie physique des Chams » của G. Olivier và Henri Chagnoux (*Bulletin de la Société des Études Indochinoises*, t. XXVI (1951), số 3, tr. 290). Nhưng cũng có nhiều sách Mĩ lấy số chỉ từ 75 đến 80 làm vừa-sọ, như quyền *An Introduction to Anthropology* của Ralph L. Beals và Harry Hoijer (New York 1956, tr. 88), hay quyền *Up From the Ape* của Earnest A. Hooton (New York, 1956, tr. 488.)

Vừa-sọ (mésocéphale) : từ 76 đến 81.

Ngắn-sọ (brachycéphale) : từ 81 đến 86.

Rất - ngắn - sọ (hyperbrachycéphale) : từ 86 đến 91.

Cực-ngắn-sọ (ultrabrachycéphale) : trên 91.

Nói chung thì người xưa thường dài sọ, nhưng không phải vì thế mà ngày nay ai dài sọ cũng thuộc loại người xưa. Ngược lại, thấy những cốt-cổ (2) là sọ ngắn được «nhận-diện» là Mã lai thì cũng chớ vội gọi tất cả những giống ngắn sọ ngày nay là Mã lai. Nhưng ta hãy cứ tạm chấp nhận cái lối suy luận không đúng này của ông BNL và hãy kiểm soát lại xem ông có trung thành với nó từ đầu đến cuối không.

Trước hết, ta hãy nhớ kĩ câu này của ông BNL, ở cuối trang 386 : « Tại sao tất cả bao nhiêu thứ dân ấy đều đồng ngôn, đồng sọ, mà chúng tôi không gọi chúng đó là chủng Nhật bản, chủng Thục, chủng Âu hay chủng Thái, hoặc chủng Tạng như Tàu đã gọi, mà lại gọi là chủng Mã lai, tức lấy Mã lai làm căn bản ? » Ta sẽ thấy rằng ông BNL chẳng biết gì về ngôn-ngữ, nhưng ta hãy tạm bỏ qua tiếng đồng ngôn, mà tôi cố ý đề đậm nét như tiếng đồng sọ, cho dễ mờ xé riêng tiếng đồng sọ. Nay ta hãy xem « chủng Thục, chủng Tạng » có đồng sọ Mã lai không, như ông BNL đã quá quyết.

Tr. 447, ông BNL đưa ra một số-chỉ trung bình 82,19 về người Mã lai : không ai chối cãi rằng họ

ngắn sọ và đó cũng là trường hợp của người Cao miên ở tr. 448, với số-chỉ trung bình 83,28.

Nhưng ông BNL nghĩ sao về số-chỉ trung bình là 77,98 của người Hẹ và người Thục ở tr. 448, tỏ rằng họ vừa-sọ (vì số chỉ dưới 81) ? Tuy họ là người Hoa rõ ràng, như số chỉ-sọ trung bình 78,27 của người Hoa ở tr. 449 có thể cho thấy, ông vẫn còn can đảm gán họ vào dòng Thái để có thể liệt họ vào giống Mã lai. Trang 302, ông đã xác nhận : « Thế thì Ba Thục là Âu tức Thái, mà Thục, Âu, Lạc gì cũng là Mã lai tuốt hết. » Song liền đó, ông thú nhận : Nếu việc đối chiếu sọ không nói lên gì được đối với những người không chuyên môn (ông BNL chuyên môn dữ !) thì chương đối chiếu ngôn ngữ sẽ cho thấy cổ ngữ Ba Thục, cổ ngữ Tây Âu là một với kim ngữ Việt nam, tất cả đều là Mã lai. » Ta sẽ thấy ông BNL « trời đất » về ngôn ngữ đến mức nào ở bài các kì sau ; riêng đây ta chỉ cần nhận xét rằng ông đã lập luận sai với nguyên tắc nêu lên ở trên của chính ông : ngắn-sọ là Mã-lai, nay vừa-sọ thì không phải là Mã-lai chớ !

Trường hợp vừa-sọ này cũng thấy ở tr. 450 với người Nhật (số chỉ trung bình 79,40) và người Tây-

2. Fossil : Các nhà « địa chất học » của ta gọi là địa hạt, vì cốt cổ thường được « khai » ở « đất » lèn, nhưng còn những loại được bảo tồn trong băng, trong hồ phách thì « địa » ở chỗ nào ? Hơn nữa tiếng địa hạt chỉ một hành vi hơn là một vật Còn tiếng cốt của tôi không chỉ riêng gì « xương » mà tất cả những gì bảo tồn được qua nhiều đời như xương, lông, thân, vỏ sò, vv.

Tạng (số-chỉ trung bình 77, 04), trái với sự gán ghép vô căn cứ của ông BNL. Ngay đến người La-la, mà người Quảng-đông gọi là Lò-lò, ông cũng không ngần ngại lôi kéo vào dòng Thái với cái tên Thồ Lô-lô (tr. 446), mặc dầu họ là người Miên Tạng và có số-chỉ sọ trung bình 80, 20.

Nhưng đến việc đối chiếu sọ người Hoa giữa Nam và Bắc thì ông BNL đã tỏ ra coi thường trí xét đoán của người đọc đến cực độ, với cái lối trình bày «ù-lò», bắt chắp cả những tài liệu mà chính mình đưa ra. Tr. 164, ông biết: «Sọ Hoa Bắc có tánh cách *Mésocéphale* (tức sọ dài) (3) còn sọ Hoa Nam thì có tính cách *Brachycéphale* đến 40 phần trăm, tức hơi tròn... Trong khi đó thì sọ Việt và sọ Mã Lai mang tính cách *Brachycéphale* đến 100%. Thế nghĩa là Hoa Nam là Tàu lai Việt, tức lai Mã Lai, và càng tiến xuống phương Nam họ càng lai mạnh hơn, cho đến biên giới Hoa Việt thì hết, hay chỉ có chút ít tánh cách *Mésocéphale* vì ta có lai Tàu chút ít suốt một ngàn năm bị trị.»

Tr. 410, ông BNL còn phân biệt «tì-mì» hơn: «Người Việt làm chủ ở đất Hoa Bắc xưa là cổ Mã Lai, chớ không phải kim Mã Lai... Những người Việt chủ nước Ngô và nước U Việt thì chắc chắn là kim Mã Lai». Đó là đề xác nhận rằng người Hoa-Nam là Mã-lai; tuy vậy, những tiếng «Tàu lai Việt, tức lai Mã Lai» ở trên vấn đề ta hiểu rằng phần Tàu là chính và phần Mã-lai là phụ, nếu quả có lai.

Nhưng bảng « Chi - số sọ của

các thứ người Hoa » của chính ông BNL, ở tr. 448-449, đã cho thấy rằng không hề có sự lai đó, vì tính cách vừa-sọ rõ ràng đã thấy ở cả người Hoa-Bắc (số chỉ trung bình 79, 04) lẫn người Hoa-Nam (số chỉ trung bình 79, 14). Ta tự hỏi sự chênh lệch có 1/10 vị-đơn vừa thấy làm thế nào khiến được người Hoa-Nam từ «*Mésocéphale*» thành «*Brachycéphale*» đến 40% được. Chẳng qua, cũng như các sự thật về học-ngữ (4), nhiều sự thật về học người đã bị ông BNL bóp méo đi để «mà» con mắt những người đọc sơ ý, và khiến người ta phải suy nghĩ theo đường lối của ông.

Trái lại, nếu ta tính ý một chút ta thấy ngay rằng chỉ riêng những số-chỉ sọ trên đây của người Hoa, Hoa-Bắc và Hoa Nam (tức Việt ở Tàu) so với số chỉ sọ trung bình 82,19 của người giao ta, gọi là «Việt» ở bảng «tổng-đối-chiếu» tr. 451 cũng đủ cho thấy rằng ta không phải là Việt, vì người Việt Hoa Nam là người Hoa.

Từ bao nhiêu đời nay, các nhà nho cổ hủ xưa của ta quen lối thấy người sang bắt quàng làm họ, tưởng gán ghép nòi giống mình vào dòng Việt là hân hạnh lắm, nên bày ra cái tên Việt kia từ khi sử Tàu ghi

3. *Mésocéphale* mà chưa là «tức sọ dài» thì quả là ông BNL biết quá vững vàng về «chủng tộc học». Như vậy *dolichocéphale* sẽ hiểu là gì? Hơn nữa đó có phải là những tên riêng đầu mà ông bày ra chữ hoa như thế?

4. X chẳng hạn *kurala* và *songat* đã đề-cập ở *Phương-đông* số 15, và cả chương «Ngôn-ngữ tí hiệu» của ông BNL mà ta sẽ có dịp phân-tách sau này.

rằng Âu-Lạc bị sát vào Việt-Nam của Triệu Đà Ngày nay với tinh thần nô lệ «hương Bắc» và «sinh Tàu» sẵn có, bao nhiêu người bàn luận về nòi giống cứ vết xe cũ ấy giẫm lên mãi mà tiếp tục đổi mình đổi người. Muốn cho sự giả dối ấy hợp lý hơn, ông BNL là người đã có «sáng kiến» suy luận như sau:

— Minh đã trót quả quyết rằng mình là người Việt;

— Minh lại nhận mình là Mã-lai vì «chỉ-số sọ mình giống của Mã-lai»;

— Vậy mình cứ gọi bữa người Việt Hoa Nam là Mã lai, mặc dầu «chỉ số sọ họ khác của Mã lai và của mình.»

Đó cũng là cách suy luận ông áp dụng cho người Tạng, người La lả, nhất là người Hẹ, tức cổ Ba Thục như ông chủ trương. Ở bài trước tôi có trách thái độ thiếu khiêm tốn của ông BNL khi ông chê ông H. Maspéro là «chưa học khoa chủng tộc-học,» Có lẽ đây mới là phương pháp «chủng-tộc-học đúng», theo quan niệm của ông? (Còn tiếp)

ĐÍNH CHÍNH (PHƯƠNG-ĐÔNG SỐ 15)

Trang	Cột	Dòng	Chữ sai	Xin sửa là
212	2	29	đề ngã	đề ngã
213	1	5	đã lai	Mã lai
214		11	châu Tân-hóa và ảo	xin hiểu là ở riêng dòng dưới
"		19	Trà mi	xin hiểu là tên cũ của Hậu đức
"		36	Mônâm	Mơnam.
215		13	klong đạ	klong đạ
216		24	hay nói là Miêu	nay...

Ngoài ra, các tên người đề ngã không do sự quyết định của người viết.

**KÉM ĂN
MẮT NGỦ**

uống

BIO-ACTIN

LÀM MAU ĐÓI, ĂN NGON

LÊN CÂN, DỄ NGỦ

TRỊ: HEN XUYỄN, PHONG NGỬA

(Có bán tại các nhà Thuốc Tây)

Số 48 / BYT / QCDP ngày 13.7.72

Tin tức Văn Hóa và Tôn Giáo

XEM TRANH « HUYỀN THOẠI ĐÔNG PHƯƠNG »

Với đề tài «Huyền thoại Đông Phương», Hoa Sĩ Phạm văn Hạng đã mở một phòng triển lãm tại Pháp Văn Đồng Minh Hội. Khai mạc ngày 22-2-1973 hồi 6g30 chiều với sự hiện diện của nhiều quan khách ưa chuộng nghệ thuật. Cuộc triển lãm được đặt dưới sự bảo trợ của Đức Khâm sứ Toà Thánh Việt Nam và Khmer.

Với số lượng hơn 30 bức tranh sơn dầu được vẽ rất công phu, họa sĩ đã cho người xem tranh những cảm giác thích thú về màu sắc, Điểm chính, của những bức tranh là sự hoà hợp giữa sang của màu sắc, Mỗi bức tranh tạo nên một sự hoà hợp riêng về màu, song toàn thể phòng tranh vẫn giữ được vẻ hoà sắc riêng biệt của họa sĩ.

Với một lối bố cục khá vững vàng cũng như sự đúng đắn về hình hoạ tác phẩm của họa sĩ nói lên được một kỹ thuật có căn bản.

Tiêu biểu cho kỹ thuật có căn bản đó, có những bức tranh : số 17 nhan đề «Phổ Đế» và số 20 «Nhà Sàn». Ngoài ra còn bức tranh số 1 nhan đề «Nữ Thần Xanh», là bức tiêu biểu nhất về kỹ thuật sơn dầu của họa sĩ. Về phương diện kỹ thuật nói chung, họa sĩ đã khá già dặn trong việc sử dụng sơn dầu cũng như bố cục và màu sắc.

Về nội dung, tinh thần Huyền thoại Đông Phương được nhận thấy dễ dàng ở các danh từ đặt tên cho bức tranh hơn là nhận thấy ở chính từng bức hoạ. Nhìn chung, phảng phất nhận được một xu hướng ngã về trường phái *siêu thực*, Trường phái này có nhiều ưu điểm về cách diễn tả, không chủ trương trình bày y nguyên sự thực, song không phải là chối bỏ sự thực. Trường phái này cũng không chủ trương huyền thoại hoá sự thực, họ có động, thúc đẩy sự thực trong đời sống đến cao độ nhất, tinh khiết nhất bằng những đường lối gián tiếp ngoắt ngoéo, cốt làm sáng tỏ sự thực của đời sống. *Siêu thực* thường bị nhầm lẫn với *phi thực*. Siêu thực đi từ sự thực để lấy sự thực làm tinh thần sáng tạo. Họ không đi từ những cơn mộng mị để hoàn thành tác phẩm, tạo nên những giấc mơ bằng những giấc mơ. Họ cũng không tạo nên tác phẩm bằng những sự hiểu biết sách vở, bằng những huyền thoại. Tác phẩm của họ nếu cho ta cảm tưởng êm dịu, nếu dịu ta vào những giấc mơ đẹp, thì đó cũng chỉ là giấc mơ dệt kết bằng sự sống thực, đưa chúng ta vào cơn mộng mị để được nhìn rõ sự thực hơn. Người họa sĩ siêu thực sẽ thất bại, nếu chỉ xây dựng tác phẩm mình bằng tưởng tượng. Bởi cơn đường cùng sẽ hiện ra hai chữ *phi thực* to lớn. Tác phẩm chỉ còn có tác dụng là loại tranh trang hoàng, làm vui mắt trong chốc lát, song không tạo cho ta sự rung cảm sâu sắc về đời sống, để đạt tới ý nghĩa về cuộc sống. Với hơn ba chục tác phẩm, với số tuổi cũng hơn ba chục, nhiệt tình của họa sĩ Hạng đối với hội họa cho chúng ta nhiều tin tưởng và an ủi trong thời buổi mà mọi sinh hoạt nghệ thuật gần như một cái bóng mờ, bên cạnh những sinh hoạt khác.

THÁI-TUẤN

Hộp Thư

BẠN TRẦN VĂN HIỆU, TÂY ĐỨC. Đã nhận thư khuyến-khích, hai « Lá thư hải ngoại » và bài « Tây phương và phi lịch sử tính ». Cảm ơn bạn vì mối thịnh tình và tinh thần đóng góp tích cực.

BẠN LƯƠNG TRỌNG MINH. Cũng xin cảm ơn bạn về bài sưu khảo « Sống và Chết ».

CÁC BÀI KHÁC ĐÃ NHẬN « Sóng lớn Thiên-an đan viện » (thơ) và « Em và hương xưa » của Vũ-Vấn.

Sách Báo nhận được

Trân trọng giới thiệu cùng độc giả sách báo đã nhận được sau đây:

VỀ NGUỒN THIÊN NHIÊN của Huỳnh văn Kiên, nói về thuật tu thân và tu dưỡng trong Phật giáo, Nho Giáo, Bửu Sơn Kỳ Hương, và một chương Tổng luận cuối cùng-Sách dày 440 trang khổ 15×25.

TRỊ LIỆU BẰNG DINH DƯỠNG, luận án Bác-Sỹ y-khoa về phương pháp Ohsawa của Nguyễn-văn-Thụy, Anh Minh xuất bản, 1973, Đà Nẵng, 176 trang.

TÌNH SỬ QUÊ HƯƠNG, gồm 20 bài thơ của Hoàng Yên Sơn, Khô in 20×15 do Hướng Đi xuất bản, 1973, giá 200\$

Đón coi

PHƯƠNG-ĐÔNG 23 và 24

Đặc- biệt :

HIỆN TƯỢNG TÔN GIÁO NGÀY NAY.

BỘ MẶT TÔN GIÁO NGÀY NAY BÊN PHƯƠNG ĐÔNG :

- Phong trào Phật giáo chính trị Soka Gakkai bên Nhật,
- Các hội kín Lão giáo Đài loan, hiện tượng Krishnamurti, ông Đạo Dừa và các ông Đạo miền Nam, tình hình Công giáo, Phật giáo, Cao đài, Hòa hảo, tín ngưỡng dân Thượng, v.v., và... Giải pháp đông phương cho vấn đề Tôn giáo ngày nay.

Ân nhân của Phương Đông

- Ô. HOÀNG SĨ BÌNH, Saigon, một năm báo 2.500đ.
- Dược-Sĩ PHẠM-CHÂU-NAM, Quảng-Ngãi, một năm báo 2.500đ

Danh sách các độc giả mua tiếp báo dài hạn (tiếp theo)

- LM Nguyễn văn Chính Ba xuyên
- LM Phạm Quang Tự Long khánh
- Bộ Tư Lệnh Không Quân KBC. 3 011
- Nguyễn thế Thuận Đà Lạt
- LM Trần đình Trung Thủ Đức
- Dược Sĩ Vũ ngọc Trần Saigon
- Cô Trương thị Năm Huế
- Thư viện Châu Sơn Tuyên Đức

Độc Giả Mới

- LM. Trần trung Nghĩa Saigon
- LM. Chu văn Tần Châu Đốc
- Đại Tá Nguyễn quang Tri KBC. 3.011
- Thiếu Tá Nguyễn hữu Dịch —
- Cha Gabriel Lajeune Saigon
- LM. Nguyễn kim Long Ban Mê Thuột
- Thầy Nguyễn trọng Lưu Đà Lạt
- Dr. Hoàng Mộng Điệp France
- Ô. Nguyễn quý An Saigon
- Thầy Lê đình Chiến Huế
- Thầy Bùi đình Chư Saigon
- Ô. Bùi quang Xuân Rạch Giá
- Ô. Nguyễn hữu Nha Gia Định
- Dược sĩ Nguyễn kim Tông Saigon
- SV. Nguyễn thị Như Thảo —
- SV. Phạm thị Quê Mỹ —
- Ô. Chung đức Danh —
- Cô Trương thị Tuyết Nương —
- R P Nguyễn thái Hợp O.P Suisse
- LM Huỳnh đông Các Qui Nhơn
- SV Lê thị Thanh Vân Saigon
- SV Nguyễn thị Trang —
- SV Trần thị Trường Thọ —
- Đại Chung Viện Rạch giá Kiên Giang
- Ô. Nguyễn văn Tinh Gih định
- Ô. Nguyễn văn Dương Saigon
- Đại Tá Hoàng cơ Lân Gia định
- Ô. Nguyễn văn Trang Saigon
- Ô. Trần quan Chuẩn Biên Hòa
- Ô. Phan văn Chiên Saigon
- Ô. Trần văn Thê —
- Ô. Vũ viết Thắng Biên Hoà
- Cô Trịnh Thúy Mai Saigon
- Cụ Diêu —
- SV. Nguyễn tấn Nhơn Đà Lạt
- Thầy Lâm Minh Saigon
- SV. Trần Hùng —
- Ô. Trần Quốc Tuấn Đà Lạt
- Bà Đỗ Hiệp Phổ Quảng Tín
- LM. Đỗ Minh Lý Saigon
- Ô. Nguyễn tiến Hữu Tây Đức
- Cô Dương Hồng Saigon
- SV. Phạm Kỳ Anh Gia Định
- SV. Trương tấn Trung Saigon
- Ô. Lê thanh Truyền —
- Ô. Nguyễn trọng Kim —
- Ô. Bùi quang Tung Afrique
- Dược sĩ Nguyễn huy Minh Saigon
- SV. Phạm thị Thuận —
- Ô. Nguyễn huy Tường Cần Thơ
- Đại Tá Nguyễn văn Ngọc KBC. 3.011
- LM. Phạm Anh Quang Thủ Đức
- Thầy Đỗ đình Tấn Saigon
- Các Thầy Đa Minh Học Viện Thủ Đức
- Ô. Trần Sĩ Quảng Ngãi
- LM. Nguyễn thế Hiền Tây Đức
- SV. Trần thị Đức Đà Lạt
- Viện Đại Học Huế Huế

L'antibacterien — Antimycosique
d'avant — garde

ISODINE SCRUB OU SOLUTION
POLYVINYLPYRROLIDON IODÉE

CHIRURGIE — DERMATOLOGIE — GYNECOLOGIE

Pour information : S'adresser **FRANCOFAR**

Tel : 98.930

B. P. 2.569 — Saigon

LỚP DỊCH LÝ

Du Ngoạn Thực Nghiệm

- ☐ Hướng dẫn đầy đủ phương pháp NHẬN DIỆN CHÂN LÝ đã, đang hoặc sẽ THỂ HIỆN trong vũ trụ vô hữu.
- ☐ Quý bạn nào muốn tham khảo toàn bộ tài liệu : VIỆT NAM DỊCH LÝ KHAI NGUYÊN tập 1, 2, 3, 4.
- ☐ Xin liên lạc với Ông VÕ-HỒNG-HẢI, Chi Hội Phó Ngoại Vụ — Chi Hội Dịch Lý Việt Nam số 194/19E đường Bạch-Đẳng — Gia-định (vô hẻm Long-Vân-Tự, khoảng 30 thước, rẽ trái).

Phổ biến Dịch Lý Việt Nam

ĐẠI-NAM NGÂN HÀNG

(DAINAM BANK)

Trụ-sở Trung-ương, 17 Còng-Trường Lam-Son, SAIGON

Đ.T. : 93 444 – 93.445

Với 14 chi nhánh trong toàn quốc

ĐẢM NHIỆM MỌI NGHIỆP VỤ NGÂN-HÀNG

- GIAO-DỊCH VỚI CÁC NGÂN HÀNG CHỈ ĐỊNH TRÊN KHẮP THẾ GIỚI.
- MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ XUẤT NHẬP CẢNG
- CHUYỀN NGÂN HỐI ĐOÀI
- TÀI TRỢ CÔNG THƯƠNG KỸ-NGHỆ GIA
- TƯƠNG MỤC TIẾT-KIỆM « RỒNG VÀNG » V.V...



- CÔNG VIỆC LÀM NHANH CHÓNG, KÍN ĐÁO
- NHÂN VIÊN LỄ ĐỘ. BẬT THIỆP, TIẾP ĐÓN NIỀM NỖ
- LUÔN LUÔN BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA KHÁCH HÀNG
- NGÂN HÀNG ĐÁNG TÍN NHIỆM NHẤT.

ĐẠI-NAM NGÂN HÀNG

**TÁC ĐỘNG CHỐNG SỰ CO THẮT TRỰC TIẾP
TRÊN CƠ TRƠN CỦA THỰC QUẢN, DẠ DÀY,
RUỘT, ỐNG MẬT, NIẾU-ĐẠO...**

● Mạnh ● Nhanh ● Ít độc

LÈVOSPASME

BICHLORHYDRATE DE DIPIPROVÉRINE

☐ **LỢI ĐIỂM :**

- Không làm nở con người
- Không làm khô miệng
- Không tăng nhịp tim
- Không ảnh hưởng trên các cơ năng khác

☐ **TRÌNH BÀY :**

- Viên bọc đường
- Chích thịt.

☐ **CẢM KÝ :**

- Mất hóa lực (glaucome)
- Khó tiểu tiện (Dysurie)

LES LABORATOIRES DAUSSE — PARIS 13^e

NHÀ NHẬP CẢNG : UFFARMA CÔNG-TY

184 - 186, Tự-Đức SÀI-GÒN — Tel. 95.308 — 92.830

BÉTALGINE

(B₁ + B₆ + B₁₂)

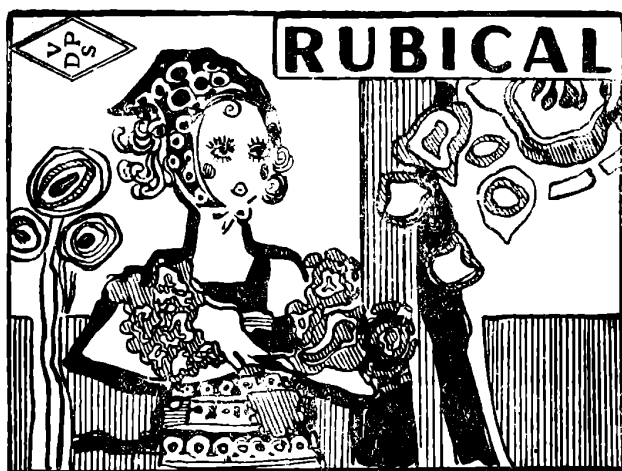
Chuyên trị :

**Bệnh tê-thấp, đau thần kinh, đau lưng,
các tình trạng suy-kém, yếu tim, phù thũng.**

t

Laboratoires TÉVÉTÉ SA

136, Yên-Đồ — Saigon



RUBICAL ampoules buvables

(Calcium + Vit. B12 + Sorbitol)

- TRẠNG THÁI THIẾU CHẤT VÔI, TRẠNG THÁI LAO
- THỜI KỲ THAI NGHÉN, ĐANG CHO CON BÚ
- YẾU XƯƠNG, GẦY ỒM, CHẬM LỚN
- CƠ-THỂ SUY YẾU
- TRƯỞNG HỢP XUẤT HUYẾT THƯỜNG

Số 111/QCĐP/13-11-71

Viện Dược-Phẩm Saigon

75, Nguyễn-bình-Khiêm Saigon I

Đ. T. 23.805

Nhà thuốc PHƯƠNG-ĐÔNG
KHẢO CỨU THỰC-NGHIỆM ĐÔNG TÂY Y-DƯỢC
 THUỐC BỎ
 NHẬT VÔ ĐỊCH **CHINOMOTO**

Đã bán ra thị trường mấy chục triệu chai rồi.
 Ai đã dùng qua đều công nhận là thần hiệu và vô-dịch
 Do Dược sĩ ĐÀO-SĨ-CHU Thủ khoa Đại Học Toulouse
 và Paris tự tay bào chế với sự cộng tác của các phụ tá
 Nhật và Việt Nam Đông Dược: M. Yamada, M. Umeda; Kim
 Điền.

Bán tại các nhà thuốc và 10 Lê văn Duyệt Sài Gòn

THUỐC VIÊN .
Ph **PHONG THẬP**
 CẤP THỜI VÀ KINH NIÊN
SALICYVITA
chữa
ĐAU NHỨC KHỚP XƯƠNG
NHỨC MỎI GÂN CỐT
 Bán tại các nhà thuốc tây



PHONG - PHU
 402 BYT 21.8.63

SAIGON ẨM QUÁN

CÔNG TY NẶC DANH VỐN : 20.000 000:00

35, Nguyễn-Đình-Chiều — SAIGON

Đ. T. : 22.208 — 22.498

TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN MẠNH
NHỜ SỰ TÍN NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG TỪ 25 NĂM NAY

HÉPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

- *Thơm ngon, ngọt*
- *Bổ huyết, bổ gan*
- *da dẻ hồng hào*

Tại các nhà Thuốc Tây

Mua Sĩ : Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty - 601 — L.V.Duyệt, Saigon

LỚP QUỐC HỌA HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG

Phương pháp cách mạng, học hứng thú, mau tiến tới.

Có lớp cho thanh thiếu niên từ 14 tuổi sắp lên.

Có lớp cho thiếu nhi từ 8 tuổi sắp lên.

Do các họa sỹ danh tiếng hướng dẫn :

Thái Tuấn, Nghiêu Đề, Nguyễn-Khai...

Học ngày Chúa nhật tại 161, Yên Đổ, Saigon.

Chia làm chín cấp, mỗi cấp ba tháng.

Và ba bậc : Căn bản, Sáng tác, Chuyên biệt.

Có cấp chứng chỉ và văn bằng.

Các khóa khai giảng vào tháng 3, 6, 9 năm 73

Ghi Tên Sáng Chúa Nhật, tại 161, Yên Đổ, Saigon.

Học phí : Rất hạ. 1.500\$ ba tháng. Lớp chiều trả thêm 300\$

Đã có

Phương-Đông ĐÔNG TẬP

Với Mục-lục toàn tập theo bộ môn và tác-giả

Có bán tại tòa báo và các tiệm sách, sạp báo lớn :

Tập 1 : từ số 1 đến số 6, giá bán 700\$

Tập 2 : từ số 7 đến số 12, giá bán 700\$

Tập 4 : từ số 13 đến số 18, giá bán 700\$

Gửi mua tại Tòa báo thì mỗi tập :

Ở xa trong nước, kèm thêm 100\$ cước phí bảo đảm.
Miền Trung và Cao-nguyên thêm phụ phí Hàng Không 60\$ (160\$). Ngoại quốc, thêm cước phí đường thủy và bảo đảm 250\$



NGƯ'U ĐỒ

(ĐỜI TỔNG)